

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 4 năm 2022

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

1. Tên tổ chức: Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

- Mã chứng khoán: VNE
- Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: (84-0236.3562361)
- Fax: (84-0236.3562367) - E-mail: Info@vneco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin Báo cáo thường niên của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam cho năm tài chính 2021.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của VNECO vào ngày 20/4/2022 tại địa chỉ website: <https://www.vneco.com.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VNECO;



TRẦN QUANG CÂN



2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch HĐQT	2
Phần 1: Thông tin chung	4
Phần 2: Tình hình hoạt động trong năm	34
Phần 3: Báo cáo tác động môi trường xã hội	54
Phần 4: Báo cáo Ban Giám đốc	63
Phần 5: Báo cáo Hội đồng Quản trị	75
Phần 6: Quản trị công ty	79
Phần 7: Báo cáo tài chính	93

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa Quý cổ đông, Quý đối tác, Quý khách hàng!

Kính thưa toàn thể Lãnh đạo, CBCNV Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam (VNECO)!

Năm 2021, trước sự diễn biến phức tạp và bùng phát mạnh mẽ của đại dịch COVID-19, VNECO đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch đúng quy định, đồng thời vẫn quyết tâm triển khai các mục tiêu kế hoạch trọng yếu do Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2021 đặt ra và đã đạt được những kết quả nhất định. Điển hình là công tác đấu thầu tìm kiếm được nhiều công trình, dự án và kinh doanh thương mại đạt doanh thu khá tốt, có hiệu quả. Tuy nhiên, nhìn chung các công trình xây lắp điện truyền thống vẫn gặp nhiều trở ngại vì ảnh hưởng các yếu tố khách quan không thuận lợi, không thể đẩy nhanh tiến độ thi công vì đại dịch, giải phóng mặt bằng chậm, giá vật tư, vật liệu, nhân công tăng phi mã bởi nhiều ảnh hưởng tiêu cực, mặt khác giá dự toán các gói thầu xây lắp điện của chủ đầu tư rất thấp dẫn đến lợi nhuận VNECO đạt được không cao.

Trong năm 2021, với sự quyết liệt trong công tác chỉ đạo của HĐQT, điều hành của Ban Tổng Giám Đốc, VNECO đã hoàn thành việc xây dựng dự án nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong tại xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận với 8 turbin gió, tổng công suất 30,4Mw/h, tổng mức đầu tư gần 1.250 tỷ đồng. Đến thời điểm 31/10/2021, VNECO đã hoàn thành COD được 5/8 trụ Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw, doanh thu bán điện hiện nay đạt được khá cao và ổn định), 3 Turbin còn lại sẽ được bán điện thương mại khi có giá điện mới trong thời gian tới.

Năm 2021, VNECO vẫn tiếp tục đối mặt khó khăn phát sinh từ vụ việc Toà án sơ thẩm và phúc thẩm tại thành phố Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng xây dựng. VNECO đã và đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm Bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của TAND Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng công ty. Vụ việc oan sai này đã ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh trên thương trường và thị trường chứng khoán của VNECO, công tác huy động vốn cho một số dự án không thể thực hiện được, vì vậy các hoạt động đầu tư và kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn.

Nhằm khắc phục những khó khăn trên, HĐQT và Ban điều hành đã đề ra các mục tiêu cho năm 2022 và những năm tiếp theo như sau:

- Tiếp tục cơ cấu lại hợp lý công tác nhân sự, công tác tài chính; đổi mới cơ chế quản lý nội bộ; thay đổi linh hoạt các phương pháp quản trị sản xuất kinh doanh phù hợp với tình hình thực tế tại mỗi công trình, dự án.
- Tìm biện pháp nâng cao hơn nữa hiệu quả sử dụng dòng tiền; điều chỉnh phù hợp kế hoạch đầu tư trung, dài hạn; thực hiện tốt việc thanh toán và thu hồi nợ từ các chủ đầu tư, khách hàng; kiểm soát hàng tồn kho và kiểm soát chi phí hợp lý hơn.
- Phối hợp chặt chẽ với các chủ đầu tư nhằm cùng tháo gỡ, đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng thi công các công trình xây lắp điện.
- Đẩy nhanh thủ tục pháp lý và thủ tục đầu tư, phát hành tăng vốn chủ sở hữu và huy động vốn thương mại cho các dự án đầu tư bất động sản, năng lượng tái tạo đang triển khai thực hiện.
- Triển khai tốt hơn nữa công tác đấu thầu tìm kiếm công trình, dự án nhằm có nhiều hợp đồng để chuẩn bị tốt nguồn việc, doanh thu, lợi nhuận cho các năm tiếp theo.
- Quyết liệt thực hiện các thủ tục pháp lý nhằm kêu cứu, kiến nghị các cơ quan thẩm quyền xem xét, giải quyết giám đốc thẩm vụ việc oan sai nêu trên nhằm bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng cho doanh nghiệp, cổ đông và người lao động VNECO.



Kính thưa Quý vị, với tinh thần “
Đoàn kết - Đổi mới - Quyết liệt - Vượt lên”
của toàn thể CBCNV cùng với sự giúp đỡ tích
cực và đồng hành của Quý vị,

tôi tin tưởng rằng trong nhiệm kỳ này của Hội đồng quản trị giai đoạn 2020-2025, VNECO sẽ vượt qua khó khăn, thách thức để đạt được các mục tiêu kế hoạch và phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Cuối cùng, tôi xin trân trọng cảm ơn sự đồng hành, thấu hiểu và chia sẻ của Quý cổ đông, cảm ơn các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban điều hành cùng toàn thể CBCNV trong tổ hợp VNECO đã nỗ lực không ngừng trong công việc, cảm ơn sự hợp tác, tin tưởng của Quý khách hàng và Quý đối tác.

Kính chúc Quý vị mạnh khỏe, thành công. Chúc cho sự hợp tác của chúng ta ngày càng tốt đẹp.
Trân trọng!

CHỦ TỊCH HĐQT

NGUYỄN ANH TUẤN

PHẦN I

THÔNG TIN CHUNG

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	5
Giới thiệu	6
Quá trình hình thành phát triển	8
Ngành nghề địa bàn kinh doanh	10
Mô hình hoạt động	22
Sơ đồ tổ chức, công ty con, liên kết	24
Định hướng phát triển	28
Rủi ro	30





TẦM NHÌN

- ◇ VNECO mong muốn trở thành Tổng Công ty hàng đầu trong lĩnh vực kỹ thuật, xây lắp, cung cấp thiết bị trọn gói, chuyển giao công nghệ và đầu tư các dự án về nguồn điện, hệ thống lưới điện cho ngành điện, công nghiệp và hạ tầng tại Việt Nam.



SỨ MỆNH

- ◇ Chung tay phát triển ngành điện Việt Nam.
- ◇ Mang điện đến mọi miền đất nước.
- ◇ Phát triển năng lượng xanh.
- ◇ Góp phần phát triển kinh tế quốc gia.
- ◇ Mang đến cơ hội phát triển cá nhân, chăm lo cuộc sống tinh thần và vật chất đầy đủ đến nhân viên.
- ◇ Nâng cao giá trị cho cổ đông.



GIÁ TRỊ CỐT LÕI

- ◇ Giá trị văn hoá của toàn thể cán bộ công nhân viên VNECO
- ◇ Đổi mới: Tinh thần học hỏi, luôn cải tiến để nâng cao hiệu quả công việc.
- ◇ Đồng đội: Tinh thần đồng đội, chia sẻ, hợp tác, đồng tâm hiệp lực cùng hướng tới mục tiêu chung.
- ◇ Cống hiến: Tinh thần thể hiện bản thân, đóng góp cho xã hội, cộng đồng thông qua công việc.
- ◇ Giá trị văn hoá của cấp Quản lý
- ◇ Khát vọng: Luôn có mục tiêu và hành động với niềm đam mê.
- ◇ Chính trực: Nền tảng để ra quyết định đúng đắn, không vì lợi ích cá nhân.
- ◇ Trí - Tín: Trí tuệ, sáng suốt, khả năng nhìn xa, tính quyết đoán và coi trọng uy tín.

Tên công ty: **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM**

Tên giao dịch: VIETNAM ELECTRIC CONSTRUCTION JSC

Tên viết tắt: VNECO

Giấy CNĐKKD: Số 0400101450, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp.

Vốn điều lệ: 904.329.530.000 đồng

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 904.329.530.000 đồng

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: +84 (0)236 356 2361

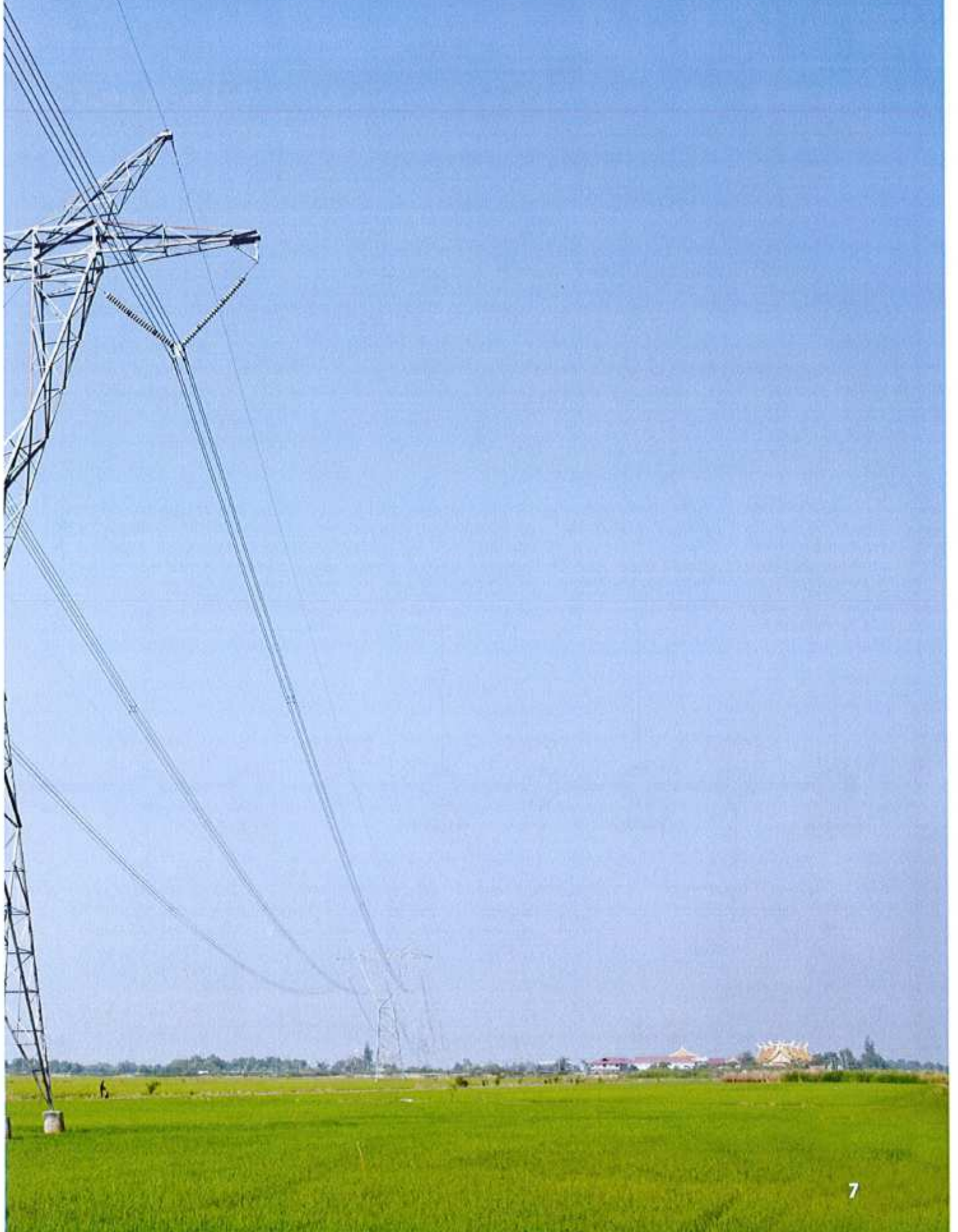
Số Fax: +84 (0)236 356 2367

Email: info@vneco.com.vn

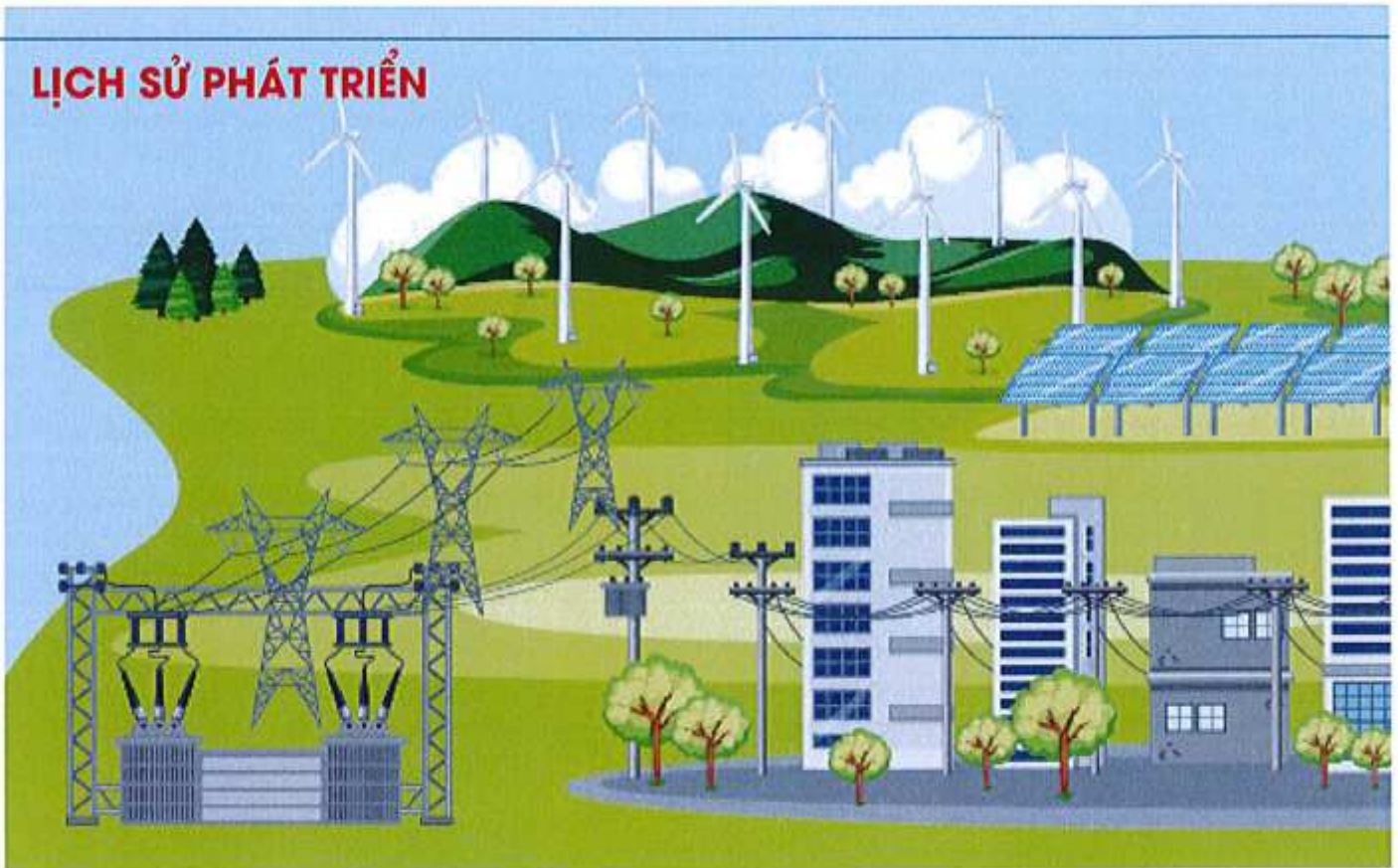
Website: vneco.com.vn

Mã cổ phiếu: VNE

Logo:  **VNECO**
TCY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN

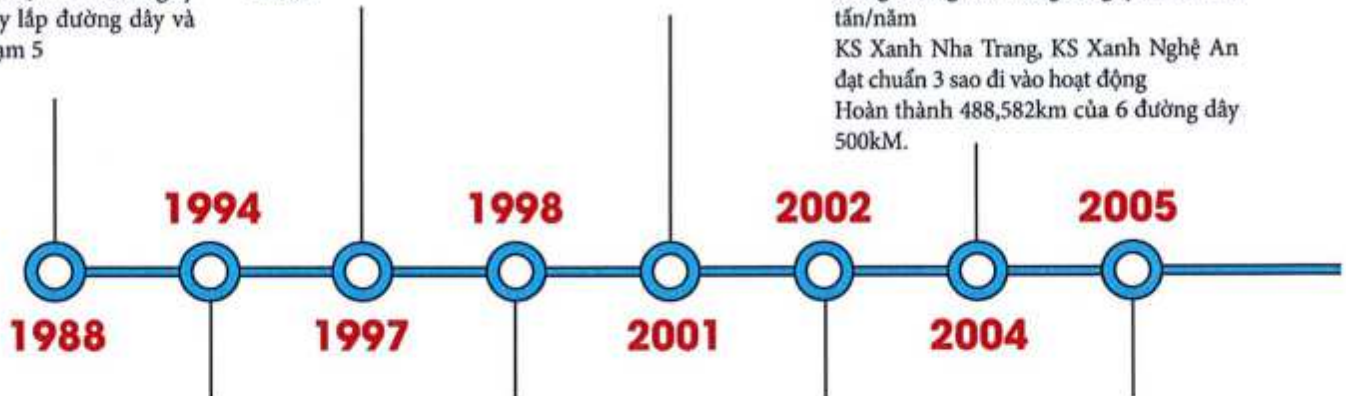


Ngày 22/02/1988 Công ty Xây lắp điện 3 được thành lập trên cơ sở hợp nhất Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 3 và Công ty Xây lắp đường dây và Trạm 5

Hoàn thành 531 km đường dây 500kV Bắc - Nam
Hoàn thành 40 km đường dây 500kV Yaly - Pleiku

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng kết cấu thép và cột thép tại Đà Nẵng với công suất 10.000 tấn/năm đi vào hoạt động

Nhà máy gia công chế tạo và mạ kẽm nhúng nóng, kết cấu thép và cột thép tại TP Hồ Chí Minh công suất 15.000 tấn/năm. Cài tạo các nhà máy thép tại Quy Nhơn, Vinh đi vào hoạt động nâng công suất gia công toàn Tổng công ty lên 35.000 tấn/năm
KS Xanh Nha Trang, KS Xanh Nghệ An đạt chuẩn 3 sao đi vào hoạt động
Hoàn thành 488,582km của 6 đường dây 500kM.



Công ty Xây lắp điện 3 là Công ty hạch toán độc lập trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam (nay là Tập đoàn Điện lực Việt Nam).

Trực thuộc Tổng Công ty xây dựng Công nghiệp Việt Nam, Vốn điều lệ: 8,377 tỷ đồng

Công ty Xây lắp điện 3 được tổ chức lại thành Công ty mẹ Nhà nước trực thuộc Bộ Công nghiệp thí điểm hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con. Tăng vốn điều lệ lên 74,780 tỷ đồng

Cổ phần hóa, chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước) thành Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
Đẩy mạnh hoạt động đầu tư các nhà máy thủy điện

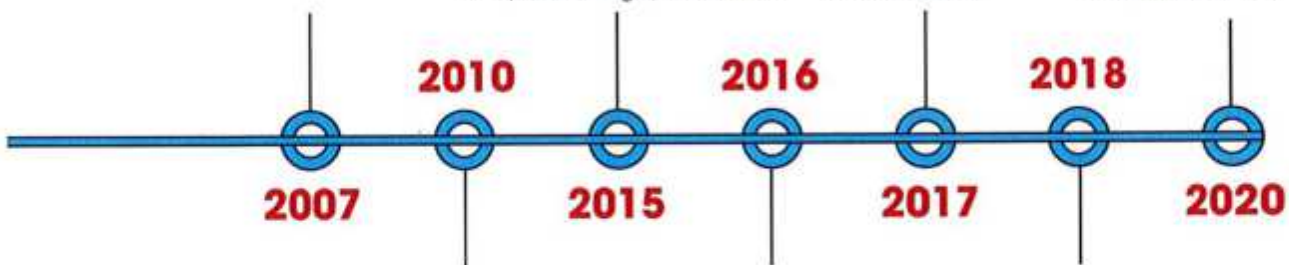


Tăng vốn từ 150 tỷ đồng lên 320 tỷ đồng
 Niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh
 Khách sạn Xanh Huế với tiêu chuẩn 4 sao đi vào hoạt động

SCIC chuyển nhượng toàn bộ 18,9 triệu cổ phiếu VNE cho các nhà đầu tư tổ chức và cá nhân
 Tăng vốn điều lệ từ 637 tỷ đồng lên 823 tỷ đồng
 Thoái vốn tại các đơn vị thành viên: Công ty VNECO5, VNECO 6, VNECO11, Công ty Tư vấn và Xây dựng VNECO, Công ty CP Du lịch Xanh Nghệ An VNECO

Tổng Công ty thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty liên kết: Công ty TNHH Quản lý dự án CORE ASIA

Ngoài ngành nghề xây lắp điện truyền thống, VNECO tham gia làm Tổng thầu EPC, PC xây lắp các nhà máy điện mặt trời, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh thương mại. Thoái toàn bộ vốn đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH MTV Điện Mặt trời VNECO - Vĩnh Long và Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 7



Tăng vốn điều lệ từ 320 tỷ đồng lên 637 tỷ đồng

Tăng vốn điều lệ từ 823 tỷ lên 904 tỷ đồng

Tổng Công ty tiếp tục thực hiện tái cấu trúc tài sản, tập trung vào lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và mở rộng đầu tư sang lĩnh vực năng lượng tái tạo.
 Thoái vốn đầu tư tại Công ty con: Công ty CP Du lịch Xanh Huế VNECO

2021 Hoàn thành dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1 với tổng mức đầu tư hơn 1.250 tỷ đồng, COD 5/8 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw).

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh

- ▷ Xây lắp các công trình lưới điện và trạm biến áp đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp dân dụng, công trình giao thông, thủy lợi, viễn thông, văn hóa, thể thao, sân bay, bến cảng;
- ▷ Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- ▷ Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; Sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất, kinh doanh xăng dầu;
- ▷ Thí nghiệm hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;
- ▷ Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đầu tư và hợp đồng kinh tế, tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- ▷ Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và các thiết bị công nghiệp khác;
- ▷ Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- ▷ Đầu tư nhà máy thủy điện độc lập, kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- ▷ Đầu tư tài chính;
- ▷ Sản xuất và kinh doanh điện;
- ▷ Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- ▷ Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; kinh doanh lễ hành nội địa và quốc tế;
- ▷ Kinh doanh vận tải, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- ▷ Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- ▷ Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử viễn thông, điện gia dụng;
- ▷ Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- ▷ Kinh doanh bán kẹo, rượu, bia, thuốc lá, thuốc lá điếu sản xuất trong nước, hóa mỹ phẩm;
- ▷ Kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ, đồ dùng cá nhân và gia đình;
- ▷ Cho thuê văn phòng và mặt bằng kinh doanh.



Lĩnh vực kinh doanh chính

Trải qua hơn 30 năm hình thành phát triển, VNECO hiện nay tập trung vào 4 lĩnh vực kinh doanh chính gồm: xây lắp điện, sản xuất công nghiệp, bất động sản du lịch và đầu tư dự án nguồn điện.

Thi công xây lắp công trình điện

Thi công xây lắp là lĩnh vực kinh doanh cốt lõi và là thế mạnh truyền thống của VNECO từ khi thành lập đến nay. VNECO đã thực hiện thi công xây lắp hơn hàng chục nghìn km đường dây từ 110kV, 220kV đến 500kV, nhiều trạm biến áp 220kV, 500kV cùng nhiều công trình truyền tải điện đường dây khác.

Thế mạnh của VNECO là kinh nghiệm thi công, giám sát thi công, cùng máy móc thiết bị hiện đại, cho phép thực hiện đồng thời nhiều dự án đường dây và trạm biến áp có quy mô lớn và phức tạp đến 500kV.

Từ vị trí là nhà thầu xây lắp, đến nay, VNECO đã vươn lên trở thành đơn vị có đầy đủ năng lực tham gia, đã và đang thực hiện các dự án tổng thầu EPC xây lắp điện.



Danh mục các công trình đã thi công

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
I	Đường dây 500kV		
1	Đz 500 kV Bắc - Nam	524	1992 - 1994
2	Đz 500kV Yaly - Pleiku	40	1997- 1999
3	Đz 500kV Pleiku - Phú Lâm	134.623	2001- 2006
4	Đz 500Kv Phú Mỹ- Nhà Bè- Phú Lâm	11.483	2001- 2006
5	Đz 500Kv Pleiku- Dốc Sỏi - Đà Nẵng	76.567	2001- 2006
6	Đz 500kV Đà Nẵng - Hà Tĩnh	152,01	2001- 2006
7	Đz 500kV Hà Tĩnh - Thường Tín	89.584	2001- 2006
8	Đz 500kV Nhà Bè - Ô Môn (đoạn Ô Môn - Cai Lậy)	24.585	2001- 2006
9	Đz 500kv Quảng Ninh - Thường Tín	23,96	2007- 2009
10	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.1)	34.504	2012-2014
11	Đz 500kV Quảng Ninh - Hiệp Hòa (lô 8.2)	34.494	2012-2014
12	Đz 500kV Vĩnh Tân - Sông Máy	35,2	2010-2014
13	Đz 500kV Pleiky - Mỹ Phước - Cầu Bông	67	2010-2014
14	Đz 500kV Phú Mỹ - Sông Máy	29,57	2009-2013
15	Đz 500kV Sơn La - Lai Châu (gói thầu số 9 và 12)	33.552	2013-2015
16	Đz 500kV Long Phú - Ô Môn	17.078	2014-2016
17	TBA 500kV Duyên Hải	450MVA	2013-2015
18	Đz 500kV Duyên Hải - Mỹ Tho	29,45	2014-2016
19	Đz 500kV Dự án Xây dựng đường Cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi	5,4	2014-2016
20	TBA 500kV Pleiku 2	3.453	2015-2016
21	Đz 500kV Sông Máy - Tân Uyên	5,3	2015-2017
22	Đz 500kV Vĩnh Tân - Rê Sông Máy - Tân Uyên	33,7	2015-2017
23	TBA 500kV Tân Uyên và đấu nối	300MVA	2015-2017
24	Đz 500kV Mỹ Tho-Đức Hòa	17,08	2016-2018
25	TBA 500kV Đức Hòa	300MVA	2017-2021
26	Đz 500kV Đấu nối NMNĐ Thăng Long	4,37	2016-2017
27	Đz 500/ 220kV Hiệp Hòa - Đông Anh - Bắc Ninh 2	8,01	2016-2017
28	Đz 500kV đấu nối NMĐ Nghi Sơn 2 vào Hệ thống điện QG	11,42	2018-2020
29	Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi (03 lô)	100,41	2018-2020
30	Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hoà (lô 5.3)	5,3	2020-2021
31	Đz 500kV Vĩnh Tân - Văn Phong (gói 11)	22,1	2021-2022
32	TBA 500kV Thốt Nốt (gói 5)	250MVA	2021-2023



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
II Đường dây 200kV			
1	Đz 220kV Vinh - Đống Hới	214	
2	Đz 220kV Quy Nhơn - Pleiku	76	
3	Đz 220kV Pleiku - KrôngBúk	102,4	
4	Đz 220kV KrôngBúk - Nha Trang	147	
5	Đz 220kV Đà Nẵng - Hoà Khánh	13,3	
6	Đz 220kV Hàm Thuận - Bảo Lộc	28	
7	Đz 220kV Ninh Bình - Thanh Hoá	28.415	
8	Đz 220kV Hoà Khánh - Huế	82,17	
9	Đz 220kV đấu nối sau TBA 500kV Hà Tĩnh	7,34	
10	Đz 220kV Rạch Giá - Bạc Liêu	50	
11	Đz 220kV Đa Nhim - Nha Trang	113.33	
12	Đz 220kV Đà Nẵng - Dốc Sỏi	104.6	
13	Đz 220kV Đa Nhim - Long Bình	6,44	
14	Đz 220kV Cà Mau - Ô Môn (đoạn 4 mạch)	29.702	
15	Đz 220kV Thốt Nốt - Châu Đốc-Tĩnh Biên	96.198	
16	Nâng cấp ĐZ 220kV Thủ Đức - Long Bình	5.232	
17	Đz 220 kV Thanh Thủy - Hà Giang - Tuyên Quang	35	
18	Đz 220kV Tuyên Quang - Yên Bái (VT: 1 -> VT:65)	38	
19	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ ĐĐ-G33)	38,82	2007- 2009
20	Đz 220kV Tuy Hòa - Nha Trang (đoạn từ G33-G50) 29,41km	29,41	2007- 2009
21	Đz 220kV Hạ Sông Ba - Tuy Hòa 35,46km	35,46	2007- 2009
22	Đz 220kV Quy Nhơn - Tuy Hòa (đoạn từ ĐĐ-G34) 46,85km	46,85	2007- 2009
23	Đz 220kV Thanh Hóa - Vinh	32,76	2011-2014
24	Đz 220kV Vũng Áng - Hà Tĩnh (gói 6.2 và 6.4)	40.735	2011-2013
25	Đz 220kV Duyên Hải - Trà Vinh	45,7	2012-2014
26	Đz đấu nối 110/220 vào TBA Sông Mây	8,2	2011-2014
27	Đz 220kV Vinh Tân - Phan Thiết	53	2012-2014
28	Đz 220kV Phan Thiết - Phù Mỹ 2	46.67	2013-2016
29	Đz 220kV Duyên Hải - Mỏ Cà	1,8	2014-2015
30	Đz 220kV Văn Trì - Chèm	17	2012-2015
31	Đz 220kV Nhiệt điện Thái Bình	9	2013-2015
32	Đz 220kV Long Phú - Sóc Trăng	17,8	2014-2016
33	TBA 220kV Kon Tum và đấu nối	125MVA	2014-2015

TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
34	220kV Vũng áng - Ba Đồn - Đồng Hới	26,8	2014-2015
35	Đz 220kV An Khê - Quy Nhơn	25.776	2014-2015
36	Đz 220kV Đà Nẵng - Quận 3	13,39	2014-2016
37	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lộ 8.1	33.988	2015-2016
38	Đz 220kV Xekaman 1 (Hutxan) - Pleiku 2 lộ 8.2	40,45	2015-2016
39	Đz 220kV Thái Bình - Trạm 220kV Thái Bình	2,3	2014-2015
40	Đz 220kV Vĩnh Tường	4,1	2014-2016
41	Đz 220kV Hòa Bình - Tây Hà Nội	14,2	2015-2016
42	Đz 220kV Nhà máy Thủy điện Hồi Xuân - đấu nối vào HT điện Quốc gia	15.394	2013-2016
43	Đz đấu nối vào TBA 500kV Tân Uyên	4,7	2016-2017
44	Đz 220kV Cầu Bông-Bình Tân	2,7	2016-2017
45	Đz 220kV Thái Bình-Tiến Hải-Trực Ninh	8,01	2016-2017
46	Đz 220kV Di Linh-Bảo Lộc	9,75	2016-2017
47	Đz 220kV đấu nối TBA 500kV Đức Hòa	8,7	2018-2019
48	Đz 220kV Nhiệt điện Hải Dương - Phố Nối	22,1	2019-2020
49	Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện (gói 15)	19,5	2020-2021
50	Đz 220kV KrôngBuk - Nha Trang	149	2020-2021
51	Đz 220kV đấu nối TBA Long Thành	4,6	2020-2021
52	Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 2)	16,2	2021-2022
53	Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 4)	11,9	2021-2022
54	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5)	40,7	2022-2023
55	Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 6)	35	2022-2023
56	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 9)	53	2022-2023
57	Đz220kV Nghĩa Lộ - Việt Trì (gói 10)	41	2022-2023
58	Đz 220kV Nậm Sung - Nông Cống (gói 14)	32,9	2022-2023
59	Đz 220kV đấu nối cụm NMDZ Cà Mau 1 vào HT điện Quốc gia	30	2022-2023
III Đường dây dưới 220kV			
1	TBA 220kV/110kV Vĩnh Tường và các đường dây đấu nối 220kV, 110kV	12,605	2016-2017
2	TBA 110kV Hòa Xuân và nhánh rẽ	1,94	2016-2017
3	Nâng cấp đường dây 110kV Long Thành - Hyosung từ 02 mạch lên 04 mạch (từ trụ số 10 đến trụ số 32) cấp điện cho TBA 110kV Hyosung	6,677	2016-2017
4	Nâng cao năng lực truyền tải Đz 110kV Lộ 172 TBA 220kV Ninh Bình-Trình Xuyên	10,7	2016-2017
5	Nhánh rẽ vào trạm 220kV Sơn Tây	11,82	2016-2018
6	DDK 110kV Hà Đông - Sơn Tây (173E1.4 đi 172E1.7)	38,226	2016-2019
7	Đz 110kV Nam Sài Gòn-Nam Sài Gòn, giai đoạn 2	3,782	2016-2019



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
8	Đz 220-110kV Cầu Bông-Bình Tân từ G19 đến TBA 500kV Cầu Bông	3,613	2017-2018
9	Đz 110kV 173 Trảng Bàng 2-177 Đức Hòa 2; 174 Trảng Bàng 2-171 Đức Huệ; 172 Đức Huệ-178 Đức Hòa 2 (Phân pha dây dẫn)	8,763	2017-2018
10	Đz 110kV 174 Phan Thiết-172 Phan Rí (Phân pha dây dẫn)	14,3	2017-2018
11	Đầu nối 110kV sau TBA 220kV Phong Điền	5,7	2018-2018
12	Nâng cấp ĐZ 110kV TBA 220kV Quảng Ngãi-Đức Phổ-Tam Quan	28,02	2018-2018
13	Cải tạo nâng cao khả năng truyền tải đường dây 110kV từ TBA 110kV Nha Trang đi TBA 110kV Ninh Hòa	34,076	2018-2018
14	Treo dây mạch 2 ĐZ 110kV Quỳnh Lưu - Diễn Châu - Cửa Lò - Hưng Đông	14,832	2018-2019
15	Đz 110kV Quy Nhơn - Sông Cầu (đoạn Phú Yên)	30	2019-2020
16	Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 2)	38	2020-2021
17	Đz 110kV Tam Kỳ - Tam Thăng (mạch 2)	15	2021-2022
IV	Trạm biến áp 220kV		
1	Trạm biến áp 220kV Vinh	125	
2	Trạm biến áp 220kV Đồng Hới	63	
3	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn	63	
4	Trạm biến áp 220kV Đa Nhim	63	
5	Trạm biến áp 220kV KrôngBúk	63	
6	Trạm biến áp 220kV Nha Trang	123	
7	Trạm biến áp 220kV Vinh (MR)	125	
8	Trạm biến áp 220kV Huế	125	
9	Trạm biến áp 220kV Hoà Khánh	125	
10	Trạm biến áp 220kV Đốc Sỏi	63	
11	Trạm biến áp 220kV Quy Nhơn (MR)	125	
12	Trạm biến áp 220kV Nha Trang (MR)	125	
13	Trạm biến áp 220kV Long Xuyên 2 & Đz đầu nối	250MVA	2016-2017
14	Trạm biến áp 220kV Đô Lương	250MVA	2017-2018
15	Trạm biến áp 220kV Phù Mỹ	250MVA	2017-2018
16	Trạm biến áp 220kV Tam Phước	250MVA	2020-2021
17	Trạm biến áp 220kV Bá Thiện (gói 11) Trạm biến áp 220kV & MRNL đầu nối cụm	250MVA	2021-2022
18	TBA GIS 220kV NMDG Cà Mau 1	250MVA	2021-2022



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
V	Trạm biến áp 110kV		
1	Trạm biến áp 110kV Xuân Hà	50	
2	Trạm biến áp 110kV Đồng Hới	16	
3	Trạm biến áp 110kV Huế	25	
4	Trạm biến áp 110kV Đồng Hà	16	
5	Trạm biến áp 110kV Quảng Ngãi	5	
6	Trạm biến áp 110kV Cam Ranh	16	
7	Trạm biến áp 110kV Văn Xá	25	
8	Trạm biến áp 110kV Quy Nhơn 2	40	
9	Trạm biến áp 110kV Tuy Hoà 2	25	
10	Trạm biến áp 110kV Đồn Phò	16	
11	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh + đấu nối	25	
12	Trạm biến áp 110kV Hà Tĩnh (M2)	25	
13	Trạm biến áp 110kV Linh Cảm	25	
14	Trạm biến áp 110kV Bến Thủy	25	
15	Trạm biến áp 110kV Liên Trì	25	
16	Trạm biến áp 110kV Vinh Long (MR)	25	
17	Trạm biến áp 110kV Dung Quất	25	
18	Trạm biến áp 110kV Cầu Đỏ (MR)	25	
19	Trạm biến áp 110kV An Đồn	25	
20	Trạm biến áp 110kV Ba Đồn	25	
21	Trạm biến áp 110kV Diên Hồng	25	
22	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng (M2)	40	
23	Trạm biến áp 110kV Tháp Chàm (M2)	25	
24	Trạm biến áp 110kV Sóc Trăng	40	
25	Trạm biến áp 110kV Điện Ngọc	40	
26	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
27	Trạm biến áp 110kV Vĩnh Linh	25	
28	Trạm biến áp 110kV Liên Chiểu	40	



TT	Tên công trình	Chiều dài/ Công suất(Km/kVA)	Năm hoàn thành
29	Trạm biến áp 110kV Suối Dầu	25	
30	Trạm biến áp 110kV Eakar	25	
31	Trạm biến áp 110kV Cầu Hai	25	
32	Trạm biến áp 110kV Phù Cát	25	
33	Trạm biến áp 110kV Lao Bảo & ngăn xuất tuyến	25	
34	Trạm biến áp 110kV Eakar & ngăn xuất tuyến	25	
35	Trạm biến áp 110kV Đắc Tô & ngăn xuất tuyến	16	
36	Trạm biến áp 110kV Lệ Thủy & nhánh rẽ	25	
37	Trạm biến áp 110kV Hoà Khánh (MR)	25	
38	Trạm biến áp 110kV Kon Tum (MR)	25	
39	Trạm biến áp 110kV Cư Jú	25	
40	Trạm biến áp 110kV Lăng Cô	25	
41	Trạm biến áp 110kV Xi măng Sông Gianh	25	
42	TBA 110kV Đăk Hà và nhánh rẽ	40MVA	
43	Đz & TBA 110kV Liễu Đề	40MVA	
44	Trạm biến áp 110kV Bảo Ninh và Đz đấu nối	40MVA	
VI	Các công trình thủy điện		
1	Nhà máy Thủy điện Khe Diên	9MW	2003-2007
2	Nhà máy Thủy điện Krông-H'Năng	64MW	2005-2008
3	Nhà máy Thủy điện Hối Xuân		
VII	Các công trình năng lượng tái tạo		
1	Nhà máy Điện mặt trời Cujut - Buôn Ma Thuột	50MWp	2018-2019
2	Nhà máy Điện mặt trời Cam Lâm - Khánh Hòa	50MWp	2019-2020
3	Nhà máy Điện mặt trời HaCom - Ninh Thuận	50MWp	2019-2020
4	Nhà máy Điện mặt trời Thuận Nam - Đức Long	50MWp	2019-2020

Và hơn 1,6 triệu km đường dây 110kV khác và hơn 4.400km đường dây 35kV đã thi công



Sản xuất công nghiệp

Các sản phẩm chính của Tổng Công ty trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp bao gồm gia công cơ khí, sản xuất cột điện bê tông ly tâm, ống cống và sản xuất gạch block các loại.

Sản xuất cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông ly tâm các loại.

VNECO có các đơn vị thành viên có dây chuyền công nghệ cao sản xuất trụ điện cột bê tông dự ứng lực, ống cống và các sản phẩm bê tông ly tâm đúc sẵn. Sản phẩm bê tông ly tâm do VNECO sản xuất có chất lượng cao, được kiểm định đo lường cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn và được sử dụng trong các công trình đường dây và trạm trên khắp các tỉnh thành đất nước.





Dịch vụ du lịch, bất động sản

Ngoài lĩnh vực kinh doanh chính, VNECO còn mở rộng đầu tư vào lĩnh vực du lịch và bất động sản. Mặc dù không phải lĩnh vực kinh doanh chính nhưng cũng đóng góp cho sự phát triển bền vững của Tổng Công ty. VNECO hiện đang sở hữu và khai thác Khách sạn Xanh Đà Nẵng:

Số 64 Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Tel: (84)236 3842055

Mail: info@greenhoteldn.com.vn

Website: www.greenhoteldn.com.vn

Khách sạn Xanh Đà Nẵng là một khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao Quốc Tế với hệ thống lưu trú gồm 84 phòng (49 phòng Deluxe, 4 phòng Suite, 6 phòng Villa, 25 phòng Standard), được thiết kế sang trọng đầy đủ các tiện nghi, dịch vụ bổ sung đảm bảo chất lượng và phong cách phục vụ chuyên nghiệp; Nhà hàng tiệc cưới Hoa sứ sức chứa 450 khách và nhà hàng Draff Beer. Khách sạn Xanh tọa lạc trên đường Hoàng Văn Thái - Thành phố Đà Nẵng, cách bến xe trung tâm của thành phố chỉ khoảng 5 phút, nằm trên trục đường đi Bà Nà Hills, núi Thần Tài, cách nhà Ga Đà Nẵng và sân bay quốc tế Đà Nẵng chỉ 10 phút. Nhà hàng của Khách Sạn Xanh Đà Nẵng có sức chứa từ 200 đến 1000 khách. Phục vụ các món ăn từ phong cách Châu Âu, Á hiện đại mang đến những hương vị đậm bản sắc truyền thống quê hương Việt Nam.





Dịch vụ du lịch, bất động sản

Dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng

Vị trí đầu tư: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế

Tổng mức đầu tư: 832 tỷ đồng

Quy mô diện tích: 43,1 ha (trong đó Quỹ đất được giao nhà phố 925 lô, biệt thự 73 lô, đất thương mại dịch vụ: 3 lô)

Tiện ích và chất lượng cuộc sống hoàn hảo

- Đầy đủ các tiện ích công cộng thỏa mãn mọi nhu cầu sinh hoạt của cư dân trong khu đô thị
- Môi trường xanh, sạch, đẹp, nhiều cây xanh
- Cộng đồng văn minh
- An ninh đảm bảo

Your dreaming home

Phân khu 1	Phân khu 2	Phân khu 3	Phân khu 4
Tổng cộng 25 Biệt thự 3 tầng 30 Nhà phố 3 tầng 164 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 24 Biệt thự 3 tầng 106 Nhà phố 3 tầng 81 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 21 Biệt thự 3 tầng 50 Nhà phố 3 tầng 210 Nhà phố 4 tầng	Tổng cộng 3 Biệt thự 4 tầng 90 Nhà-phố 3 tầng 174 Nhà phố 4 tầng





Đầu tư nguồn điện

VNECO đã thực hiện thi công các nhà máy thủy điện như: Nhà máy thủy điện Hối xuân, nhà máy thủy điện K'rong H' năng, nhà máy thủy điện Khe Diên,...

Hiện nay, Tổng Công ty tập trung xúc tiến đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong 1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2,...

Địa bàn kinh doanh

Địa bàn hoạt động của VNECO trải rộng khắp cả nước:

28 công trình đường dây 500kV
với tổng chiều dài **1576km**

59 công trình đường dây 220kV
với tổng chiều dài **2280km**

1.826km tổng chiều dài đường dây 110kV

4.400km tổng chiều dài đường dây 35kV, 22kV

Đã tham gia xây dựng:

05 trạm biến áp 500kV
với dung lượng từ 300MVA đến 450MVA,

17 trạm biến áp 220kV
với dung lượng từ 63MVA đến 125MVA

44 trạm biến áp 110kV
với dung lượng từ 5MVA đến 50MVA

Xây dựng 02 nhà máy thủy điện:

Khe Diên với công suất **9MW**

Krong Hnang với công suất **64MW**

Xây dựng 03 nhà máy điện mặt trời:

Cư Jut - Buôn Ma Thuột với công suất **50MW**

Cam Lâm - Khánh Hòa với công suất **50MW**

Thuận Nam - Đức Long với công suất **50MW**

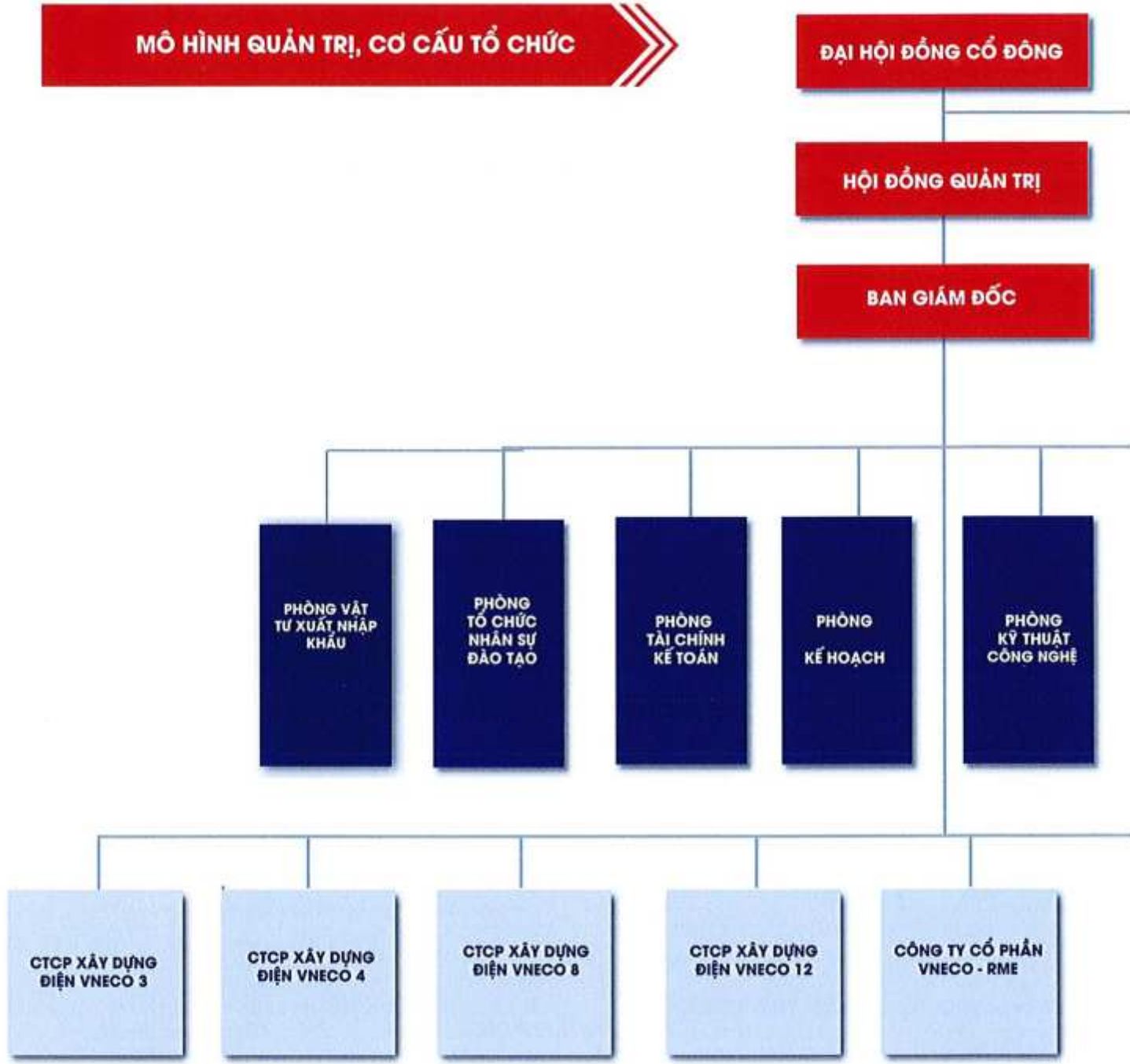
HÀM KIỆM 1 - BÌNH THUẬN với công suất **50MW**

Xây dựng 01 nhà máy điện gió:

Thuận Nhiên Phong 1 với công suất **30,4MW**



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, CƠ CẤU TỔ CHỨC



Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có quyền quyết định cao nhất tại VNECO. ĐHCĐ có nhiệm vụ thảo luận và thông qua các Báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và đầu tư, tiến hành thảo luận, thông qua, bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Tổng công ty; thông qua chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; quyết định bộ máy tổ chức của Tổng công ty và các quyền khác theo Điều lệ Tổng công ty và pháp luật hiện hành.

Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản trị của VNECO, có toàn quyền nhân danh VNECO để quyết định các vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi VNECO, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ. Báo cáo trước ĐHCĐ tình hình kinh doanh, dự kiến phân phối lợi nhuận, chia cổ tức, báo cáo quyết toán năm tài chính, phương hướng phát triển và kế hoạch sản xuất kinh doanh. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy, quy chế hoạt động của Tổng công ty. Bổ nhiệm, bãi nhiệm, giám sát hoạt động của Tổng giám đốc và Ban điều hành. Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ Tổng Công ty. Quyết định triệu tập ĐHCĐ. Các nhiệm vụ khác theo Điều lệ VNECO quy định.

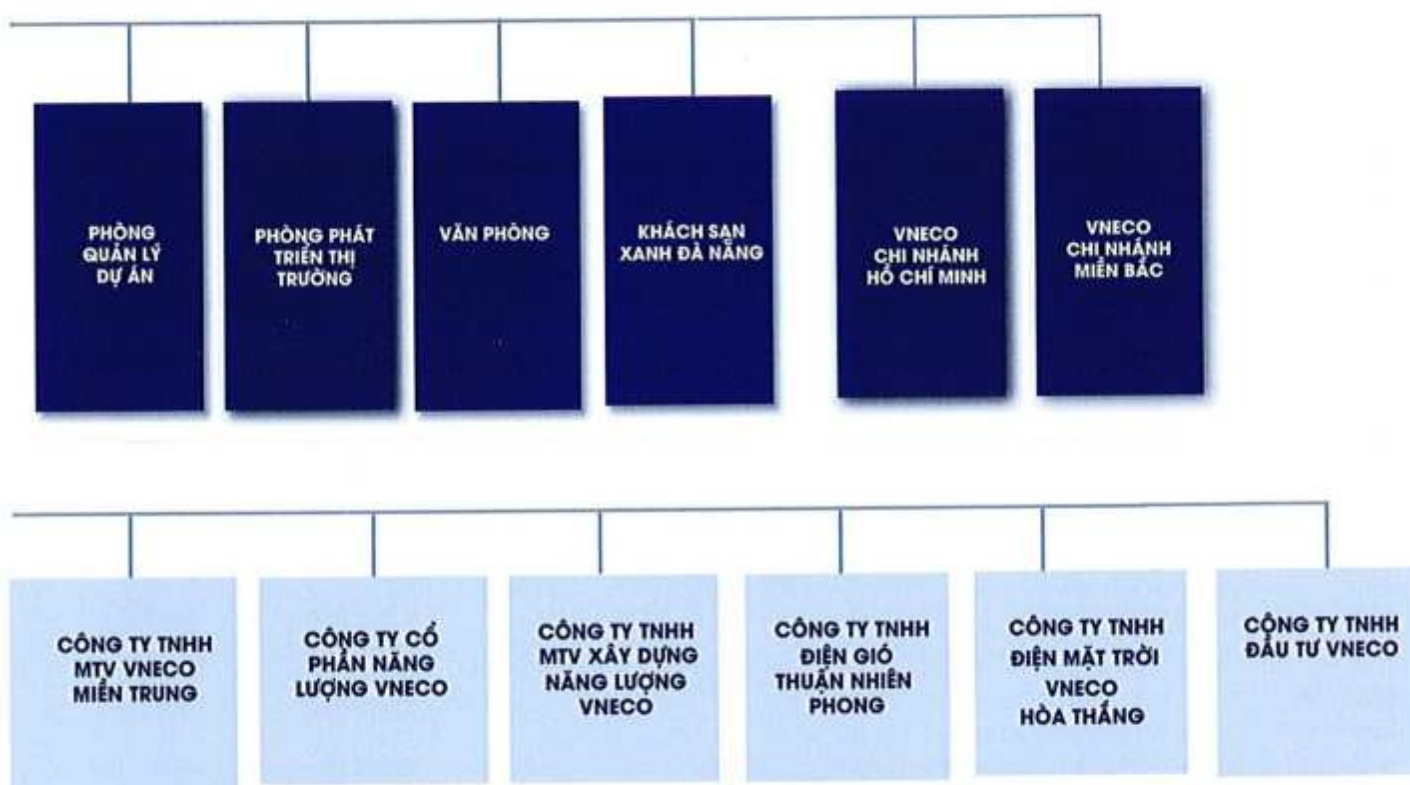


BAN KIỂM SOÁT

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

Là một công ty cổ phần, mô hình quản trị của VNECO được tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, bao gồm các bộ phận:

- 📍 Đại hội đồng cổ đông
- 📍 Hội đồng quản trị: gồm 5 thành viên
- 📍 Ban kiểm soát: 03 thành viên, 01 thành viên chuyên trách
- 📍 Ban Điều hành: 06 thành viên, gồm 01 Tổng giám đốc, 04 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng



Ban kiểm soát: Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát HĐQT, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ về các nhiệm vụ được giao.

Ban điều hành: Ban điều hành gồm 06 thành viên (01 Tổng giám đốc, 04 phó tổng giám đốc và 01 kế toán trưởng) do HĐQT bầu ra. Tổng giám đốc là người phụ trách lãnh đạo và điều hành toàn bộ hoạt động kinh doanh hàng ngày của Tổng công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về tất cả các quyết định của mình liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty. Các Phó Tổng giám đốc được phân công phụ trách ban chỉ đạo công trình khu vực Miền Bắc, Trung, Nam, phụ trách công tác đấu thầu

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA TỔNG CÔNG TY

Văn phòng Tổng Công ty: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Đơn vị trực thuộc:

- Khách sạn xanh Đà Nẵng: Số 64 Hoàng Văn Thái, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Thành Phố Hồ Chí Minh: Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, Phường Tân Quý, Quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
- Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam - Chi nhánh Miền Bắc: 10A15 Đầm Trấu, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội

CÁC CÔNG TY CON

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 3

Địa chỉ: Khối 3, Trung Đô, Tp. Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 13.197.100.000 đ

Vốn góp của VNECO: 6.985.720.000đ tương đương 52,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 4

Địa chỉ: 197 Nguyễn Trường Tộ, Tp. Vinh, Nghệ An

Vốn điều lệ: 10.280.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 5.192.580.000đ tương đương 54,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 8

Địa chỉ: 10 Đào Duy Từ, Thành phố Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk

Vốn điều lệ: 18.000.000.000đ

Vốn góp của VNECO: 9.746.980.000đ tương đương 55,93% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VNECO 12

Địa chỉ: 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Vốn điều lệ: 12.000.000.000đ

Vôn góp của VNECO: 7.887.200.000đ tương đương 65,73% vốn điều lệ



CÔNG TY CỔ PHẦN NĂNG LƯỢNG VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ ích của Công ty mẹ : 51%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%





CÔNG TY TNHH ĐIỆN GIÓ THUẬN NHIÊN PHONG 1

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 Vốn góp của VNECO là 440.000.000.000 đồng



CÔNG TY TNHH ĐIỆN MẶT TRỜI VNECO - HÒA THẮNG

Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam
 Vốn góp của VNECO là 20.000.000.000 đồng

CÔNG TY CỔ PHẦN VNECO - RME

Số 99 Lê Quốc Hưng, phường 12, quận 4, Thành Phố Hồ Chí Minh
 Vốn góp của VNECO là 15.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VNECO

Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
 Vốn góp của VNECO là 20.000.000.000 đồng

CÔNG TY TNHH MTV VNECO - MIỀN TRUNG

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
 Vốn góp của VNECO là 1.631.187.792 đồng

CÔNG TY TNHH MTV XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG VNECO

Số 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
 Vốn góp của VNECO là 1.000.000.000 đồng

STT	TÊN CÔNG TY	VỐN GÓP	% VỐN ĐIỀU LỆ
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	5.854.100.000	32,7%
	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	3.000.000.000	30,5%



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

MỤC TIÊU CHÍNH

(1) Xây dựng VNECO trở thành đơn vị hàng đầu trong lĩnh vực xây lắp các công trình điện, thực hiện các hợp đồng EPC cho các công trình điện, thực hiện đầu tư các dự án sản xuất điện năng từ năng lượng tái tạo, đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ khách sạn và du lịch...

(2)- Đầu tư năng lượng: tập trung nguồn lực đầu tư các dự án năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, mục tiêu phát triển bền vững công ty gắn với bảo vệ môi trường.

(3)- Sản xuất kinh doanh tăng trưởng bền vững nhằm tối đa hóa lợi nhuận công ty, tối đa hóa giá trị cho cổ đông, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động, thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, phát triển công ty ngày càng lớn mạnh.



(4)- Tiếp tục phát triển các hệ thống máy móc, cải tiến khoa học kỹ thuật áp dụng vào thực tiễn sản xuất; chú trọng đào tạo và phát triển nguồn nhân lực có trình độ, chất lượng, có tác phong công nghiệp và kỷ luật cao.

(5)- Xác định ngành nghề cốt lõi trung và dài hạn vẫn là xây lắp truyền thống. Bên cạnh đó để phát triển bền vững và không độc canh ngành nghề xây lắp, định hướng phát triển năng lượng sạch, năng lượng tái tạo để phát triển bền vững. Bên cạnh đó quan tâm đầu tư vào lĩnh vực Bất động sản, du lịch trong từng giai đoạn và từng thời điểm.

(6)- Tôn trọng và tuân thủ pháp luật, quản trị Công ty minh bạch tạo sự phát triển bền vững, mạnh mẽ.



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CHIẾN LƯỢC TRUNG VÀ DÀI HẠN

- ◇ - Lĩnh vực xây lắp công trình điện: Tiếp tục đẩy mạnh công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm trong lĩnh vực xây dựng điện phát huy tối đa ưu thế về ngành nghề truyền thống. Áp dụng mô hình quản lý thi công theo ban chỉ đạo từ vùng miền. Từng bước đưa các kỹ sư kỹ thuật làm chỉ huy trưởng chỉ đạo thi công các công trình, đồng thời để cán bộ kỹ thuật kiêm nhiệm thêm công tác chỉ đạo thực hiện công tác đến bù giải phóng mặt bằng thi công. Áp dụng và triển khai việc kéo dây bằng tổ hợp thiết bị thi công. Kéo dây không chạm đất thay thế toàn bộ thiết bị thi công truyền thống trước đây nhằm rút ngắn thời gian thi công, giảm chi phí đến bù, giảm thiểu rủi ro trong quá trình thi công, giảm thiểu tối đa tác động, môi trường, nâng cao chất lượng công trình và tạo hình ảnh chuyên nghiệp trong lĩnh vực xây lắp điện Việt Nam
- ◇ - Lĩnh vực xây lắp năng lượng tái tạo: Tăng cường tiếp cận với các đơn vị tư vấn, thiết kế, chủ đầu tư để nắm thông tin về các dự án năng lượng tái tạo; Phối hợp với các đối tác, nhà thầu lớn có tiềm năng, thực hiện liên doanh, liên kết triển khai các dự án EPC lớn để bổ sung hồ sơ năng lực; Sớm thực hiện hoàn thành thủ tục đo gió cho dự án điện gió Lệ Thủy 3 với công suất 100Mw nhằm hoạch định cơ hội cho các năm tiếp theo.
- ◇ - Lĩnh vực sản xuất công nghiệp: Đầu tư vào nghiên cứu phát triển sản phẩm tại các đơn vị thành viên. Bổ sung, hoàn thiện cơ chế quản lý của Tổng công ty phù hợp với tình hình kinh doanh từng đơn vị, phát huy tối đa sức mạnh của tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con.
- ◇ - Lĩnh vực bất động sản: Phát triển và khai thác các dự án bất động sản hiện có; tìm kiếm thêm nhiều dự án BĐS mới đảm bảo hiệu quả cho Doanh nghiệp.
- ◇ - Lĩnh vực dịch vụ phục vụ công tác lắp dựng Turbine điện gió: Với mục tiêu quyết tâm phấn đấu trở thành một trong những đơn vị có năng lực thực hiện Tổng thầu EPC các dự án nhà máy điện gió, vì vậy Tổng Công ty đã đầu tư tổ hợp cầu: gồm 2 tổ hợp cầu 800 tấn và hệ thống cầu nhỏ khác đi kèm mắt xích quan trọng trong chuỗi các hạng mục quyết định sự thành công của chiến lược
- ◇ - Lĩnh vực đầu tư nguồn điện: Thực hiện tổng thầu một số dự án nhà máy điện, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án năng lượng tái tạo (điện gió và điện mặt trời)
- ◇ - Định hướng tái cấu trúc doanh nghiệp: Thực hiện tái cấu trúc các khoản đầu tư ngoài ngành và các khoản đầu tư hiệu quả thấp song song với việc thực hiện tái cấu trúc bộ máy hoạt động, giảm chi phí quản lý.

ĐỊNH HƯỚNG TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tái cấu trúc vốn tại một số công ty con và liên kết kinh doanh không hiệu quả, đồng thời đầu tư nâng tỷ lệ cổ phần tại một số công ty phục vụ cho mục đích phát triển của Tổng Công ty.

Để triển khai thực hiện đầu tư dự án năng lượng tái tạo thành công và hiệu quả cần chuẩn bị:

- ◇ Nguồn nhân lực: Bố trí Phó Tổng giám đốc phụ trách, cán bộ kỹ thuật công nghệ, cán bộ Vật tư Xuất nhập khẩu, bộ phận quản lý dự án, cán bộ tài chính tìm kiếm nguồn vốn đầu tư cho dự án.
- ◇ Nguồn lực về tài chính: Bố trí đủ nguồn vốn tự có và vốn vay thương mại để triển khai thực hiện đầu tư, hoàn thành sớm để khai thác dự án.
- ◇ Tổ chức thành lập công ty con theo quy định pháp luật hiện hành và bộ máy để triển khai thực hiện từng dự án đầu tư.
- ◇ Nghiên cứu liên doanh liên kết với nhà cung cấp sản phẩm pin mặt trời để thực hiện hợp đồng PC (cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời) hoặc EPC (thiết kế, cung cấp thiết bị công nghệ và thi công lắp đặt cho dự án điện mặt trời). Thực hiện EPC cho hệ thống điện đường dây và TBA kết nối lưới điện quốc gia của các dự án điện gió và điện mặt trời.



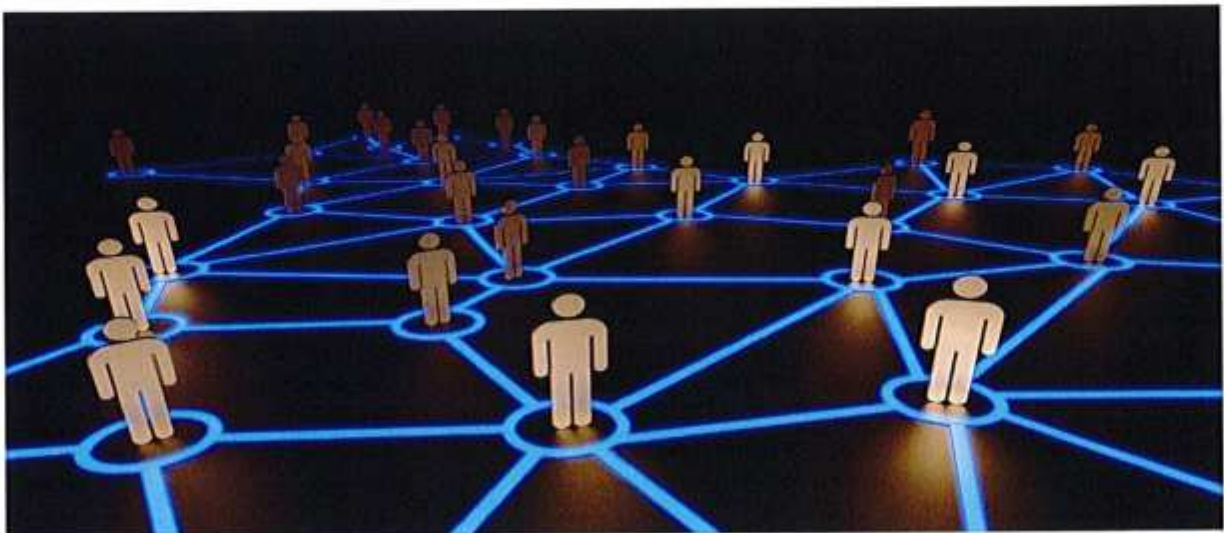


MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- ◇ Đẩy mạnh đầu tư vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) hướng tới phát triển bền vững, góp phần giải quyết bài toán về an ninh năng lượng qua đó hiện thực hóa chiến lược phát triển xanh của đất nước.
- ◇ Kiên trì mục tiêu giữ vững hoạt động, tiến tới phát triển an toàn bền vững, bảo vệ lợi ích nhà đầu tư, lợi ích cổ đông.
- ◇ Mở rộng thị trường hoạt động ra các nước láng giềng: Lào, Campuchia
- ◇ Đề cao công tác an toàn sức khỏe môi trường, không để xảy ra các sự cố nghiêm trọng trong công tác thi công đường dây.
- ◇ Minh bạch thông tin tài chính, thông tin tình hình đầu tư và hoạt động.
- ◇ Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, đào tạo nâng cao nghiệp vụ cán bộ nhân viên, tăng năng suất lao động.
- ◇ Cải tiến quy trình hoạt động.
- ◇ Đảm bảo an sinh xã hội, phúc lợi cao cho đội ngũ CBNV

TRÁCH NHIỆM CỘNG ĐỒNG

Tổng Công ty cũng đã có những đóng góp nhất định cho sự phát triển bền vững cũng như đem lại các lợi ích kinh tế xã hội của địa phương bao gồm: Tạo việc làm cho người dân địa phương thông qua việc tuyển dụng lao động vào làm việc tại các nhà máy công trường; tăng thu nhập cho người dân; giảm tỷ lệ đói nghèo và tệ nạn xã hội; cải thiện hệ thống cơ sở hạ tầng tại địa phương thông qua xây dựng, nâng cấp hệ thống đường điện;....



RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Năm 2021, đại dịch COVID-19 tiếp tục gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mọi quốc gia trên thế giới. Kinh tế thế giới phục hồi nhưng không đồng đều, chưa bền vững; lạm phát tăng nhanh; thị trường tài chính, tiền tệ biến động mạnh, tiềm ẩn nhiều rủi ro. Trong nước, làn sóng dịch COVID-19 bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân và phát triển kinh tế- xã hội...

Bên cạnh những thuận lợi, đất nước ta cũng phải chống đỡ với những khó khăn, thách thức rất lớn. Trong bối cảnh khó khăn chống chọi khó khăn đó, Chính phủ, chính quyền các địa phương và toàn hệ thống chính trị đã cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nỗ lực phấn đấu, hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra, đạt được nhiều kết quả quan trọng, khá toàn diện trên các lĩnh vực. Đáng chú ý là Việt Nam đã ứng phó, kiểm chế, kiểm soát được dịch bệnh, từng bước chuyển sang trạng thái "Thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19".

Quan trọng hơn cả là Việt Nam đã nỗ lực duy trì, phục hồi và thúc đẩy phát triển kinh tế với nhiều điểm sáng tích cực. Nền kinh tế nước ta tiếp tục được đánh giá là nền kinh tế phát triển ổn định, có sức hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài:

- ◊ Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2021 ước tính tăng 2,58% so với cùng kỳ năm 2020
- ◊ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) năm 2021 tăng 1,84% so với năm 2020, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Lạm phát cơ bản 12 tháng tăng 0,81%.





- ◇ Giá vàng và giá đô la Mỹ trong nước biến động trái chiều với giá vàng và giá đô la Mỹ thế giới. Chỉ số giá vàng bình quân năm 2021 tăng 8,67% so với năm 2020. Chỉ số giá đô la Mỹ bình quân năm 2021 giảm 0,97% so với năm 2020
- ◇ - Xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ: Năm 2021, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 336,25 tỷ USD, tăng 19% so với năm 2020; Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 332,25 tỷ USD, tăng 26,5% so với năm 2020; Trong năm 2021, kim ngạch xuất khẩu dịch vụ ước đạt 3,67 tỷ USD, giảm 51,7% so với năm 2020. Kim ngạch nhập khẩu dịch vụ ước đạt 19,41 tỷ USD, tăng 8,5% so với năm 2020. Cán cân thương mại thặng dư 4 tỷ USD; cho thấy nỗ lực của các doanh nghiệp đẩy mạnh khôi phục sản xuất, xuất nhập khẩu.
- ◇ - Lãi suất thị trường năm 2021: tỷ giá ổn định, lãi suất giảm và duy trì ở mức thấp, góp phần hỗ trợ doanh nghiệp. Trong bối cảnh dịch bệnh bùng phát, giá cả hàng hóa, lạm phát thế giới tăng, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, bám sát diễn biến thị trường để tăng cường ổn định vĩ mô và hỗ trợ doanh nghiệp.
Với đặc thù ngành, các công trình thi công xây dựng thường là những công trình có quy mô lớn, phát sinh thường xuyên nhu cầu tín dụng ngắn hạn như các công trình hệ thống lưới điện, công trình đầu tư nguồn điện... do đó biến động về lãi suất cũng ảnh hưởng rất lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của của Tổng công ty.
- ◇ Sự thay đổi của nền kinh tế sẽ có những tác động đến hầu như toàn bộ các lĩnh vực của nền kinh tế, không loại trừ VNECO. Sự thay đổi các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế sẽ có những tác động trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ điện năng, từ đó tác động đến quy hoạch nguồn cung điện và xây lắp điện, ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh VNECO. Cùng với đà hồi phục mạnh của nền kinh tế, nhu cầu điện năng tăng kéo theo cơ hội cho các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất điện và truyền tải điện.
- ◇ Để giảm thiểu những tác động từ kinh tế, Ban Điều hành VNECO thường xuyên theo dõi tình hình kinh tế vĩ mô nhằm kịp thời phát hiện và đưa ra các biện pháp ngăn chặn các rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của VNECO.

Rủi ro pháp lý

- ◇ Là một công ty cổ phần niêm yết, VNECO chịu sự chi phối bởi hệ thống luật pháp Việt Nam mà trực tiếp là Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Đấu thầu, Luật Chứng khoán, Luật Đất đai, và các Bộ Luật chuyên môn khác....
- ◇ Rủi ro pháp lý là vấn đề quan trọng hàng đầu đối với doanh nghiệp, nhất là trong bối cảnh nền kinh tế chuyển đổi và hệ thống pháp luật đang còn nhiều sự bất cập, mâu thuẫn, chồng chéo, phức tạp..., điều này tạo ra những thách thức trong công tác cập nhật và triển khai thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty.
- ◇ Một số văn bản quy phạm pháp luật điều tiết hoạt động xây lắp điện như Quyết định 4970/QĐ-BCT sẽ có những ảnh hưởng trực tiếp đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm cũng như tỷ lệ lợi nhuận gộp biên của các doanh nghiệp trong ngành nói chung và VNECO nói riêng.
- ◇ Để giảm thiểu loại rủi ro này, Tổng Công ty thường xuyên chủ động cập nhật liên tục sự thay đổi các quy định pháp luật mới trong lĩnh vực kinh doanh, cũng như các văn bản pháp lý khác chi phối đến hoạt động của mình từ đó có thể đưa các chiến lược phát triển phù hợp, giảm thiểu tác động xảy ra, đảm bảo công tác thực hiện các nghiệp vụ có liên quan tại Tổng Công ty được diễn ra thuận lợi, bên cạnh đó hoạt động kinh doanh của VNECO cũng được duy trì ổn định.

Rủi ro ngành

- ◇ Đặc thù của hoạt động xây dựng (xây lắp công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng điện,...) là thời gian thi công kéo dài, việc nghiệm thu, bàn giao được thực hiện từng phần. Hơn nữa điều kiện làm việc ngoài trời chịu sự tác động ảnh hưởng của điều kiện tự nhiên như: xây dựng các đường dây và trạm biến áp, các công trình hạ tầng cơ sở...
- ◇ Ngoài ra, ngành còn phải chịu nhiều rủi ro từ các quy định pháp lý kể cả việc quy hoạch đất đai, tài sản. Bên cạnh đó, quá trình thi công các công trình còn phụ thuộc nhiều vào tiến độ cung cấp hàng của chủ đầu tư, công tác đền bù giải phóng mặt bằng, khả năng thực hiện dự án cũng như môi trường quản lý điều hành và hoạch định của Nhà nước...
- ◇ Thời gian thi công thường kéo dài, tiến độ thực hiện chịu sự tác động của nhiều phía.
- ◇ Điều kiện lao động ngoài trời, vừa thi công các công việc ở phần ngầm dưới đất, vừa thi công các phần việc ở trên cao nên có nhiều nguy cơ xảy ra tai nạn lao động và sự cố.
- ◇ Đặc thù nguyên vật liệu: Sắt, thép, kẽm, gạch đá xi măng và nhiên liệu chiếm phần lớn trong cơ cấu chi phí sản xuất và xây lắp các công trình. Do vậy, sự biến động về giá cả của các chủng loại nguyên nhiên vật liệu có ảnh hưởng tới doanh thu và lợi nhuận của Tổng công ty.
- ◇ Bên cạnh đó tình hình cạnh tranh gay gắt cũng là một trong những rủi ro đáng lo ngại trong quá trình hoạt động của VNECO, khi thực tế cho thấy Tổng Công ty đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện.



Rủi ro thanh toán

- ◇ Rủi ro đặc thù của các doanh nghiệp trong ngành là rủi ro tài chính, cụ thể là rủi ro thanh toán (đặc biệt là thanh toán phát sinh) sẽ ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của doanh nghiệp.
- ◇ Rủi ro của VNECO có thể phát sinh nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian do phải duyệt qua nhiều khâu, dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp.
- ◇ VNECO đang cố gắng có sự chủ động về nguồn vốn để có khả năng luân chuyển vốn tốt nhất, tránh ảnh hưởng đến khả năng thanh toán, làm giảm hiệu quả sử dụng vốn và kết quả sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

Rủi ro môi trường

- ◇ Với hoạt động chính là xây dựng các công trình hệ thống điện, trong quá trình hoạt động VNECO không tránh khỏi việc gây ra những tác động nhất định đến môi trường xung quanh khu vực thi công các công trình. Một số yếu tố có thể kể đến như các loại khí thải từ các phương tiện vận tải, tiếng ồn từ các thiết bị xây dựng,...Nhằm hạn chế những tác động đến môi trường quanh khu vực thi công, Tổng Công ty tăng cường nghiên cứu các phương pháp thi công mới, tiên tiến, tiết kiệm nhân lực và diện tích ảnh hưởng.

Rủi ro thi công

- ◇ Quá trình thi công xây lắp các công trình điện, các công trình năng lượng tái tạo và lắp đặt máy biến áp đòi hỏi tính chính xác và an toàn cao về mặt kỹ thuật. Vì vậy để giảm thiểu tối đa rủi ro này, Tổng Công ty phải thực hiện thi công theo đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật...

Rủi ro khác

- ◇ Các rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, bão lũ, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh, khủng bố... đều ít nhiều gây ảnh hưởng đến hoạt động của Tổng công ty. Bão lớn, hỏa hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây dựng như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá hủy một phần hoặc toàn bộ các hạng mục công trình đã, đang thi công). Đây là rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu.
- ◇ Vì vậy, VNECO phải cập nhật theo dõi và nắm bắt các thông tin nhằm kịp thời đưa ra các biện pháp phòng tránh và xử lý, đồng thời luôn nghiêm túc tuân thủ các quy định, thường xuyên huấn luyện cán bộ công nhân viên về phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, đối với đại dịch COVID-19, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các Trường ban chỉ đạo thi công trên các công trình thường xuyên tuyên truyền CBNV, người lao động phải thực hiện nghiêm túc khuyến cáo của Bộ Y tế "5K là: Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tập trung - Khai báo y tế" để chung sống an toàn với dịch bệnh để bảo vệ bản thân, doanh nghiệp và cộng đồng...

PHẦN II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2021

Hoạt động SXKD 35

Tổ chức nhân sự 38

Hoạt động đầu tư 46

Tình hình tài chính 50

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH 52





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

VNECO là một trong những đơn vị đầu tiên và chủ lực trong ngành xây lắp điện và là một trong số ít những đơn vị có kinh nghiệm thi công đường dây & trạm biến áp 500kV cũng như thực hiện hợp đồng EPC các công trình đường dây tải điện và trạm biến áp cao áp. Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty tập trung 4 mảng chính trong đó cốt lõi là xây lắp các công trình điện. Tỷ trọng doanh thu xây lắp hàng năm chiếm khoảng 60-85% tổng doanh thu Tổng Công ty.

ĐVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2020	2021
1	Doanh thu thuần	1.299.667	1.999.013
2	Tăng trưởng DTT	5,50%	53,81%
3	Lợi nhuận trước thuế	12.064	12.338
4	Tăng trưởng LNTT	-29,33%	2,27%
5	LNST hợp nhất	14.446	9.479
6	Tăng trưởng LNST Hợp nhất	49,50%	-34,38%
7	LNST Công ty mẹ	11.549	7.850
8	Tăng trưởng LNST Công ty mẹ	16,73%	-32,03%



Năm 2020: Doanh thu thuần năm 2020 đạt 1.299 tỷ đồng, tăng 5,5% so với cùng kỳ năm 2019, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng các nhà máy điện mặt trời năm 2020 giảm 21,58% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương giảm 209,69 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2020 giảm 79,15% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương giảm 176,418 tỷ đồng; doanh thu hoạt động dịch vụ năm 2020 giảm 70,91% tương đương giảm 5,013 tỷ đồng; doanh thu bán hàng năm 2020 tăng 1.503,94% tương đương tăng 457,745 tỷ đồng;

- Đồng thời năm 2020, do ảnh hưởng diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19, nên công tác nghiệm thu các khối lượng thi công đã hoàn thành gặp nhiều khó khăn và chậm trễ;

Vì vậy, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 chỉ tăng 5,50% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tăng 67,76 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2020 đạt 11,549 tỷ đồng tăng 16,73% so với cùng kỳ năm 2019 tương đương tăng 1,655 tỷ đồng, nguyên nhân do Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 sau khi bù đắp được các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, đồng thời điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng điện VNECO 7 để tăng lợi nhuận hợp nhất trong năm 2020.

Năm 2021: Doanh thu thuần đạt 1.999 tỷ đồng, tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2020, chủ yếu do:

- Doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, cung cấp, lắp đặt và thi công xây dựng các công trình năng lượng tái tạo tăng 0,18% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương tăng 1,4 tỷ đồng; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản năm 2021 giảm 83,56% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương giảm 38,827 tỷ đồng; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp thương mại năm 2021 tăng 150,33% tương đương tăng 736,981 tỷ đồng;

- Đồng thời trong năm 2021, do ảnh hưởng diễn biến phức tạp của tình hình dịch bệnh COVID-19 với biến chủng Delta có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm hơn, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến sức khỏe, tính mạng của người dân và các mặt của đời sống kinh tế-xã hội nước ta; nên công tác di chuyển giữa các vùng, miền gặp nhiều khó khăn do cách ly toàn xã hội, nên công tác nghiệm thu các khối lượng thi công xây lắp đã hoàn thành gặp nhiều khó khăn và chậm trễ;

Vì vậy, do có sự tăng trưởng của doanh thu hoạt động thương mại nên doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2021 tương đương tăng 699,345 tỷ đồng; Đồng thời, sau khi điều chỉnh các giao dịch nội bộ, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 tăng 8,44% tương đương tăng 7,392 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020;

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2021 đạt 7,949 tỷ đồng giảm 31,18% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương giảm 3,6 tỷ đồng và năm 2021 không có phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn tại Công ty liên kết để tăng lợi nhuận hợp nhất như trong năm 2020.



Biến động chi phí

TT	Chỉ tiêu	2020	2021
1	Giá vốn/DTT	93,26%	95,25%
2	CP quản lý/DTT	4,04%	2,73%
3	CP tài chính/DTT	1,83%	1,71%
4	CP khác/DTT	0,05%	0,06%

Cùng với sự thay đổi trong cơ cấu doanh thu, tỷ lệ lợi nhuận gộp biên cũng thay đổi trong năm 2020. Trong đó:

- Biên lợi nhuận của hoạt động xây lắp dưới tác động của Quyết định 4970/BCT và sự cạnh tranh khốc liệt của ngành nên giảm sút mạnh.
- Biên lợi nhuận của hoạt động kinh doanh bất động sản cao do quỹ đất của Tổng Công ty được mua từ sớm với chi phí giá vốn thấp đã hỗ trợ cho biên lợi nhuận chung của Tổng Công ty.
- Năm 2021, Tổng Công ty đã xây dựng hoàn thành Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong 1 với tổng suất 30,4Mw, với 5/8 Turbine được COD trong năm 2021 (tương đương 19Mw/30,4Mw) sẽ được ghi nhận doanh thu bán điện trong năm 2022; Đồng thời 3/8 Turbine đang chờ giá FIT2 để COD trong thời gian tới.
- Năm 2021, Tổng Công ty đã tiết giảm chi phí nên chi phí quản lý, chi phí tài chính đã giảm hơn so với cùng kỳ năm 2020.

Các yếu tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh 2021:

Vĩ mô:

- Năm 2021, mặc dù dịch bệnh diễn biến phức tạp, nghiêm trọng dẫn tới kinh tế Việt Nam phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức nhưng nhờ việc đẩy nhanh tiến trình bao phủ vaccine, việc linh hoạt điều chỉnh chiến lược chống dịch giúp cân bằng hơn giữa việc đảm bảo sức khỏe người dân và phục hồi; tăng trưởng kinh tế cả năm duy trì đà tăng trưởng dương và đang phục hồi nhanh, lạm phát ở mức thấp nhất trong 6 năm, xuất nhập khẩu đạt mức kỷ lục, thu hút đầu tư nước ngoài hồi phục... tính chung cả năm 2021, GDP chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020 và là mức thấp nhất trong vòng 10 năm qua, song là mức chấp nhận được, trong bối cảnh dịch bệnh rất phức tạp. Đã tạo điều kiện cho các dự án ngành điện tiếp tục được triển khai, đồng thời thúc đẩy năng lượng tái tạo và bảo vệ môi trường, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia.

Ngành:

- Tháng 12/2016, Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970 quy định về định mức dự toán cho công tác xây dựng đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Điều này làm cho biên lợi nhuận gộp của các công ty xây lắp điện nói chung và Tổng Công ty nói riêng giảm mạnh.
- Nhiều dự án của ngành điện được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia và trúng thầu một số công trình.
- Công tác thi công phụ thuộc vào cắt điện của Chủ đầu tư, vướng đến bù giải phóng mặt bằng, vật tư chủ đầu tư cấp chậm, thời tiết ảnh hưởng không nhỏ đến kết quả SXKD.
- Xu hướng phát triển chung của ngành điện là các dự án PC, EPC, cáp ngầm...



Nội tại Doanh nghiệp:

*** Các yếu tố tác động tiêu cực đến kết quả kinh doanh năm 2021:**

- Dịch bệnh tái bùng phát đã làm gián đoạn, đình trệ nhiều hoạt động của Tổng Công ty trên mọi lĩnh vực;
- Kế hoạch đầu tư nhiều dự án trọng điểm của ngành điện chậm khởi công;
- Cạnh tranh trong công tác đấu thầu ngày càng gay gắt và quyết liệt;
- Dự toán các công trình xây lắp điện của các Chủ đầu tư rất thấp vì vậy giá trúng thầu giá trúng thầu và thực tế thi công rất khó khăn, có công trình vừa trúng thầu đã bị lỗ do biến động yếu tố đầu vào;
- Giá cả vật liệu xây dựng và chi phí biến động tăng cao đột biến, đến bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn;
- Tình hình thanh toán vốn của các Chủ đầu tư rất chậm, dòng tiền luân chuyển rất khó khăn.

*** Các yếu tố tác động tích cực đến kết quả kinh doanh năm 2021:**

- Sự ứng phó kịp thời, hiệu quả của Tổng Công ty với diễn biến phức tạp của đại dịch Covid-19 trên diện rộng;
- Sự điều hành nhanh nhạy và quyết liệt của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, của cả hệ thống, sự nỗ lực của CBCNV toàn Tổng Công ty, sự quyết tâm của các đơn vị trong tổ hợp và các đối tác;
- VNECO đã trúng nhiều công trình xây lắp đường dây và Trạm biến áp lớn với giá trị lớn, làm tiền đề cho công việc năm 2022 và các năm tiếp theo;
- Điểm nổi bật trong đầu tư dự án năm 2021 là hoàn thành Dự án nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong, với tổng mức đầu tư: 1.250 tỷ đồng (Thực hiện COD 05 turbine trước 31/10/2021 với giá FIT1 là 8,5cents/kwh; 03 turbine còn lại đã xây lắp hoàn thành và sẽ được COD khi có giá bán điện mới trong thời gian tới
- Đầu tư hệ thống thiết bị cầu trọng tải lớn với tổng mức đầu tư hơn 200 tỷ đồng nhằm thi công lắp đặt Turbine điện gió các dự án NLTT;
- Một số dự án năng lượng tái tạo, bất động sản tiếp tục hoàn thiện các thủ tục đầu tư để có cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

Danh sách ban điều hành

Ban điều hành đều là những người có thâm niên công tác lâu năm trong ngành xây lắp điện và gắn bó với Tổng Công ty từ khi thành lập đến nay. Điều này giúp cho Ban điều hành có những hiểu biết sâu sắc về hoạt động kinh doanh cốt lõi cũng như duy trì mối quan hệ rộng trong ngành.

Ngày 30/6/2020 Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2020 của Tổng Công ty, Hội đồng quản trị nhiệm kỳ mới (2020-2025) đã có các quyết định bổ nhiệm Ban điều hành mới, cụ thể như sau:

Ban điều hành	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Ngày bổ nhiệm thành viên BDH
Ông Trần Quang Cẩn - Tổng Giám Đốc	20/10/1968	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ bổ nhiệm ngày 30/06/2020 có hiệu lực từ ngày 01/07/2020
Ông Trần Văn Huy - P.Tổng Giám Đốc	01/05/1965	Thạc sỹ kinh tế - Quản trị kinh doanh	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Lê Văn Khôi - P.Tổng Giám Đốc	30/10/1974	Kỹ sư điện	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Nguyễn Tịnh - P.Tổng Giám Đốc	08/05/1974	Kỹ sư xây dựng Thủy lợi - Thủy điện	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Phạm Hữu Minh Huy - P.Tổng Giám Đốc	28/07/1973	Kỹ sư Xây Dựng	QĐ tái bổ nhiệm ngày 01/07/2020
Ông Phạm Đỗ Minh Triết	08/01/1994	Cử nhân tài chính - kế toán	QĐ bổ nhiệm ngày 01/07/2020

Năm sinh: 20/10/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 4.300.000 cổ phần - tỷ lệ 4,75% vốn điều lệ

Từ 2000- 2005 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Công ty xây lắp điện 3

Từ 2005- 2006 Chuyên viên phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Từ 2006- 10/2016 Phó trưởng phòng Tài chính Kế toán Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

11/2016- 7/2017 Trưởng Ban QLRR&KSNB Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

08/2017 - 30/06/2020 Thành viên HĐQT, kiêm Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

01/07/2020 đến nay Thành viên HĐQT, kiêm Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN QUANG CẨN
TỔNG GIÁM ĐỐC



Ông NGUYỄN TỊNH
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư xây dựng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 171.109 cổ phần - tỷ lệ 0.189% vốn điều lệ

- 08/1997-10/2002 Cán bộ phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2002 – 10/2003 Phó phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp điện 3
- 11/2003 – 03/2004 Phó ban Quản lý các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 04/2004 - 11/2005 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Công ty Xây lắp điện 3
- 12/2005 - 09/2009 Trưởng ban QL các dự án đầu tư Tổng Công ty cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 10/2009 - 04/2015 Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 05/2015 đến nay Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam

Năm sinh: 01/05/1965

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cao cấp lý luận chính trị

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 104.500 cổ phần - tỷ lệ 0.116% vốn điều lệ

- 7/1987 - 2/1988 Cán bộ giảng dạy khoa kinh tế - Đại học Kinh tế - Đại học Huế
- 3/1988 - 10/1994 Cán bộ kinh tế dự toán, Phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 11/1994 - 11/1995 Phó phòng Kinh tế dự toán Công ty Xây lắp điện 3
- 12/1995 - 8/1999 Phó chánh Văn phòng, Chánh văn phòng Công ty Xây lắp điện 3
- 9/1999 - 9/2002 Trưởng phòng Kinh tế Kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3
- 10/2002 - 11/2005 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch - Công ty Xây lắp điện 3 (Công ty mẹ Nhà nước - Bộ Công nghiệp)
- 12/2005 - 12/2006 Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch, Tổng Giám đốc - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
- 01/2007 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông TRẦN VĂN HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO



Ông PHẠM HỮU MINH HUY
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Năm sinh: 28/07/1973

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng dân dụng và công nghiệp

Số cổ phần nắm giữ tại VNECO: 198.591 cổ phần - tỷ lệ 0.22% vốn điều lệ

- 2001-2003 Chuyên viên phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2003-2005 Phó Phòng Kỹ thuật Công ty Xây lắp Điện 3
- 2006- 15/9/2009 Phó Ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 16/9/2009 - 7/2010 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 7/2010 - 11/2013 Trưởng ban quản lý các dự án đầu tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 12/2013- 9/2017 Trưởng phòng Kỹ thuật - Vật tư Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam
- 9/2017 - nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam

Năm sinh: 30/10/1974

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 32.450 cổ phần - tỷ lệ 0.036% vốn điều lệ

- 8/1997-4/2003 Cán bộ phòng Vật tư Công ty Xây lắp điện 3
- 5/2003-3/2004 Phó phòng vật tư xuất nhập khẩu Công ty Xây lắp điện 3
- 4/2004-7/2009 Phó phòng Kỹ thuật vật tư Tổng CTCP Xây dựng điện Việt Nam
- 8/2009-6/2013 Phó giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 7/2013-5/2014 Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2014-5/2016 Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc CTCP xây dựng điện VNECO 11
- 6/2016 đến nay Phó Tổng giám đốc Tổng công ty CP Xây dựng điện Việt Nam



Ông LÊ VĂN KHÔI
Phó Tổng Giám đốc VNECO

Ông Phạm Đỗ Minh Triết - Kế toán trưởng

Năm sinh: 08/01/1994

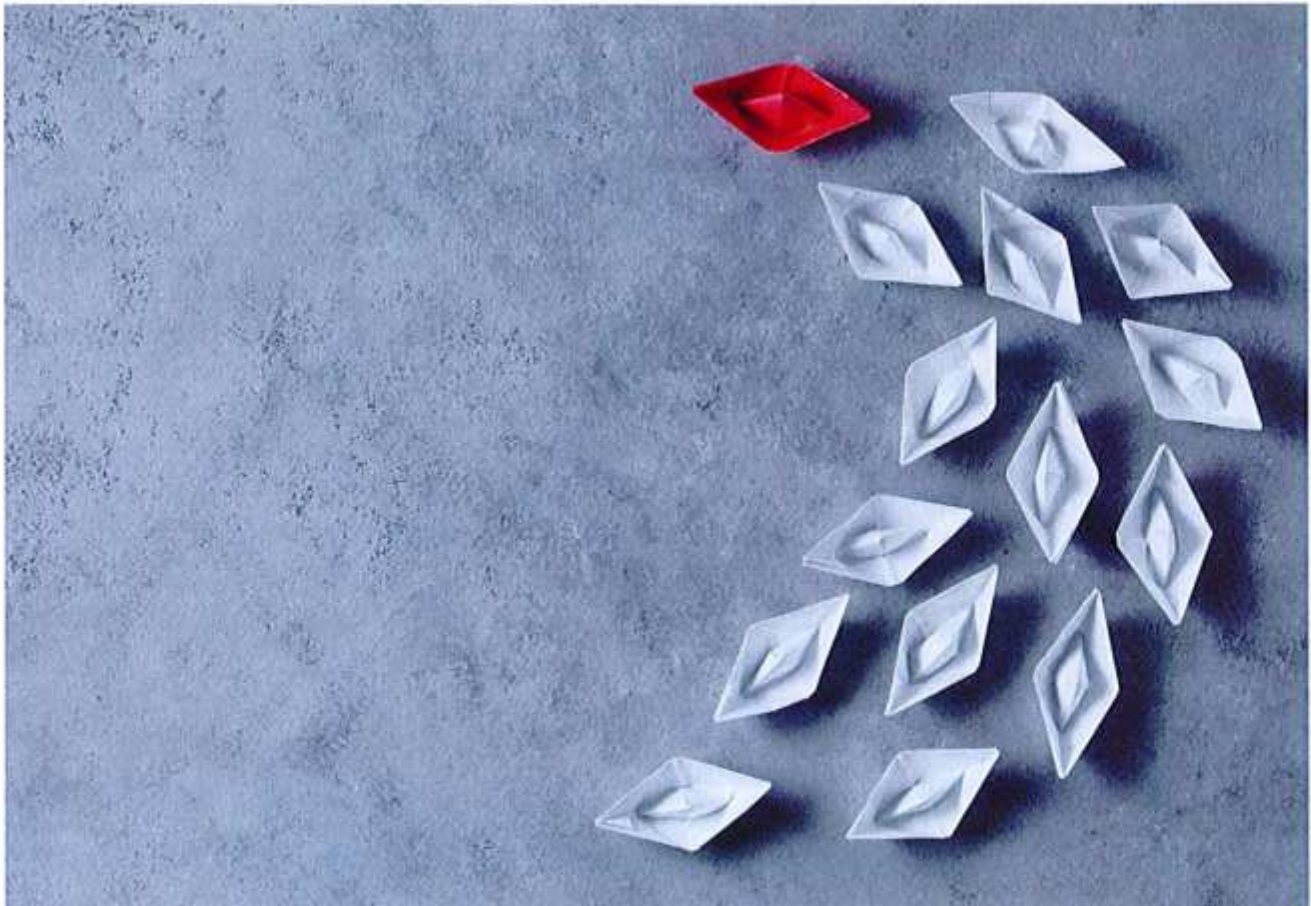
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính kế toán

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 3.743.170 cổ phần -
tỷ lệ 4,14% vốn điều lệ

2014 - 2016	Chuyên viên QHKH Doanh nghiệp Ngân hàng TMCP An Bình
2016 - 2017	Kế toán tổng hợp + quản lý nhà phân phối công ty Hyundai Corporation
2016 - 02/2020	Giám đốc điều hành Hotel 175
03/2020 đến 06/2020	Công ty cổ phần BCG Energy thuộc ban phát triển dự án
01/7/2020 đến nay	Kế toán trưởng Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam



Ông PHẠM ĐỖ MINH TRIẾT
Kế toán trưởng





Những thay đổi trong Ban điều hành:

Trong năm 2021, Tổng Công ty không có thay đổi về nhân sự của Ban điều hành và được cập nhật tại mục ban điều hành nêu trên.

Tình hình nhân sự

VNECO hiện có 149 lao động làm việc tại văn phòng Tổng Công ty và các đơn vị trực thuộc.

TT	Tính chất phân loại	Năm 2021	Tỷ trọng
A	Theo trình độ	149	100%
1	Trình độ đại học, trên đại học	80	53,69
2	Trình độ cao đẳng, trung cấp	17	11,41
3	Khác	50	34,9
B	Theo hợp đồng lao động	149	100%
1	Hợp đồng không xác định thời hạn	145	97,32
2	Hợp đồng từ 1-3 năm	4	2,68
3	Hợp đồng dưới 1 năm	0	0

Tổng Công ty đã thực hiện các lớp đào tạo chứng chỉ hành nghề Giám sát xây dựng hạng I; Đào tạo cấp thẻ an toàn cho công nhân kỹ thuật

Chế độ làm việc

Tổng công ty đã xây dựng thoả ước lao động tập thể được Hội nghị Người lao động thông qua và xây dựng Nội qui lao động được Sở lao động thương binh xã hội thành phố Đà Nẵng chấp nhận, được thông báo đến từng người lao động để thực hiện. Tổng Công ty đang áp dụng về giờ làm việc 40 giờ/tuần, nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật, những trường hợp không thể nghỉ hàng tuần vào ngày thứ Bảy và ngày Chủ nhật thì sẽ bố trí nghỉ luân phiên hoặc thanh toán tiền làm thêm giờ theo qui định của Bộ luật Lao động và của Tổng công ty. Chế độ làm thêm giờ: Người sử dụng có thể thỏa thuận với người lao động để làm thêm giờ. Vào ngày thường bằng 150%; Vào ngày nghỉ hàng tuần bằng 200%; Vào những ngày nghỉ Lễ, Tết, ngày nghỉ có hưởng lương bằng 300% chưa kể tiền lương ngày nghỉ lễ, tết; Người lao động làm việc vào ban đêm, thì được trả thêm ít nhất bằng 30% tiền lương tính theo đơn giá tiền lương hoặc tiền lương theo công việc của ngày làm việc bình thường. Chế độ nghỉ hàng năm: Người lao động có 12 tháng làm việc tại Tổng Công ty thì được nghỉ 12 ngày phép/năm, Người lao động có dưới 12 tháng làm việc thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính theo tỷ lệ tương ứng với số tháng làm việc; Ngoài ra, cứ mỗi 05 năm làm việc tại Tổng Công ty, người lao động được cộng theo 01 phép. Nghỉ lễ, tết: Tổng cộng 10 ngày theo qui định hiện hành. Tuy nhiên do đặc thù của ngành xây lắp, người lao động có thể được nghỉ thêm vào dịp tết Nguyên đán tùy thuộc vào mức độ hoàn thành kế hoạch trong năm và không ảnh hưởng đến việc thực hiện kế hoạch của năm sau; Chế độ ốm, đau, thai sản thực hiện theo quy định của pháp luật lao động hiện hành và theo hướng có lợi hơn cho người lao động.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Về tuyển dụng: Tổng Công ty ban hành quy chế tuyển dụng lao động và thực hiện việc tuyển dụng nhân sự qua các nguồn học sinh tốt nghiệp các trường Đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và các trường công nhân kỹ thuật trên địa bàn các tỉnh miền Trung và miền Bắc. Mục tiêu tuyển dụng của Tổng Công ty là thu hút những người có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, kỹ thuật, tay nghề, năng lực thực tiễn đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, phát triển các lĩnh vực sản xuất điện năng, sản xuất công nghiệp và kinh doanh du lịch. Đối với các vị trí chủ chốt, yêu cầu tuyển dụng rất khắt khe, các tiêu chuẩn bắt buộc về trình độ chuyên môn, kỹ năng, năng lực quản lý, khả năng phân tích và dự báo.

Đào tạo: Công tác đào tạo, bồi dưỡng được Tổng Công ty quan tâm, chú trọng. Hàng năm, Tổng Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý và tay nghề cho công nhân viên. Hình thức đào tạo tập trung, đào tạo kèm cặp và gửi đi đào tạo bên ngoài. Đối với lao động mới tuyển dụng, Tổng Công ty tổ chức đào tạo nghiệp vụ để trang bị cho người lao động những kiến thức, kỹ năng cần thiết phục vụ cho công việc. Ngoài ra, tạo điều kiện bố trí công việc phù hợp để những lao động có khả năng phát triển mà có nhu cầu học tập nâng cao trình độ đi học các khoá đào tạo tập trung, đào tạo tại chức ở các trường đại học.



Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Tổng Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương phù hợp với đặc trưng của ngành nghề kinh doanh và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của nhà nước. Việc trả lương thực hiện theo Quy chế chi trả tiền lương, thu nhập tương xứng theo vị trí công việc, mức độ đóng góp và hiệu quả làm việc của người lao động, phù hợp với xu thế tiền lương trên thị trường lao động. Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc các chế độ chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật. Tổng Công ty thực hiện chính sách đãi ngộ xứng đáng để khuyến khích động viên nhân viên giỏi và thu hút lao động có trình độ, năng lực từ các nơi khác về làm việc cho Tổng Công ty.

Chính sách bảo hiểm: Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động cho CBNV được Tổng Công ty trích nộp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành. Tổng Công ty thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho CBNV theo luật lao động và nội quy lao động.

Chính sách khen thưởng phúc lợi: Để kịp thời khuyến khích, động viên, tuyên dương lao động giỏi, lao động có sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất, tích cực cải tiến phương pháp làm việc, Tổng Công ty thực hiện chính sách thưởng định kỳ và thưởng đột xuất cho những người đã có đóng góp tích cực đem lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

Chính sách đảm bảo an toàn lao động: Nhằm hạn chế tối đa các rủi ro trong quá trình sản xuất và thi công, Tổng Công ty thường quan tâm đến việc tuân thủ quy định về an toàn lao động, vệ sinh môi trường, Bộ phận an toàn lao động của Tổng Công ty thường xuyên phối hợp với các Trường ban chỉ đạo thi công thực hiện kiểm tra đánh giá tình hình tuân thủ an toàn lao động tại công trình, thường xuyên tổ chức các khoá học tập, huấn luyện an toàn vệ sinh, phòng ngừa tai nạn cho người lao động, trang bị đầy đủ, kịp thời bảo hộ lao động (quần, áo, mũ...) có gắn logo của Tổng Công ty để đảm bảo an toàn trong thi công và nhận diện thương hiệu VNECO; Các đơn vị thi công trên công trường và cán bộ giám sát của Ban chỉ đạo không thực hiện nghiêm việc mặc trang phục bảo hộ lao động sẽ bị phạt tiền đối với đơn vị thi công và căn cứ đánh giá xếp loại lương đối với cán bộ giám sát của Tổng Công ty cho từng lần vi phạm. Lãnh đạo Tổng Công ty luôn quan tâm việc đầu tư và cải tiến công nghệ nhằm đảm bảo an toàn cho CBNV.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DỰ ÁN

Các dự án đang thực hiện

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Thừa Thiên Huế

Địa điểm: xã Phú Mỹ và Phú Thượng, huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Diện tích đất dự án: 43,1 ha.

Quy mô: 925 lô đất nhà phố, 73 lô đất biệt thự, 03 lô đất thương mại dịch vụ

Tình hình triển khai dự án: Toàn bộ dự án đã đầu tư xong phần hạ tầng kỹ thuật, chỉ riêng đến thời điểm hiện nay, phần đấu nối hệ thống các hạng mục hạ tầng kỹ thuật trên các tuyến đường 3D, 3E, 3G chưa triển khai thi công được, nguyên nhân do các tuyến đường 36m và 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên VNECO chưa có mặt bằng để thi công phần tiếp giáp các tuyến đường trên. Đồng thời, đối với diện tích đất khu thương mại dịch vụ kết hợp chung cư (với diện tích được giao để thực hiện là 32.559,9 m², bao gồm các khu CT2, CT3 và CT4), VNECO đã thực hiện đầu tư xây dựng phần hạ tầng kỹ thuật theo phê duyệt của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận QSD đất cùng với tuyến đường giao thông 100m chưa được UBND tỉnh Thừa Thiên Huế đầu tư xây dựng nên chưa có đủ điều kiện về hạ tầng kỹ thuật để triển khai thực hiện. Đồng thời do hệ thống thoát nước thải của tỉnh Thừa Thiên Huế chưa hoàn chỉnh, chưa có điểm đấu nối chính thức.

Trong năm 2021, VNECO đã thực hiện chuyển nhượng 09 lô đất và nhà thô trên đất theo hình thực hợp tác đầu tư cho các đối tác, với tổng diện tích đất được chuyển nhượng là 1.003,20 m² và doanh thu chuyển nhượng là 7.641 triệu đồng.

Như vậy tính lũy kế đến thời điểm 31/12/2021, VNECO đã chuyển nhượng được 268 lô đất được phân lô bán nền (diện tích đất chuyển nhượng là 31.546 m²) và chuyển nhượng 607 lô đất kèm với xây dựng nhà thô (diện tích đất chuyển nhượng là 77.773 m²). Tổng diện tích đã chuyển nhượng lũy kế là 109.319,10 m², với doanh thu chuyển nhượng lũy kế là 664,343 tỷ đồng.

Tiếp tục hoàn thiện các thủ tục để triển khai đầu tư giai đoạn tiếp theo là đầu tư khai thác 80 lô đất nhà liền kề và quỹ đất thương mại dịch vụ lô CT2, CT3 và CT4; đầu tư tổ hợp chung cư kết hợp thương mại dịch vụ

Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong - Bình Thuận:

Địa điểm: thôn Hống Chính, xã Hoà Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Loại, cấp, quy mô công trình: Công nghiệp năng lượng, cấp II, tổng công suất 30,4MW.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1 (Công ty con 100% vốn đầu tư của Tổng Công ty.

Tổng mức đầu tư: 1.251 tỷ đồng.

Thời gian dự kiến hoàn thành: Quý IV/2021

Các hạng mục công trình chính:

- Xây dựng và lắp đặt 08 trụ turbine gió, công suất 3,8MW/turbine; Tổng công suất nhà máy 30,4MW, sản lượng điện hàng năm khoảng 106.952MWh (tương ứng với chiều cao đặt hub 131,4m);
- Xây dựng hệ thống đường giao thông gồm: đường giao thông kết nối với hệ thống giao thông hiện hữu và đường giao thông nội bộ phục vụ thi công, vận hành nhà máy;
- Lắp đặt hệ thống cáp ngầm nội bộ 22kV để kết nối các Turbine gió với trạm biến áp 22/110kV, các trạm biến áp nâng áp 0,69/22kV và các thiết bị đóng cắt 22kV được xây dựng lắp đặt bên trong turbine gió;
- Xây dựng nhà điều hành quản lý dự án, nhà điều hành các trại gió và các hạng mục phụ trợ khác;



Đến thời điểm ngày 31/10/2021, đã vận hành phát điện thương mại (COD) được 05/08 Turbine (tương đương phát điện 19Mw/30,4Mw) và đang hoàn thiện các thủ tục phát điện cho 3 Turbine còn lại thời gian tới khi có giá bán điện mới.

Dự án điện mặt trời tại xã Hòa Thắng, Bình Thuận:

- ◇ Thực hiện chủ trương của HĐQT Tổng công ty đã triển khai xin đầu tư dự án năng lượng sạch, điện mặt trời kết hợp trên khu đất của điện gió Thuận Nhiên Phong.
- ◇ Đã làm việc với các Sở ban ngành của UBND tỉnh Bình Thuận xin chủ trương thực hiện đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1 và 4.2. Sau khi xem xét các ý kiến của các Sở ban ngành và tình hình thực tế, UBND tỉnh Bình Thuận đã có Tờ trình gửi Bộ Công thương đề nghị cho Tổng công ty đầu tư dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2 công suất 48,99 MWp, tại xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận, phối hợp với Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 làm hồ sơ gửi Bộ Công thương.
- ◇ Bộ công thương đã tiếp nhận hồ sơ bổ sung quy hoạch, hiện tại đang tạm dừng nội dung theo văn bản số 174/TB-VPCP ngày 10 tháng 5 năm 2018 của văn phòng Thủ tướng chính phủ.

Dự án Green Mart tại 66 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng:

- ◇ - Bao gồm cả 03 lô đất (300m²) đường Thích Quảng Đức;
- ◇ - Hoàn thành toàn bộ tầng 1 đủ điều kiện cho thuê văn phòng;
- ◇ - Hoàn thành phần mái tôn tầng 5;
- ◇ - Gia cố sàn tầng 4 theo yêu cầu của đơn vị thẩm định;
- ◇ - Hoàn thành phần sân, cổng, hàng rào;

Tổng Công ty khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư để thực hiện dự án tổ hợp thương mại dịch vụ và căn hộ chung cư trên 2 lô đất 64 và 66 Hoàng Văn Thái, thành phố Đà Nẵng.

Dự án 344 Phan Châu Trinh, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng:

Thực hiện theo hướng dẫn của sở Tài Nguyên môi trường thông qua ý kiến thống nhất của UBND TP Đà Nẵng, VNECO đã làm việc với Viện Quy Hoạch thành phố Đà Nẵng lập hồ sơ thiết kế quy hoạch 1/500 trình Sở xây dựng đang thẩm duyệt quy hoạch 1/500 của dự án. Hiện tại đang đôn đốc sở Xây Dựng trình duyệt.

Dự án điện gió tại huyện Hương Hoá, tỉnh Quảng Trị:

- ◇ - Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- ◇ - Đã đo gió được 18 tháng tốc độ gió bình quân từ 01/7/2019 đến tháng 12/2019 là 6,3 m/s, tốc độ gió bình quân từ 01/01/2020 đến 31/12/2020 là 5,83 m/s
- ◇ - Đã có văn bản số 4601/UBND-CN, ngày 08 tháng 10 năm 2020 của tỉnh Quảng Trị gửi Bộ Công thương đề nghị bổ sung vào quy hoạch điện VIII.

Dự án điện gió tại Lệ Thủy 3, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình

- Công suất bổ sung vào quy hoạch điện quốc gia là 100MW.
- Ngày 15/06/2021 UBND tỉnh Quảng Bình có văn bản số 2178/VPUBND-KT về việc giao Tổng Công ty khảo sát nghiên cứu đầu tư dự án Điện gió Lệ Thủy 3 - Giai đoạn 3 tại xã Sen Thủy và Thái Thủy, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình
- Cho phép VNECO lắp đặt 1 cột đo gió trong khu vực dự án với chiều cao cột đo gió là 120m, diện tích đất sử dụng dự kiến 400m²/cột. Thời gian đo gió, khảo sát, nghiên cứu là 15 tháng kể từ ngày 28/3/2022.

**Tình hình hoạt động công ty con, công ty liên kết****1. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3**

Địa chỉ: Khối 3, phường Trung Đô, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình, nguồn điện, hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 6.985.720.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 52,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 52,93

2. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4

Địa chỉ: Số 197, đường Nguyễn Trường Tộ, phường Đông Vinh, thành phố Vinh

Hoạt động chính : Lắp đặt hệ thống điện; Xây dựng công trình; Kinh doanh vật liệu,...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 5.192.580.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 54,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 54,73%

3. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8

Địa chỉ: Số 10 Đào Duy Từ, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk

Hoạt động chính: Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 9.746.980.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 55,93% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 55,93%

4. Tên Công ty: Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12

Địa chỉ: Số 155 Lý Thường Kiệt, thành phố Đồng Hới, Quảng Bình

Hoạt động chính : Xây lắp các công trình lưới điện; Kinh doanh thiết bị, vật liệu xây lắp

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 7.887.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 65,73% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 65,73%

5. Tên Công ty: Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 440.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

6. Tên Công ty: Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung

Địa chỉ: Số 344 Phan Châu Trinh, phường Bình Thuận, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh Bất động sản...

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 1.631.187.792 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

7. Tên Công ty : Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng

Địa chỉ: Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận

Hoạt động chính : Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

8. Tên Công ty : Công ty Cổ phần Năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

9. Tên Công ty : Công ty TNHH Đầu tư VNECO

Địa chỉ: Số 132 Cao Đức Lân, phường An Phú, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Hoạt động chính: Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 20.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%



10. Tên Công ty : Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO

Địa chỉ: Số 344 Phan Chu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 1.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 100%

11. Tên Công ty : Công ty Cổ phần VNECO - RME

Địa chỉ: Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động chính: Xây lắp, kinh doanh BĐS, thương mại

Giá trị đầu tư ghi nhận tại công ty tại ngày 31/12/2021: 15.000.000.000 đồng

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ : 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ : 51%

TT	Nội dung	Số lượng CP nắm giữ	Giá trị vốn góp	Dự phòng đã trích lập 31/12/2021	Doanh thu 2021	LNST 2021
I	Công ty con					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 3	698.572	6.986		126.773	1.278
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 4	562.602	5.193		75.586	898
3	Công ty CP xây dựng điện VNECO 8	1.006.809	9.747	0	337.489	1.008
4	Công ty CP xây dựng điện VNECO 12	788.700	7.887		55.868	211
5	Công ty TNHH MTV VNECO-Miền Trung		1.631	(733)	9.260	(348)
6	Công ty TNHH điện gió Thuận Nhiên Phong		440.000		0	391
7	Công ty TNHH điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng		20.000		0	0
8	Công ty TNHH Đầu tư VNECO		20.000		306.276	(53)
9	Công ty Cổ phần VNECO - RME		15.000		170.239	12
10	Công ty TNHH MTV Xây Dựng Năng Lượng VNECO		1.000		54.828	2.135
II	Công ty liên kết					
1	Công ty CP xây dựng điện VNECO 2	679.075	5.854		47.725	1.547
2	Công ty CP xây dựng điện VNECO 10	300.000	3.000	0	43.591	157

Tình hình tài chính
DVT: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	2020	2021	Tăng trưởng
1	Tổng tài sản	2.092.973	3.483.317	66,43%
2	Doanh thu thuần	1.299.667	1.999.013	53,81%
3	Doanh thu hoạt động tài chính	1.393	5.113	267,05%
4	LN hoạt động kinh doanh	11.686	12.576	7,62%
5	LN trước thuế hợp nhất	12.064	12.338	2,27%
6	LN sau thuế của Công ty mẹ	11.549	9.479	-17,92%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	0%	Dự kiến 5% bằng CP	

Năm 2021, trước tình hình diễn biến phức tạp của dịch COVID-19, đồng thời bối cảnh ngành Xây lắp điện còn gặp nhiều khó khăn và cạnh tranh khốc liệt, chỉ tiêu doanh thu thuần tăng 53,81% (doanh thu hoạt động xây lắp điện truyền thống, xây lắp các công trình năng lượng tái tạo chỉ tăng nhẹ 0,18%, doanh thu chuyển nhượng bất động sản giảm so với cùng kỳ năm 2020, ngoài ra được hỗ trợ của doanh thu hoạt động thương mại tăng 150,33% tương đương tăng 736,981 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020).

Tổng tài sản tăng 66,43% tương đương tăng 1.391 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020: Trong năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư 02 hệ thống thiết bị cầu bánh xích 800 tấn, 1 cầu bánh lốp 220 tấn và 1 cầu bánh lốp 130 tấn với giá trị đầu tư hơn 192,225 tỷ đồng; Đầu tư hệ thống máy móc thiết bị và phương tiện vận tải hơn 22,627 tỷ đồng; Đầu tư hệ thống nhà cửa vật kiến trúc hơn 21,824 tỷ đồng; Hoàn thành việc xây dựng nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong với giá trị tài sản tăng 840 tỷ đồng so với cùng kỳ 2020...; các chỉ tiêu kinh tế còn lại đều tăng so với cùng kỳ năm 2020.

Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2021 sau khi bù đắp các khoản chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp đã làm cho lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ năm 2021 đạt 7,949 tỷ đồng giảm 31,18% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương giảm 3,6 tỷ đồng và năm 2021 không có phát sinh nghiệp vụ điều chỉnh giảm thuế TNDN hoãn lại khi thực hiện thoái vốn Công ty liên kết để tăng lợi nhuận hợp nhất như trong năm 2020.

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
1	Khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1,08	0,71
	Hệ số thanh toán nhanh	lần	0,92	0,64
2	Cơ cấu vốn			
	Nợ/TTS	%	52,51%	70,61%
	Nợ/VCSH	%	110,57%	240,24%
3	Năng lực hoạt động			
	Vòng quay Tổng tài sản	vòng	0,74	0,72
	Ngày tồn kho bình quân	Ngày	45	32
	Kỳ thu tiền bình quân	Ngày	183	185
	Kỳ phải trả bình quân	ngày	78	114
4	Khả năng sinh lời			
	LNST/DTT	%	0,80%	0,89%



TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2020	2021
	LNST/VĐL	%	1,28%	0,88%
	LN HĐKD/DTT	%	1,20%	0,90%
	ROA	%	0,66%	0,29%
	ROE	%	1,18%	0,80%

Khả năng thanh toán

So với cùng kỳ năm 2020, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,08 lần xuống 0,71 lần. Trong năm 2021, doanh thu tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2020, các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng tăng 40,56%, trả trước cho người bán tăng 49%, phải thu ngắn hạn khác giảm 51,64% nên các khoản phải thu ngắn hạn chỉ tăng 36% so với cùng kỳ năm 2020; Mặt khác hàng tồn kho giảm 3,93%, tài sản ngắn hạn khác tăng 186,19%, đồng thời chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền giảm 39,19% dẫn đến tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty tăng từ 1.777,932 tỷ đồng năm 2020 lên 1.563,671 tỷ đồng năm 2021 (tương ứng tỷ lệ tăng 32,75%); trong khi đó, nợ ngắn hạn cũng tăng từ 1.089,938 tỷ đồng năm 2020 lên 2.187,576 tỷ đồng năm 2021 (tương ứng tỷ lệ tăng 100,71%) do đó kết quả hệ số thanh toán ngắn hạn giảm 0,37 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm 0,28 lần so với cùng kỳ năm 2020. Dẫn đến áp lực về tài chính khi thanh toán các khoản nợ đến hạn.

Cơ cấu vốn

Cùng với việc tăng các khoản phải thu tại 31/12/2021, Tổng nợ tại 31/12/2021 là 2.459,529 tỷ đồng, tăng 1.360,504 tỷ đồng tương đương tăng 123,79% so với cùng kỳ năm 2020. Vì vậy tỷ số chỉ tiêu Nợ trên chỉ tiêu Tổng tài sản năm 2021 đạt 70,61% tăng so với cùng kỳ năm 2020 là 18,10%. Vì vậy, Tổng Công ty cần tăng cường kiểm soát chặt chẽ khả năng thanh toán và điều tiết thanh toán các khoản nợ phù hợp theo từng đợt thanh toán.

Năng lực hoạt động

Vòng quay tổng tài sản năm 2021 đạt 0,72 vòng, giảm so với mức 0,74 lần năm 2020 do tổng tài sản bình quân tăng.

Đặc thù ngành xây lắp điện phát sinh rủi ro nợ đọng từ các Chủ đầu tư, do các thủ tục thanh toán với Chủ đầu tư thường mất nhiều thời gian tùy thuộc vào từng nguồn vốn và phải duyệt qua nhiều khâu, nhiều công đoạn dẫn đến kéo dài thời gian thanh toán, làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, dẫn đến kỳ thu tiền bình quân luôn cao hơn kỳ trả tiền bình quân. Điều này đòi hỏi doanh nghiệp phải chủ động về nguồn vốn đảm bảo trong thanh toán.

Khả năng sinh lời

Mặc dù doanh thu năm 2021 tăng trưởng so với cùng kỳ năm 2020 là 53,81%, nhưng tỷ lệ lãi gộp các công trình và các hoạt động kinh doanh khác sau khi bù đắp được các chi phí doanh nghiệp đã bỏ ra làm cho lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ năm 2021 giảm hơn cùng kỳ năm 2020 là 31,18% tương đương giảm 3,600 tỷ đồng.

Mặt khác, ngày 26/12/2016 Bộ Công Thương ban hành quyết định 4970/QĐ-BCT quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quy định mới này, giá trị xây dựng móng các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương các công trình xây dựng dân dụng và thấp hơn khá nhiều so với quy định trước đó. Điều này tác động rất lớn đến lợi nhuận biên hoạt động xây lắp truyền thống của Tổng Công ty.

Cơ cấu cổ đông và thay đổi trong vốn đầu tư CSH

Cổ phần

Cổ phần phổ thông: 90.432.953 cổ phần

Cổ phần ưu đãi: 0 cổ phần

Cổ phiếu quỹ: 8.498.920 cổ phần, trong đó:

Số lượng cổ phần đang lưu hành: 81.934.033 cổ phần

Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 90.432.953 cổ phần

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Chứng khoán giao dịch tại nước ngoài: không có

Cơ cấu cổ đông: (tại ngày 30/03/2022 - ngày chốt danh sách để tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2022)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Nhà nước	-	-
2	Nội bộ	15.216.320	16,83
3	Cổ phiếu quỹ	8.498.920	9,40
4	Cổ đông trong nước	60.396.290	66,79
	Tổ chức	8.459.115	9,35
	Cá nhân	51.937.175	57,43
5	Cổ đông nước ngoài	6.321.423	6,99
	Tổ chức	1.582.668	1,75
	Cá nhân	4.738.755	5,24
	Tổng cộng	90.432.953	100

Danh sách cổ đông lớn: (tại ngày 30/03/2022)

TT	Loại cổ đông	Số CP sở hữu	Tỉ lệ(%)
1	Trần Quang Cần	7.100.000	7,85
2	La Mỹ Phượng	5.206.789	5,76
3	Công ty Cổ phần Malblue	5.073.400	5,61
	Tổng cộng	17.380.189	19,22



Tình hình thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021 NQ/VNECO-ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 904,329 tỷ đồng lên 1.504,329 tỷ đồng, tương đương phát hành tăng vốn thêm 600 tỷ đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Do các lý do khách quan và tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, trong năm 2021 VNECO chưa thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ từ 904,329 tỷ lên 1.504,329 tỷ đồng. HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ họp thường niên năm 2022 thông qua việc tiếp tục phát hành tăng vốn trong năm 2022

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Số lượng cổ phiếu quỹ thời điểm 31/12/2021: 8.498.920 cổ phiếu

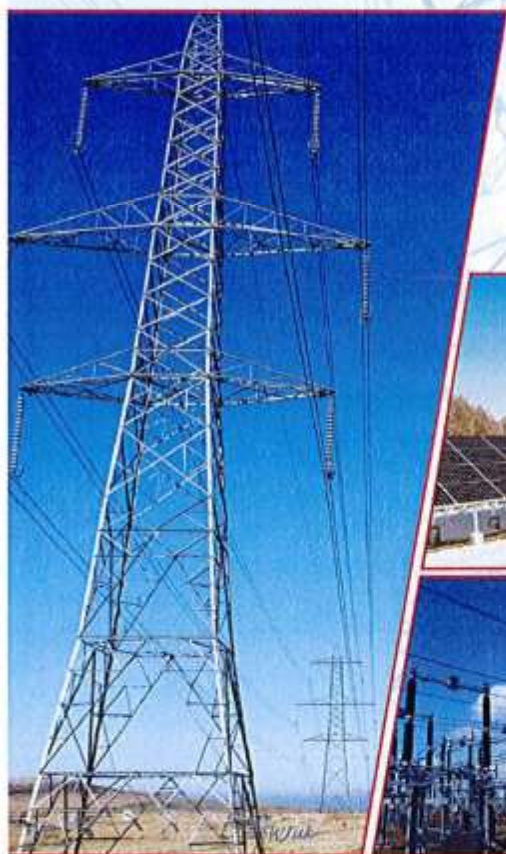
Trong năm không có phát sinh giao dịch cổ phiếu quỹ

Các chứng khoán khác: không phát sinh



PHẦN III

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG XÃ HỘI





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Trải qua những chu kỳ thăng trầm trong hơn 30 năm phát triển, VNECO nhận thức được tầm quan trọng của sự phát triển bền vững. Chung tay xây dựng một thế giới xanh sạch đẹp là cách thức VNECO chuyển mình để vươn lên trong bối cảnh cạnh tranh và bão hòa của ngành. Chia sẻ giá trị công ty với đội ngũ nhân viên, cổ đông, đối tác và cộng đồng là yếu tố giúp VNECO vững bước trên con đường chinh phục vị trí dẫn đầu.



Định hướng phát triển năng lượng xanh, giảm phát thải, cải thiện môi trường

Việt Nam là quốc gia có cường độ năng lượng cao nhất trong khu vực Đông Nam Á. Sử dụng năng lượng tại Việt Nam tăng nhanh hơn các nước trong khu vực, với mức tiêu thụ nhiều nhất trong lĩnh vực điện. Phát triển năng lượng tái tạo và sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả không chỉ là giải pháp quan trọng ứng phó với biến đổi khí hậu mà còn mang lại các cơ hội và lợi ích kinh tế mới, tăng cường tiếp cận năng lượng cho người nghèo, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và góp phần bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia.





Nhận thức được ba xu hướng đang hình thành trong ngành năng lượng toàn cầu bao gồm: Số hóa (kết hợp máy móc với phần mềm, phân tích dữ liệu), Phát điện phân bố (người dùng có thể sản xuất và bán điện vào lưới) và Giảm phát thải (ưu tiên năng lượng tái tạo, nâng cấp và chuyển đổi sang công nghệ sạch cho điện truyền thống để giảm phát thải CO₂); VNECO định hướng mục tiêu trung và dài hạn của tổng công ty sẽ tập trung vào phát triển nguồn năng lượng tái tạo, bên cạnh mảng xây lắp điện truyền thống, hai lĩnh vực kinh doanh chính có tính chất bổ trợ cho nhau chặt chẽ.

VNECO hiện là chủ sở hữu trực tiếp và gián tiếp các dự án năng lượng xanh như: dự án điện gió Thuận Nhiên Phong, dự án điện mặt trời Vĩnh Long, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.1, dự án điện mặt trời Hòa Thắng 4.2... Tổng công ty đang tiếp tục nghiên cứu tiềm năng của nguồn năng lượng tái tạo để đẩy mạnh đầu tư với vị trí chủ đầu tư và tổng thầu EPC.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tất cả nguyên vật liệu đưa vào các công trình thi công đều được kiểm tra từ khi lựa chọn nhà cung cấp, đảm bảo đáp ứng tất cả các điều kiện thi công. Các nguyên vật liệu đều được thí nghiệm để đánh giá lại trước khi đưa vào sử dụng.

Do đặc thù ngành xây lắp, các nguồn vật liệu đầu vào mang tính chất hóa học cao nên Tổng công ty chưa đầu tư nghiên cứu tái chế để sử dụng lại nguyên liệu sử dụng trong thi công.





Tiêu thụ năng lượng, điện, nước

Là đơn vị đầu ngành trên lĩnh vực xây lắp điện nên VNECO hiểu rõ ý nghĩa việc tiết kiệm điện năng đối với cộng đồng. Bằng việc sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện năng trong việc chiếu sáng cũng như phục vụ công tác, VNECO góp phần giảm hao tổn điện năng sử dụng, toàn thể CBNV VNECO luôn ý thức từ những việc nhỏ như tắt thiết bị khi không sử dụng, đặt điều hòa phòng làm việc ở nhiệt độ hợp lý... từ đó giảm chi phí quản lý doanh nghiệp và góp phần giảm lượng điện năng tiêu thụ. Cùng với đó, việc tiêu thụ nước cũng áp dụng các hình thức tiết kiệm tương tự.



Xử lý rác thải

Ý thức bảo vệ môi trường cũng được người lao động thực hiện tốt qua việc tái sử dụng văn phòng phẩm, giấy in nhằm chung tay bảo vệ môi trường. Toàn bộ rác sinh hoạt được phân loại từ các phòng, ban trước khi chuyển cho đơn vị thu gom nhằm tránh đưa các rác thải có hại ra môi trường mực in, bao nilong...

Nguồn chất thải rắn thông thường phát sinh từ sinh hoạt tại văn phòng Tổng Công ty được chỉ định chỗ vứt rác tại mỗi khu vực làm việc và sẽ được đội ngũ vệ sinh dọn dẹp sạch sẽ vào cuối mỗi ngày làm việc. Vệ sinh lau chùi trong và ngoài phòng làm việc hàng ngày đảm bảo môi trường công tác trong lành. Truyền thông đến toàn bộ CBNV về ý thức tiết kiệm trong việc sử dụng văn phòng phẩm, đặc biệt giấy in, khuyến khích tái sử dụng các văn phòng phẩm còn công năng khai thác. Hợp đồng với công ty môi trường đến thu gom và xử lý rác thải.

Nguồn chất thải từ công trường bao gồm nước thải, khí thải, khói bụi và rác thải xây dựng... được Ban chỉ đạo công trình kiểm soát chặt chẽ các quy định về vệ sinh môi trường. Tuyên truyền CBNV và công nhân công trình sử dụng nguyên vật liệu một cách hiệu quả, không lãng phí. Áp dụng nghiêm ngặt quy trình bảo hộ lao động.



Tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường

Tổng Công ty luôn ý thức cao trong vấn đề bảo vệ môi trường. Tổng Công ty luôn đảm bảo tuân thủ pháp luật và các tiêu chuẩn, quy chuẩn về bảo vệ môi trường trong hoạt động của Tổng Công ty. Các dự án thi công đều thuê đơn vị tư vấn thực hiện việc đánh giá tác động đến môi trường xã hội tại địa bàn thực hiện, đồng thời đưa giải pháp thiết thực nhằm giảm tác động đến môi trường và hệ sinh thái ở mức thấp nhất. Tuy nhiên, năm 2019, Tổng Công ty bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường đối với dự án Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Mỹ Thượng do chậm nộp Báo cáo ĐTM (Báo cáo đánh giá tác động môi trường) của Dự án cho Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Tại văn phòng Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các lớp tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về Bảo vệ môi trường, chấp hành các quy định về thu gom và xử lý rác thải. Tại mỗi phòng làm việc đều dán các thông điệp về tiết kiệm trong việc sử dụng điện, nước.

VNECO là đơn vị chuyên về xây lắp các công trình điện (nguồn điện, trạm biếp áp, đường dây), địa bàn hoạt động của Tổng Công ty trải rộng khắp cả nước, khu vực hoạt động chính cũng là khu vực có tác động mạnh đến môi trường là các công trường thi công. Tại các công trình thi công, Trưởng ban chỉ đạo các bộ phận giám sát chặt chẽ môi trường làm việc nhằm tiết kiệm điện, nước và hạn chế tối đa nước thải và bụi bẩn từ các công trình.

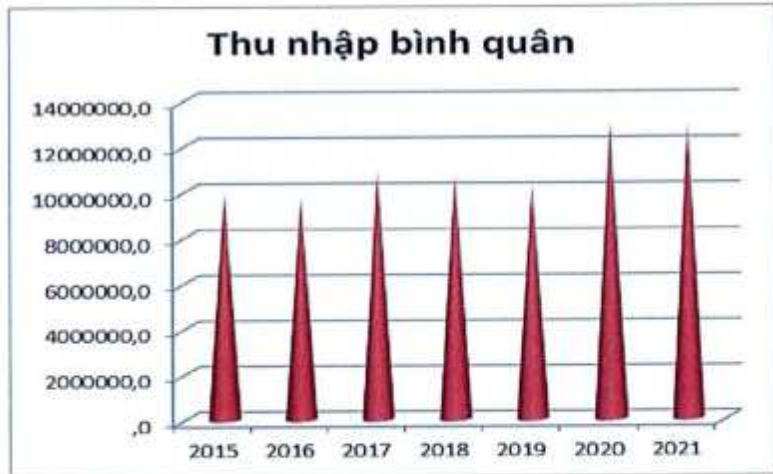




Người lao động là tài sản lớn nhất của Tổng Công ty

Đội ngũ CBNV giàu kinh nghiệm, tay nghề cao, gắn bó với Tổng Công ty luôn được xem là tài sản quý giá nhất đồng hành cùng sự phát triển bền vững của VNECO. Các chính sách nhân sự luôn hướng đến việc cam kết đồng hành lâu dài giữa công ty và người lao động.

NĂM	Thu nhập bình quân
2015	9.989.000
2016	9.747.000
2017	10.925.000
2018	10.720.000
2019	10.304.513
2020	12.952.700
2021	13.000.000



Chăm sóc đời sống người lao động

Không chỉ chú trọng sản xuất kinh doanh, với truyền thống là một DN nhà nước, VNECO không ngừng chăm lo đời sống người lao động để họ yên tâm gắn bó công tác.

Tại Tổng Công ty, hoạt động Công đoàn được tạo nhiều điều kiện thuận lợi. Đây là cơ sở để Công đoàn phát huy vai trò và tham gia cùng lãnh đạo công ty trong việc chăm lo đời sống NLĐ. Công đoàn cơ quan và Công đoàn Tổng Công ty thường xuyên tổ chức thăm hỏi động viên CBNV công tác tại công trường, chúc tết gia đình CBNV đã có những hy sinh cho sự nghiệp đường dây tải điện...

Thỏa ước lao động tập thể tại công ty có những điều khoản có lợi hơn cho NLĐ so với luật định được quy định trong bản thỏa ước như trường hợp ốm bà nội, ngoại, anh chị em ruột chết được nghỉ 1 ngày hưởng nguyên lương; trường hợp bản thân CBNV ốm đau hoặc gia đình ốm đau được hưởng trợ cấp; khuyến khích con em CBNV học tập và được khen thưởng theo kết quả học tập trong ngày 1/6 hàng năm.

Quy chế dân chủ tại công ty được tổ chức thực hiện nghiêm túc, tổ chức hội nghị CBNV, đối thoại tại nơi làm việc hàng Quý đảm bảo chất lượng, phát huy quyền làm chủ của CBNV. Các chế độ bảo hiểm cho CBNV, xây dựng thang lương, bảng lương và điều chỉnh thang bảng lương theo quy định của pháp luật... được công ty thực hiện đầy đủ.



Với tiêu chí lấy người lao động làm gốc và cũng là “vốn quý” của mỗi doanh nghiệp nên Ban lãnh đạo Tổng Công ty đặc biệt dành nhiều chính sách nhằm chăm lo tốt nhất cho đời sống của CBNV. Song song với việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn, đảm bảo, các hoạt động chăm lo đời sống văn hóa tinh thần cho người lao động được công ty chăm chút như tổ chức tham quan du lịch, tổ chức các hoạt động thể thao cho người lao động, hỗ trợ CBNV và gia đình khi gặp khó khăn, chăm lo cho con em công nhân lao động...



Đào tạo nâng cao nghiệp vụ và nhận thức trong cuộc sống cho CBNV

Tổng Công ty thường xuyên cử CBNV tham gia các lớp học nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và nâng cao các kỹ năng mềm trong công tác





Gắn kết cùng đơn vị thành viên, nhà thầu phụ, đối tác

Tổng Công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ-công ty con, nên hoạt động kinh doanh của VNECO gắn kết chặt chẽ với hoạt động kinh doanh của các đơn vị thành viên. Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các buổi gặp gỡ, học tập lẫn nhau trong tổ hợp, tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu cho đơn vị thành viên nhằm nâng cao năng lực hoạt động của từng đơn vị và cả tổ hợp.

Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên tổ chức các cuộc họp điều độ để kiểm điểm tiến độ, chất lượng thi công trên các công trình, thành mời gồm Lãnh đạo chủ chốt các đơn vị và các phòng ban chuyên môn Tổng Công ty, kết hợp qua đó nắm bắt thêm tình hình hoạt động của các đơn vị thành viên trong tổ hợp, nhằm cùng nhau tìm ra và giải quyết các vấn đề còn tồn tại mỗi đơn vị, góp phần đưa từng đơn vị và tổ hợp phát triển minh bạch, bền vững.

Giúp cho việc gắn kết giữa các đơn vị một cách minh bạch và hiệu quả, Tổng Công ty ban hành các Quy trình về lựa chọn nhà thầu phụ, nhà cung cấp; Quy trình thanh toán nhà thầu phụ, nhà cung cấp; minh bạch thông tin, hướng tới mục tiêu hợp tác cùng phát triển.



Đồng hành cùng địa phương trong các công tác cộng đồng

Với truyền thống hơn 30 năm trong ngành, đã trải qua nhiều công trình trên khắp cả nước, những người thợ đường dây VNECO thấu hiểu và luôn chia sẻ trách nhiệm cùng cộng đồng. Toàn thể người lao động luôn tiên phong trong việc đóng góp ủng hộ đồng bào cả nước bị thiên tai, bão lụt và chung tay cùng các tổ chức nhân đạo từ thiện trong việc hỗ trợ người nghèo, trẻ em mồ côi, bất hạnh và những hoàn cảnh khó khăn nhằm mang lại niềm vui cho cuộc sống và động viên những hoàn cảnh không may vươn lên. Đó chính là nét nhân văn được xây dựng trong 30 năm qua, là một phần không thể thiếu trong Văn hóa VNECO được định hình cùng thương hiệu.





Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Bộ Tài chính là một trong những bộ, ngành đầu tiên của Việt Nam chính thức ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh trong đó, trọng tâm là hình thành thị trường huy động vốn xanh phù hợp với thông lệ quốc tế. Chiến lược tăng trưởng xanh là chiến lược thúc đẩy quá trình tái cấu trúc và hoàn thiện thể chế kinh tế theo hướng sử dụng hiệu quả hơn tài nguyên thiên nhiên, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, thông qua tăng cường đầu tư vào đổi mới công nghệ, vốn tự nhiên, công cụ kinh tế. Từ đó góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm nghèo và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững.

Ngày 01/10/2021, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 1658/QĐ-TTg phê duyệt “Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2050” với mục tiêu giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP; xanh hóa các ngành kinh tế... Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 với các mục tiêu cụ thể dẫn trở thành chỉ tiêu bắt buộc và quan trọng trong phát triển kinh tế - xã hội đó là: (i) Giảm cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP và thúc đẩy sử dụng năng lượng sạch, năng lượng tái tạo; (ii) Xanh hóa các ngành kinh tế; (iii) Xanh hóa lối sống và thúc đẩy tiêu dùng bền vững; (iv) Xanh hóa quá trình chuyển đổi trên nguyên tắc bình đẳng, bao trùm nâng cao năng lực chống chịu;

Hưởng ứng chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh và định hướng phát triển của Bộ tài chính về thị trường vốn xanh, VNECO đang dần chuyển hướng kinh doanh, mở ra một mũi nhọn mới tập trung vào lĩnh vực năng lượng tái tạo (điện gió, điện mặt trời) vì một nền kinh tế xanh, tăng trưởng xanh, thích ứng với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.



PHẦN VI

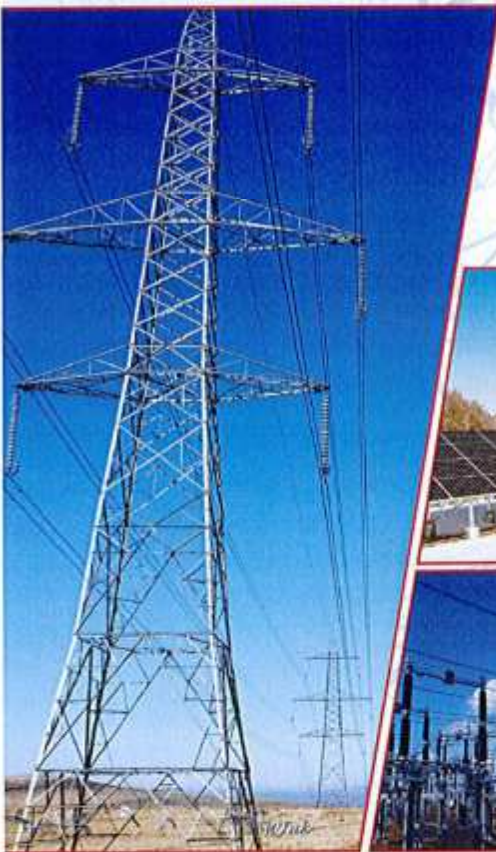
BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

Tình hình phát triển ngành 64

Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh 66

Tình hình tài chính 69

Kế hoạch phát triển tương lai 72





BÁO CÁO BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG QUAN NGÀNH XÂY LẮP ĐIỆN

Việt Nam có đặc điểm địa lý hẹp, chiều dài đất nước kéo dài và nhiều hải đảo. Cùng với đó là phân bố các nhà máy điện không đồng đều giữa các khu vực cũng như yếu tố thời tiết làm cho lượng điện phát ra ở các khu vực tập trung nhà máy thủy điện biến động làm cho việc truyền tải điện gặp nhiều khó khăn.

Để đảm bảo đáp ứng nhu cầu điện tăng nhanh, Bộ Công Thương cho biết, Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 11/02/2020 về định hướng Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã đánh giá việc phát triển ngành năng lượng nói chung và phân ngành điện nói riêng như sau: “Cung cấp năng lượng, đặc biệt là cung cấp điện cơ bản đáp ứng đủ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội với chất lượng ngày càng được cải thiện;... Đầu tư xây dựng hạ tầng cung cấp điện có sự phát triển mạnh mẽ, là điều kiện quan trọng cho việc bảo đảm an ninh cung ứng điện. Đưa điện lưới quốc gia tới hầu hết mọi miền của đất nước, kể cả vùng sâu, vùng xa, biên cương, hải đảo”;

Thời điểm hiện tại, đã có nhiều biến động lớn trong phát triển điện lực: Quốc hội đã quyết định dừng thực hiện nhà máy điện hạt nhân Ninh Thuận; Chính phủ đã ban hành Quyết định số 11/2017/QĐ-TTg về cơ chế khuyến khích phát triển các dự án điện mặt trời tại Việt Nam, và Quyết định số 39/2018/QĐ-TTg về cơ chế hỗ trợ phát triển các dự án điện gió tại Việt Nam, tạo ra sự bùng nổ

đầu tư của các dự án điện mặt trời, điện gió (chủ yếu do các nhà đầu tư tư nhân thực hiện - là điểm mới so với trước đây khi hầu hết các dự án, công trình điện đều do các tập đoàn, tổng công ty Nhà nước đầu tư); sự chậm trễ và khó khăn trong đầu tư xây dựng các nhà máy nhiệt điện (đặc biệt là các nhà máy điện truyền thống); sự phát triển của công nghệ trong sản xuất và truyền tải điện (đặc biệt là công nghệ điện mặt trời, điện gió), dẫn tới khả năng giảm sâu giá thành sản xuất của loại hình nguồn điện này; sự xuất hiện của cuộc cách mạng Công nghiệp 4.0 có ảnh hưởng to lớn tới quá trình sản xuất, truyền tải và phân phối điện...





Những biến động này có tác động lớn tới tình hình phát triển điện lực của Việt Nam, vì vậy việc lập Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII) là nhiệm vụ cấp bách và có tính thời sự cao. Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Triển vọng cao, tuy nhiên thực trạng ngành xây lắp điện còn nhiều khó khăn. Hầu hết các công trình thi công nằm rải rác trên địa bàn cả nước, trong khi đội ngũ cán bộ kỹ thuật và thợ lành nghề ngày càng mỏng do cơ cấu, sắp xếp lại. Nhiều công trình do chủ đầu tư bàn giao mặt bằng và tiến độ cung cấp vật tư chậm và không đồng bộ, bên cạnh đó, những biến động của kinh tế thế giới và trong nước, tình hình dịch bệnh COVID-19 ngày càng diễn biến phức tạp phát sinh nhiều chủng biến thể mới cũng ảnh hưởng không nhỏ tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Mặc dù Chính phủ đã chuyển chiến lược phòng, chống dịch Covid-19 từ trạng thái “Zero-Covid” sang “thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19” đã có tác động tích cực đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Tuy nhiên bước sang năm 2022, hoạt động của các doanh nghiệp xây lắp điện nói chung và của Tổng Công ty nói riêng vẫn còn gặp nhiều khó khăn từ việc thiếu hụt nguồn nhân lực lành nghề, cũng như giá cả nguyên vật liệu đầu vào tăng cao (dự báo giá xi măng, thép sẽ điều chỉnh tăng giá bán, trong khi đó giá xăng dầu tăng đột biến...) đã gây bất lợi lớn cho doanh nghiệp do đã trúng thầu và ký hợp đồng tại thời điểm giá nguyên vật liệu chưa cao;



Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh

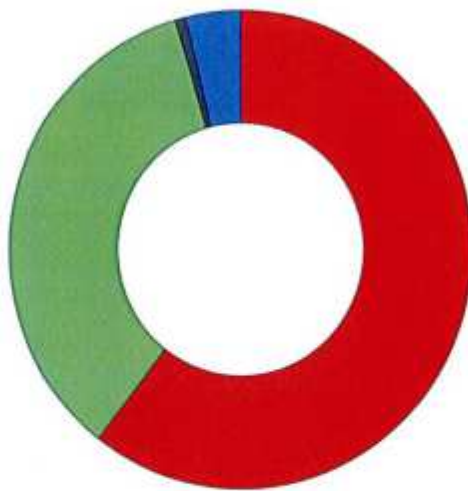
Kết thúc năm tài chính 2021, tính riêng Công ty mẹ doanh thu và thu nhập đạt 1.811.196 triệu đồng, hoàn thành 59,38% kế hoạch năm và tăng 47,15% so với thực hiện năm 2020. Lợi nhuận sau thuế đạt 44.335 triệu đồng đạt 52,97% kế hoạch và tăng 80,25% so với cùng kỳ năm 2020.

TT	Chỉ tiêu công ty mẹ	KH 2021	TH 2021	Tỉ lệ hoàn thành
1	Tổng doanh thu và thu nhập	3.050.000	1.811.196	59,38%
2	Lợi nhuận sau thuế	83.696	44.335	52,97%

Nguyên nhân doanh thu hoàn thành được 59,38% so với kế hoạch do Chủ đầu tư chậm giao mặt bằng thi công, vướng đến bù, phụ thuộc thời gian cho phép cắt điện, điều kiện thời tiết, dịch covid-19, một số công trình có khối lượng lớn nằm trong kế hoạch doanh thu năm 2021 nhưng không thể thi công hoàn thành như Đz 220 kV Hải Dương - Phố Nối; Đz 220kV Việt Trì - Tam Dương - Bá Thiện và TBA 220kV Bá Thiện; Đz 500kV Quảng Trạch - Dốc Sỏi; Đz đấu nối 220kV vào Đz 500kV Long Thành; Đz 500kV Chơn Hòa Đức Thành; Đz 220kV Cà Mau 1 và TBA 220kV Cà Mau 1; Đz 220kV Krông Buk - Nha Trang mạch 2; TBA 220kV Phước Thái...;

Cơ cấu doanh thu

TT	Cơ cấu doanh thu	2020		2021		Tăng trưởng
		Giá trị Tỷ trọng	Giá trị Tỷ trọng	Giá trị Tỷ trọng	Giá trị Tỷ trọng	
1	DT hoạt động xây dựng	761.810	58,62%	763.210	38,18%	0,18%
2	DT bán hàng	490.238	37,72%	1.227.219	61,39%	150,33%
3	DT cung cấp dịch vụ	46.469	3,58%	7.642	0,38%	-83,55%
4	DT từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	1.150	0,09%	941	0,05%	-18,17%
	Tổng	1.299.667	100,00%	1.999.012	100,00%	53,81%



- DT hoạt động xây dựng
- DT bán hàng
- DT cung cấp dịch vụ
- DT từ chuyển nhượng BĐS

Năm 2019, doanh thu hoạt động xây lắp của VNECO ngoài xây lắp đường dây và trạm biến áp còn có hỗ trợ của xây lắp các nhà máy điện mặt trời, nên doanh thu hoạt động xây dựng đạt 971,510 tỷ đồng chiếm 78,86% cơ cấu tổng doanh thu; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 222,888 tỷ đồng chiếm 18,09% cơ cấu tổng doanh thu. Năm 2020, doanh thu hoạt động xây lắp của VNECO đạt 761,810 tỷ đồng chiếm 58,62% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 21,58% so với cùng kỳ năm 2019; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 46,469 tỷ đồng chiếm 3,58% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 79,15% so với cùng kỳ năm 2019; doanh thu hoạt động bán hàng đạt 488,181 tỷ đồng chiếm 37,56% cơ cấu tổng doanh thu và tăng 1.503,96% so với cùng kỳ năm 2019. Nhìn chung tổng doanh thu năm 2020 của VNECO đạt 1.299,667 tỷ đồng, tăng 5,50% so với cùng kỳ năm 2019.

Năm 2021, doanh thu hoạt động xây lắp của VNECO đạt 763,210 tỷ đồng chiếm 38,18% cơ cấu tổng doanh thu và tăng nhẹ 0,18% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu hoạt động chuyển nhượng bất động sản đạt 7,642 tỷ đồng chiếm 0,38% cơ cấu tổng doanh thu và giảm 83,55% so với cùng kỳ năm 2020; doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 1.227,219 tỷ đồng chiếm 61,39% cơ cấu tổng doanh thu và tăng 153,33% so với cùng kỳ năm 2020. Nhìn chung tổng doanh thu năm 2021 của VNECO đạt 1.999,012 tỷ đồng, tăng 53,81% so với cùng kỳ năm 2020.

Đồng thời trong năm 2021, Tổng Công ty đã đầu tư thiết bị lắp dựng các dự án điện gió gồm 2 tổ hợp cấu 800 tấn và hệ thống các cấu nhỏ đi kèm đã góp phần tăng doanh thu và lãi gộp trong cơ cấu tổng doanh thu & lãi gộp của Tổng Công ty năm 2021.



Các công trình thực hiện đóng điện trong năm:

Năm 2021 được đánh giá là một năm của những khó khăn và thách thức lớn đối với kinh tế Việt Nam, trong đó có ngành xây lắp điện nói chung và cả Tổ hợp VNECO nói riêng. Do ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch bệnh COVID-19, cùng với sự nỗ lực của toàn Tổ hợp VNECO, VNECO đã thực hiện đóng điện các công trình đáp ứng tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư như: Đz 500kV Nghi Sơn 2; Đz 110kV Hà Đông - Sơn Tây (mạch 2); Đz & TBA 110kV Liễu Đề; TBA 500kV Đức Hòa; Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong.

Các yếu tố tác động đến kết quả kinh doanh trong năm 2021:

- Bộ Công thương ban hành Quyết định 4970/QĐ-BCT ngày 21/12/2016 quyết định về việc công bố định mức chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp. Theo quyết định này, xây dựng móng của các công trình truyền tải điện và trạm biến áp có định mức tương đương với các công trình xây dựng dân dụng. Đối với các công trình đường dây tải điện cao áp thì phần móng chiếm tỷ trọng từ 30-40% giá trị xây lắp, điều này làm cho biên lợi nhuận gộp các công ty xây lắp điện giảm mạnh dẫn đến hiệu quả hoạt động kinh doanh bị giảm.

- Một số yếu tố khách quan ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh trong năm của Tổng Công ty như: Năm 2021, diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, đồng thời hoạt động xây lắp một số công trình tiếp tục bị vướng công tác đền bù, giải phóng mặt bằng thi công không thuận lợi, vật tư chủ đầu tư cấp chậm và không đồng bộ, phụ thuộc vào tiến độ cắt điện, một số công trình bị trượt thời gian thi công so với kế hoạch ban đầu và giá dự toán các gói thầu xây lắp thấp dẫn đến lợi nhuận đạt được từ các công trình trúng thầu rất thấp. Trong năm 2021, Tổng Công ty tiếp tục đối mặt khó khăn từ việc Tòa án nhân dân sơ thẩm và phúc thẩm Tp Hồ Chí Minh tuyên buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho Ngân hàng TM TNHH MTV Xây dựng Việt Nam từ một giao dịch hợp tác hoạt động kinh doanh ngay tình hợp pháp cách đây hơn 10 năm, làm ảnh hưởng không nhỏ đến uy tín, thương hiệu và hình ảnh của VNECO trên thương trường và thị trường chứng khoán. Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục để nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm; Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty.

- Bên cạnh đó, sự cạnh tranh mạnh mẽ trong ngành cũng ảnh hưởng nhất định đến công tác đấu thầu và tìm kiếm việc làm của Tổng Công ty trong những năm gần đây.

Công tác đấu thầu:

Trong năm 2021, Tổng Công ty đã tham gia các gói thầu xây lắp, trúng được 18 công trình đường dây và TBA với giá trị 1.943 tỷ.

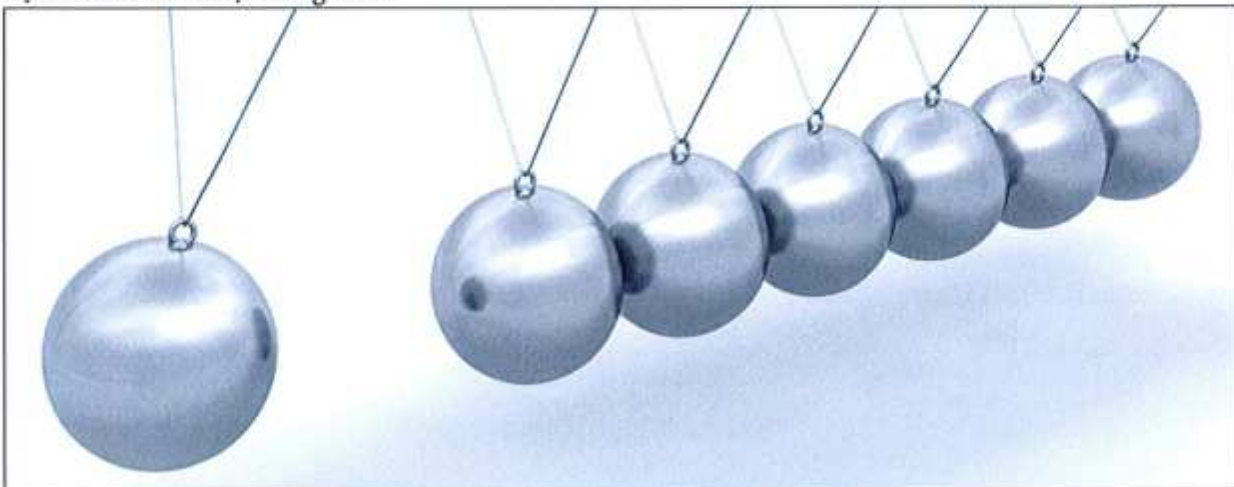
Các yếu tố tác động đến công tác đấu thầu tìm kiếm việc làm

Yếu tố Khách quan:

- Trình tự Thủ tục và thời gian thực hiện công tác chuẩn bị đấu tư của Chủ đầu tư bị kéo dài, đặc biệt đối với các dự án sử dụng nguồn vốn vay nước ngoài, làm ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, đồng thời ảnh hưởng đến công tác tìm kiếm việc làm của VNECO.
- Yếu tố cạnh tranh: thực tế hiện nay VNECO đang chịu nhiều sự cạnh tranh từ các đối thủ có tiềm lực và các đối thủ mới ngày càng nhiều trong ngành xây lắp điện. Xu hướng phân chia các gói thầu lớn thành nhiều lô nhỏ, giảm tiêu chí năng lực trong đấu thầu do vậy rất nhiều nhà thầu đủ điều kiện để tham gia. Như trước đây, các dự án xây lắp điện 220kV, 500kV chỉ có rất ít nhà thầu lớn đủ năng lực tham gia đấu thầu, thì nay có nhiều nhà thầu đáp ứng đủ năng lực.
- Yếu tố chuyển dịch, thay đổi cơ cấu sản phẩm ngành xây lắp điện: Hiện nay sản phẩm ngành xây lắp điện rất đa dạng, ngoài các dự án là xây lắp đường dây trên không và Trạm biến áp đơn thuần thì còn các sản phẩm khác như Cáp ngầm, dây siêu nhiệt, trạm GIS,... xu hướng ngầm hóa các đường dây 22kV, 110kV, 220kV; thay thế TBA thông thường thành Trạm GIS tại các thành phố lớn; xu hướng xây lắp cải tạo nâng cấp công suất lắp TBA, lắp máy T2, Chống quá tải đường dây, thay dây đường dây cũ trong môi trường mang điện, cung cấp và lắp đặt cột đơn thân,... Nếu không chuẩn bị năng lực, nhân sự kịp theo xu hướng thị trường thì sẽ gặp khó khăn, không đáp ứng được nhu cầu của ngành nghề, dẫn sẽ mất năng lực trong đấu thầu cạnh tranh.
- Nhiều dự án năng lượng tái tạo được triển khai, tạo điều kiện cho Tổng Công ty tham gia vào lĩnh vực này và đã có một số kết quả nhất định.

Yếu tố Chủ quan:

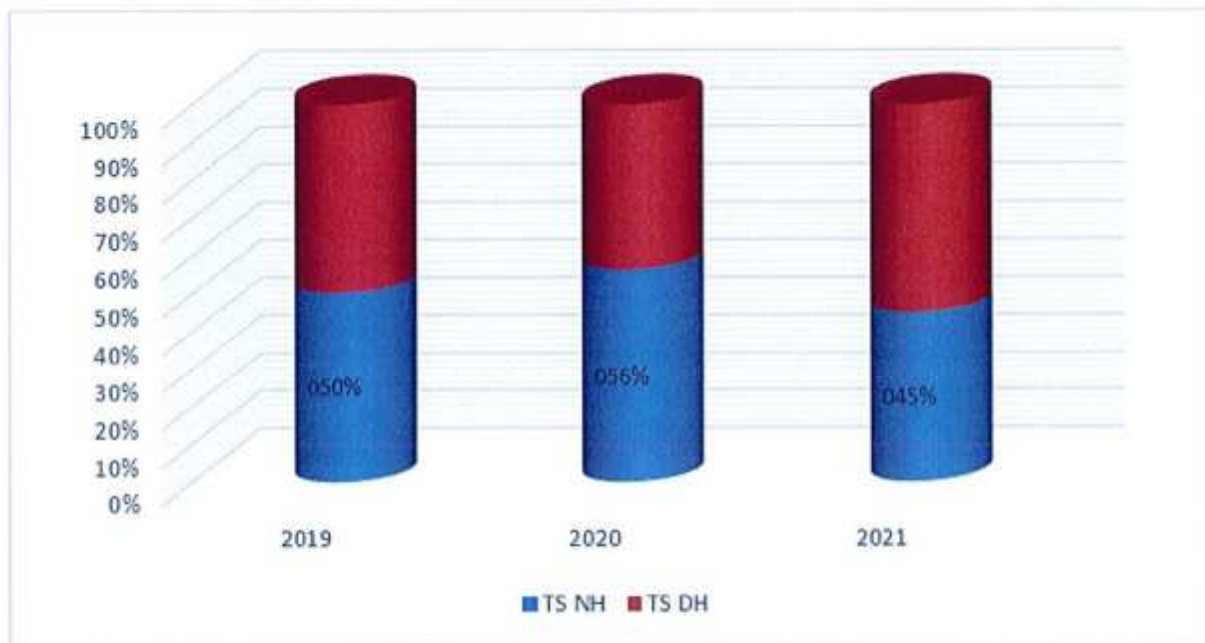
- Kỳ vọng lợi nhuận của một số dự án đấu thầu của VNECO đặt ra trước đấu thầu khá cao, đẩy giá dự thầu của VNECO lên cao, trong khi đối thủ cạnh tranh sẵn sàng giảm giá thấp để trúng thầu, do vậy làm giảm cơ hội trúng thầu của VNECO.
- Đối với các gói thầu PC hoặc EPC, phần vật tư (P) không phải là lợi thế của VNECO và phải chào giá qua bên thứ 3, do vậy rủi ro về lãi vay trả trước cho phần vật tư thiết bị sẽ đẩy giá thành lên cao, giảm tính cạnh tranh và cơ hội trúng thầu.





Tình hình tài chính

TT	Chỉ tiêu	2019	2020	2021	Thay đổi
I	Tổng tài sản	1.431.299	2.092.973	3.483.317	66,43%
1	Tài sản ngắn hạn	718.794	1.177.932	1.563.672	32,75%
2	Tài sản dài hạn	712.505	915.041	1.919.645	109,79%
II	Nguồn vốn	1.431.299	2.092.973	3.483.317	66,43%
1	Nợ ngắn hạn	447.211	1.089.939	2.187.577	100,71%
2	Nợ dài hạn	3.788	9.086	271.952	2.893,09%
3	Vốn chủ sở hữu	980.300	993.948	1.023.788	3,00%



Tài sản

Tổng tài sản VNECO biến động lớn trong năm, theo đó tài sản ngắn hạn năm 2021 đạt 1.563,672 tỷ đồng, tăng 32,75% so với năm 2020, chiếm 44,89% tổng tài sản, thấp hơn mức 56,28% năm 2020 và 50,22% năm 2019.

TT	Chỉ tiêu hiệu quả sử dụng tài sản	2019	2020	2021
1	DTT/TTS	86,07%	62,10%	57,39%
2	DTT/TSNH	171,38%	110,33%	127,84%
3	DTT/TSND	172,90%	142,03%	104,13%
4	ROA	0,67%	0,66%	0,29%

Nguồn vốn

Cơ cấu nguồn vốn Tổng Công ty giai đoạn 2016-2019 duy trì mức ổn định và an toàn với tỷ lệ nợ dưới 40% tổng nguồn vốn (năm 2019 tỷ lệ nợ chiếm 31,51% tổng nguồn vốn). Năm 2020 tỷ lệ nợ là 52,21% tổng nguồn vốn.

Tính đến cuối năm 2021, tổng nợ VNECO đạt 2.459,529 tỷ đồng tăng 123,79% so với cùng kỳ năm 2020, trong đó nợ ngắn hạn chiếm 88,94% trong cơ cấu nợ. Cơ cấu nợ ngắn hạn có sự thay đổi lớn với tỷ trọng tập trung vào chi tiêu phải trả người bán ngắn hạn (chiếm 24,73% nợ ngắn hạn và tăng 68,73% so với cùng kỳ năm 2020); chi phí phải trả ngắn hạn (chiếm 5,83% nợ ngắn hạn và giảm 38,43% so với cùng kỳ năm 2020) do đặc trưng ngành nghề xây lắp. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm 2021 đạt 675,128 tỷ đồng (chiếm 30,86% nợ ngắn hạn và tăng 78,04% so với cùng kỳ năm 2020); vay dài hạn trong năm 2021 đạt 43,114 tỷ đồng và phải trả người bán dài hạn tại 31/12/2021 là 219,083 tỷ đồng.

Vốn chủ sở hữu năm 2021 đạt 1.023,788 tỷ đồng, tăng 3,00% so với cùng kỳ năm 2020.

Ảnh hưởng chênh lệch tỷ giá hối đoái đến kết quả kinh doanh công ty: Không đáng kể

Ảnh hưởng của lãi vay đến kết quả kinh doanh công ty: Với đặc thù kinh doanh ngành xây lắp điện nhu cầu vốn lớn, trong khi nguồn vốn giải ngân của chủ đầu tư tương đối chậm nên Tổng Công ty sử dụng nợ vay ngắn hạn để xoay vòng vốn các công trình. Năm 2021, tỷ lệ nợ tăng đột biến (chiếm 70,60% tổng tài sản), trong đó vay ngân hàng ngắn hạn năm 2021 đạt 675,128 tỷ đồng, tương đương mức 19,38% tổng tài sản, vay nợ dài hạn đạt 43,114 tỷ đồng, tương đương 1,23% tổng tài sản. Tổng nợ vay chiếm 20,62% tổng tài sản và chiếm 79,42% vốn điều lệ. Chi phí lãi vay năm 2021 đạt 37,195 tỷ đồng, tăng 158,16% so với cùng kỳ năm 2020 tương đương tăng 22,787 tỷ đồng.





Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Tái cấu trúc

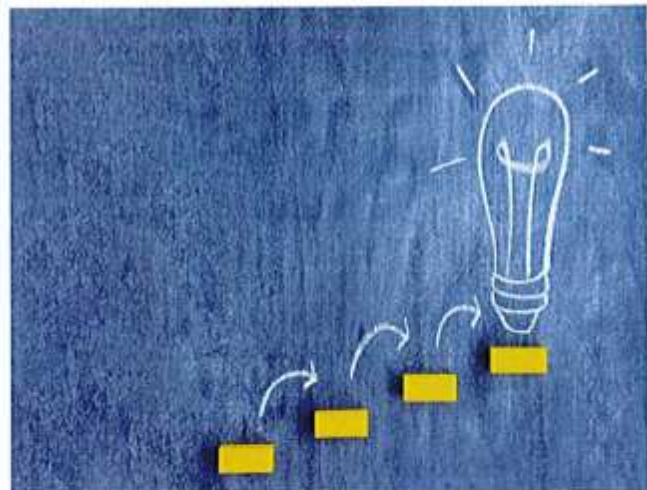
Tổng Công ty thực hiện phân chia cơ cấu Ban điều hành trực tiếp chỉ đạo công việc thi công, giám chống chéo trong công việc. Phân công nhiệm vụ cụ thể các Phó Tổng giám đốc chịu trách nhiệm từng khối nghiệp vụ: Chỉ đạo thi công các công trình miền Bắc, Trung, Nam; chỉ đạo công tác đấu thầu; chỉ đạo công tác phát triển năng lượng tái tạo.

Ở cấp trung, Ban điều hành đã tập trung củng cố bộ máy tổ chức, sắp xếp lại nhân sự theo hướng chuyên môn hoá, tinh giản, gọn nhẹ, chú trọng khâu chỉ đạo, điều hành của các phòng, ban chuyên môn.

Đối với cấp CBNV, Ban điều hành thực hiện tuyển chọn đội ngũ lao động trẻ, vững chuyên môn, thợ lành nghề, nhất là có cơ chế đãi ngộ thỏa đáng để khuyến khích người lao động làm việc có năng suất, chất lượng, hiệu quả; tích cực đầu tư, nâng cấp trang thiết bị, phương tiện thi công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đề xuất các biện pháp, xử lý kịp thời những vướng mắc trong quá trình triển khai nhiệm vụ. Mặt khác, tuy có thể mạnh thương hiệu đơn vị uy tín hàng đầu trong nước về thi công lưới điện từ 110kV đến siêu cao áp 500kV, nhưng trong lĩnh vực xây lắp điện thời gian gần đây có sự cạnh tranh quyết liệt nên Tổng Công ty vừa phải nâng cao năng lực, tham gia đấu thầu các dự án, vừa phải mở rộng thị trường tới các điện lực địa phương, đồng thời chuyển dịch thêm năng lượng tái tạo để đảm bảo việc làm, đời sống cho người lao động.

Áp dụng các phương thức quản lý hiện đại

Tổng Công ty đã nghiên cứu và đang vận hành theo mô hình đánh giá xếp loại CBNV từ đó xây dựng thang bảng lương theo hiệu quả công việc. Đây là cơ sở để nhà quản lý đánh giá thành tích của phòng ban, của nhân viên và đưa ra những khuyến khích phù hợp cho từng phòng ban, từng nhân viên. Ban điều hành áp dụng nhiều phương pháp quản lý khác như báo cáo tuần, bảng mô tả nhiệm vụ và kế hoạch hành động...



nhằm đảm bảo cho người lao động thực hiện đúng các trách nhiệm trong bảng mô tả công việc của từng vị trí chức danh cụ thể, điều này góp phần cho việc đánh giá thực hiện công việc trở nên minh bạch, rõ ràng, cụ thể, công bằng và hiệu quả hơn, nâng cao hiệu quả của đánh giá thực hiện công việc.

Tổng Công ty thực hiện đào tạo và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001-2015.

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022	Tỷ lệ KH 2022/TH2021
1	Tổng doanh thu, thu nhập	Tr.đ	2.892.313	1.811.196	2.920.650	161,26
2	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	71.631	44.330	102.300	230,77
3	Tỷ lệ cổ tức	%	4	5	6	
4	Vốn điều lệ	Tr.đ	1.545.296	904.330	1.445.296	

(Kế hoạch năm 2022 sẽ được trình tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 để thông qua)

Biện pháp thực hiện kế hoạch:

* Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp

Đối với hoạt động kinh doanh xây lắp đường dây và Trạm biến áp:

Tích cực tham gia công tác thị trường, tìm kiếm việc làm trên cơ sở xây dựng chiến lược giá hợp lý cạnh tranh, gia tăng thị phần năm sau cao hơn năm trước, với tốc độ tăng trưởng doanh thu trên 30%/năm. Củng cố, xây dựng đơn vị thành viên ngày càng mạnh, giao trọn gói khối lượng lớn thi công các công trình; Đầu tư các phương tiện máy móc chuyên ngành, nhân lực thi công chuyên nghiệp.

Quyết liệt chỉ đạo thi công các công trình theo đúng tiến độ kế hoạch. Cụ thể:

- Tập trung rà soát, chỉ đạo các công trình đến các đơn vị thi công theo kế hoạch định kỳ 15 ngày. Nếu không hoàn thành kế hoạch đã đăng ký thì xem xét điều chuyển khối lượng và là cơ sở đánh giá giao khối lượng công trình khác.
- Tăng cường năng lực đội ngũ làm công tác đền bù thi công, phối hợp tốt giữa Ban chỉ huy và đơn vị thi công để đảm bảo tiến độ và hiệu quả từng công trình.
- Tăng cường đầu tư nhân lực, thiết bị, tăng cường hợp tác, liên kết trong đấu thầu giữa các công ty con trong tổ hợp đối với các gói thầu vừa và nhỏ.
- Duy trì tốt mối quan hệ với khách hàng truyền thống thuộc EVN, phát triển mối quan hệ với khách hàng mới.
- Cảnh báo sớm công trình có nguy cơ chậm tiến độ để có giải pháp kịp thời;
- Tập trung chỉ đạo, điều hành một số công trình trọng điểm năm 2022:
 - + Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ,
 - + Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương,
 - + Đz 220kV Nậm Sum - Nông Cống,
 - + Đz 220kV Cà Mau 1 và TBA 220kV Cà Mau 1,
 - + Đz 220kV Krông Buk - Nha Trang mạch 2,
 - + TBA 220kV Phước Thái,
 - + TBA 220kV Tam Phước,



- + Đz 220kV Đấu Nối Long Thành,
- + Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hòa,
- + Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong,
- + Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam,....

Để đảm bảo mục tiêu đóng điện theo yêu cầu chủ đầu tư, tạo uy tín của VNECO.

- Tăng cường giám sát về chất lượng, an toàn trên công trường, nhất là trong giai đoạn dựng cột, kéo dây và các giao chéo. Đảm bảo tiến độ, an toàn, tiết kiệm kinh phí.

- Tiếp tục đầu tư bổ sung máy móc thiết bị, tăng cường năng lực, công nghệ mới vào thi công các công trình.

- Quản lý tốt các vật tư, thiết bị trên các công trình tránh thất thoát, đảm bảo cung cấp kịp thời, tính toán chính xác hợp lý vật tư chủ đầu tư cấp theo phạm vi công việc của đơn vị.

- Triển khai ứng dụng phần mềm quản lý tiến độ, áp dụng công nghệ kiểm soát chất lượng thi công các công trình.

Đối với hoạt động xây lắp năng lượng tái tạo

- Trên cơ sở kết quả đạt được năm 2021 và các năm trước, trang thiết bị máy móc hiện đại, kinh nghiệm đội ngũ cán bộ công nhân viên, Tổng Công ty tiếp tục đẩy mạnh tìm kiếm thị trường, đấu thầu, hợp tác với các chủ đầu tư để nâng cao tỷ trọng doanh thu xây lắp NLTT trong tổng doanh thu 2022 và các năm tiếp theo;

- Xây dựng lực lượng chuyên nghiệp để vận hành máy móc thiết bị triển khai thi công các công trình năng lượng tái tạo vì đây là lĩnh vực mới rất nhiều tiềm năng.

Đối với hoạt động thương mại

Thúc đẩy tăng cường hoạt động thương mại với mục tiêu doanh số, doanh thu năm sau cao hơn năm trước góp phần tăng doanh thu, tăng hiệu quả cho Tổng Công ty.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản

Năm 2022, Tổng Công ty huy động tăng vốn chủ sở hữu nhằm đầu tư xây dựng nhà liền kề và khai thác 80 lô đất còn lại thuộc dự án Khu đô thị mới Mỹ Thượng, tỉnh TT Huế để tăng doanh thu, hiệu quả cho Tổng Công ty.

*** Đối với hoạt động kinh đầu tư các dự án**

Đầu tư các dự án năng lượng tái tạo

Trên cơ sở kinh nghiệm và năng lực đầu tư dự án điện gió Thuận Nhiên Phong đã đạt được, Tổng Công ty tiếp tục tìm kiếm nguồn vốn, hoàn thiện các thủ tục dự án để được bổ sung quy hoạch sơ đồ điện VIII cho các dự án điện gió Ba Tầng ở Quảng Trị, dự án Lệ Thủy 3 ở Quảng Bình và một số dự án điện gió ở các địa phương khác để có cơ sở triển khai đầu tư trong thời gian tới.

Đầu tư các dự án bất động sản

Dự án khu đô thị mới Mỹ Thượng - Tp. Huế

Tổng Công ty huy động tăng vốn để đầu tư xây dựng nhà liền kề và khai thác 80 lô đất còn lại, hoàn thiện hồ sơ pháp lý và hồ sơ dự án triển khai đầu tư giai đoạn tiếp theo dự án tổ hợp chung cư và thương mại dịch vụ tại các lô CT2, CT3 và CT4.

Dự án tại 64, 66 Hoàng Văn Thái, TP. Đà Nẵng

Hoàn thiện các thủ tục đầu tư dự án Tổ hợp trung tâm thương mại dịch vụ và căn hộ chung cư nhằm khai thác khu đất 64, 66 Hoàng Văn Thái, phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng

Dự án xây dựng văn phòng và căn hộ dịch vụ tại Nguyễn Đình Chính TPHCM

Thu xếp nguồn vốn và triển khai các thủ tục nhằm đủ điều kiện sớm đầu tư khu phức hợp văn phòng, căn hộ dịch vụ tại 3 lô đất thuộc sở hữu của Tổng Công ty tại đường Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, TP Hồ Chí Minh.

Giải pháp chung về tài chính

- Thực hiện các giải pháp nhằm thu đủ 100% vốn phải thu thi công các công trình từ chủ đầu tư, kể cả các khoản phải thu năm 2021 chuyển qua và giá trị phát sinh trong năm 2022;
- Làm việc với các ngân hàng, tổ chức tài chính tạo lập nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, đầu tư hiệu quả;
- Tiếp tục nghiên cứu, đề xuất HĐQT thực hiện tái cấu trúc một số tài sản hiện có, các khoản đầu tư tài chính theo hướng khai thác tối đa lợi thế của tài sản, các khoản đầu tư, bảo đảm phù hợp với điều kiện của Tổng Công ty trong thực tế hiện nay;
- Thực hiện tốt hơn công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, rà soát và cắt giảm các chi phí không hợp lý nhằm tăng hiệu quả kinh doanh cho Tổng Công ty;
- Ưu tiên nguồn lực tài chính tiếp tục đầu tư trang máy móc, thiết bị nhằm đưa công nghệ mới vào thi công các công trình xây lắp điện, công trình năng lượng tái tạo;
- Tăng cường công tác quản lý giám sát phần vốn đầu tư tại các đơn vị, thực hiện tốt công tác kiểm toán nội bộ, đảm bảo thực hiện tối đa quyền của cổ đông lớn đối với phần vốn đầu tư tại các đơn vị;
- Tiếp tục và kiên trì thực hiện mọi biện pháp nhằm thúc đẩy khiếu nại theo hình thức Giám đốc thẩm vụ việc oan sai mà Tòa án sơ thẩm và phúc thẩm TP. HCM buộc VNECO phải hoàn trả lại 200 tỷ đồng cho ngân hàng Xây dựng trong vụ án Hứa Thị Phấn và đồng phạm; Đây là điều kiện rất quan trọng để khơi thông nguồn vốn từ các tổ chức tài chính, ngân hàng cho VNECO vay để thực hiện các dự án đầu tư và kinh doanh trong năm 2022 và các năm tiếp theo.

Công tác tổ chức, quản trị công ty

- Đổi mới công tác quản lý, như: giao khoán khối lượng lớn, gắn trách nhiệm nhà thầu với chất lượng, tiến độ công trình; công khai, minh bạch, bình đẳng trong xây dựng đơn giá giao khoán, lựa chọn nhà thầu, nhà cung cấp... với mục tiêu giảm chi phí và tăng hiệu quả cho Tổng Công ty;
- Tiếp tục hoàn thiện phương án tổ chức lại các phòng, ban và sắp xếp lại một số vị trí công tác từ Lãnh đạo đến cán bộ hợp lý hơn; Đổi mới, áp dụng phương án tổ chức, điều hành thi công theo mô hình tổ chức Ban chỉ đạo, chỉ huy trưởng công trình, giao quyền và trách nhiệm rõ ràng cho chỉ huy trưởng công trình;
- Đã kiện toàn lại đội ngũ nhân sự làm công tác đấu thầu theo hướng linh hoạt, hiệu quả; Tổ chức lại lực lượng thi công xây lắp tinh nhuệ đáp ứng yêu cầu các nhiệm vụ quan trọng, kỹ thuật phức tạp trên các công trình, dự án;
- Đã kịp thời điều chỉnh, ban hành một số chính sách về lương thưởng, thu nhập nhằm động viên khuyến khích, tạo sự an tâm cho CBNV làm việc, đóng góp xây dựng VNECO.

Xây dựng mối quan hệ trong tổ hợp và các đối tác

- Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Tổng Công ty với các đơn vị trong Tổ hợp, phối hợp tốt trong công tác đấu thầu, tìm kiếm việc làm. Chỉ đạo nhằm tăng cường tính chủ động của các đơn vị đối với các công trình trọng điểm, đảm bảo chất lượng, tiến độ theo yêu cầu của Chủ đầu tư;
- Tổng Công ty tiếp tục phối hợp, hợp tác với các đơn vị ngoài Tổ hợp nhằm mong muốn được đồng hành và chia sẻ khó khăn của các đối tác với mục tiêu cùng có lợi, cùng chia sẻ;
- Hỗ trợ về công tác quản trị, công tác thông tin thị trường và các mặt hoạt động đối với các đơn vị trong tổ hợp nhằm tối ưu hóa các mặt hoạt động, kinh doanh

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: không có

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

(xem Phần 3 Báo cáo môi trường xã hội)

PHẦN V

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Đánh giá HĐQT về các mặt hoạt động của Tổng Công ty

Để vượt qua các khó khăn, thách thức, đảm bảo cung cấp điện ổn định, tin cậy, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội và an ninh quốc phòng của đất nước, cần thiết phải xây dựng Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 tầm nhìn đến năm 2045 (Quy hoạch điện VIII). Quy hoạch sẽ định hướng được tương lai phát triển của ngành điện; định lượng các giá trị mục tiêu cung cấp điện; xác định quy mô, tiến độ và phân bố không gian của các công trình nguồn điện, lưới điện và đề xuất các giải pháp thực hiện quy hoạch.

Theo quy hoạch điện VIII, giai đoạn 2021-2030 tổng vốn đầu tư lưới điện dự kiến khoảng 761.964 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư lưới điện tăng trưởng mạnh hứa hẹn sẽ giúp cho ngành Xây lắp điện tăng trưởng cao từ nay tới 2030.

Tuy nhiên Quyết định 4970/QĐ-BCT của Bộ Công Thương ngày 21/12/2016 quy định về định mức dự toán chuyên ngành công tác lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp đã ảnh hưởng rất lớn đến kết quả kinh doanh của các đơn vị trong ngành nói chung và VNECO nói riêng, dẫn đến doanh thu và lợi nhuận mảng xây lắp đạt rất thấp so với các năm trước.

Với sự nỗ lực của toàn bộ CBNV và định hướng dịch chuyển trong cơ cấu ngành nghề, năm 2021 tổ hợp VNECO đạt 1.999,013 tỷ đồng doanh thu và 7,948 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; Công ty mẹ đạt 1.803,546 tỷ đồng doanh thu và 44,330 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế; chỉ tiêu doanh thu và thu nhập đạt 59,38% và lợi nhuận sau thuế đạt 52,97% so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đặt ra.

Trong năm 2021, mọi hoạt động của Tổng Công ty đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành

Năm 2021, Hội đồng quản trị vẫn luôn đồng hành cùng Ban điều hành trong từng hoạt động, bám sát thị trường, đưa ra các định hướng và chỉ đạo kịp thời. Các hoạt động của Ban điều hành tuân thủ theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ Tổng Công ty, các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của Hội đồng quản trị. Tuy nhiên, trước tình hình khó khăn của ngành, kết quả kinh doanh chưa đạt được kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông họp thường niên năm 2021 thông qua.





Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban điều hành

- Năm 2021, HĐQT đã quản lý, giám sát, thường xuyên chỉ đạo, đôn đốc điều hành việc thực hiện nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết HĐQT thông qua các hình thức:
- Công tác báo cáo kết quả SXKD, báo cáo tài chính năm 2020, năm 2021 và Kế hoạch kinh doanh năm 2021, xây dựng định hướng phát triển Tổng Công ty, định hướng hoạt động HĐQT, giai đoạn 2021-2025;
- Tổ chức kỳ họp thường niên năm 2021 của ĐHĐCĐ Tổng Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ Tổng Công ty;
- Theo dõi, chỉ đạo việc tổ chức thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh hàng tháng, quý, năm 2021; Giám sát công tác Báo cáo tài chính hàng quý, 6 tháng, năm 2021; Giám sát công tác điều hành hàng ngày, công tác tổ chức thi công các công trình, dự án trọng điểm như: Đường dây 500kV mạch 3 Quảng Trạch - Dốc Sỏi (đoạn từ Quảng Bình đến Thừa Thiên Huế), Trạm biến áp 500kV Đức Hòa, Đz 220kV đấu nối Trạm biến áp Long thành, Đường dây 500kV Hải Dương- Phố Nối; Đường dây 220kV đấu nối và dịch vụ kỹ thuật kèm theo cho cụm Dự án điện gió Cà Mau 1...
- Giám sát, theo dõi công tác thu xếp nguồn vốn lưu động, vốn trung dài hạn với chi phí hợp lý, bảo đảm phục vụ kinh doanh, hoạt động đầu tư của Tổng Công ty; Theo dõi, chỉ đạo tập trung nguồn lực cung cấp thiết bị, thi công xây dựng, hoàn thành dự án Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong vào ngày 30/10/2021 và đã đưa Nhà máy vào vận hành thương mại;
- Theo dõi, chỉ đạo công tác tổ chức các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ Tổng Công ty và giám sát việc triển khai hoạt động các công ty con, công ty liên kết;
- Yêu cầu Tổng Giám đốc và Ban Điều hành thực hiện báo cáo tình hình hoạt động, kết quả kinh doanh tại các cuộc họp định kỳ hàng quý và theo yêu cầu của HĐQT. Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc trực tiếp chỉ đạo, điều hành việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, hoạt động hàng ngày của Tổng Công ty và các vấn đề phát sinh trong hoạt động kinh doanh trong năm 2021;
- Theo dõi, chỉ đạo, giám sát công tác triển khai đầu tư dự án Nhà máy Điện gió Thuận Nhiên Phong, mục tiêu hoàn thành đóng điện trong năm 2021;
- Giám sát về công tác quản trị, công tác tài chính, phương án sử dụng vốn, công tác kiểm toán và hoạt động đầu tư các dự án của Tổng Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật, Điều lệ, quy chế quản lý của Tổng Công ty trong điều hành hoạt động kinh doanh của Tổng Giám đốc.

Các kế hoạch, định hướng của HĐQT

Triển khai định hướng phát triển giai đoạn 2020 - 2025 của VNECO. Năm 2022, Tổng Công ty tiếp tục tập trung đẩy mạnh hoạt động trên một số lĩnh vực sau: Xây lắp đường dây, trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện; Xây lắp dự án nhà máy điện gió, điện mặt trời; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, công trình công nghiệp, dân dụng; Triển khai đầu tư một số dự án nhà máy năng lượng tái tạo; Đầu tư, khai thác các dự án bất động sản và triển khai hoạt động thương mại.

Hội đồng quản trị đã phê duyệt kế hoạch kinh doanh, thống nhất các chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch kinh doanh năm 2022. Trong năm 2022, Tổng Công ty tập trung thi công khối lượng các công trình chuyển tiếp từ năm 2021 và các công trình, dự án mới như: Đz 220kV Huội Quảng - Nghĩa Lộ (gói 5, gói 6), Đz 220kV Nậm Mô - Tương Dương (gói 2, gói 4), Đz 220kV Nậm Sum - Nông Cống, Cụm nhà máy điện gió Cà Mau 1, Đz 220kV Krông Buk - Nha Trang mạch 2 (gói 11, gói 12, gói 13.1), TBA 220kV Phước Thái, TBA 220kV Tam Phước, Đz 220kV Đấu nối TBA 500kV Long Thành, Đz 500kV Chơn Thành - Đức Hòa, Đz 500kV Vĩnh Tân - Vân Phong, Đz 500kV đấu nối TBA 500kV Thuận Nam vào Đz 500kV NĐ Vân Phong - NĐ Vĩnh Tân,.... để đạt được mục tiêu đóng điện theo yêu cầu của chủ đầu tư, nhằm tạo uy tín của VNECO trên thị trường và các dự án án năng lượng tái tạo khác khác...;

Hướng tới mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững cho Tổng Công ty và cả tổ hợp VNECO trong những năm tiếp theo, HĐQT và Ban điều hành tiếp tục xác định chiến lược của Tổng Công ty là lựa chọn để đầu tư một số dự án trọng điểm về nguồn năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, đẩy mạnh lĩnh vực xây lắp các công trình điện năng lượng tái tạo, dự án kinh doanh bất động sản; mở rộng hoạt động kinh doanh thương mại. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch tỷ trọng doanh thu, lợi nhuận trong cơ cấu kinh doanh, nhằm từng bước giảm phụ thuộc vào hoạt động xây lắp các công trình điện truyền thống.

Ngoài ra, nhằm tăng cường công tác quản trị của tổ hợp VNECO, năm 2022, Hội đồng quản trị tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy trình, quy chế quản lý theo hướng chuyên trách, nâng cao vai trò từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban điều hành của Tổng Công ty và thực hiện giám sát nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động tổ hợp VNECO, đảm bảo tối đa lợi ích cho cổ đông.



PHẦN VI

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị	80
Ban kiểm soát	85
Thủ lao HĐQT, BKS	89



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH, BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỲ 2020-2025

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	30/6/2020
2	Ông: Trần Quang Cần	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành Tổng Công ty	30/6/2020
3	Ông: Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/6/2020
4	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập, không điều hành	30/6/2020
5	Ông: Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty	30/6/2020

Ông Nguyễn Anh Tuấn - Chủ tịch HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 15/3/1975

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Kế toán Quốc tế
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 3.844.810 cp
phần - tỷ lệ 4,25% vốn điều lệ

2000 - 2005	Kiểm toán viên Công ty kiểm toán Việt Nam (nay là Công ty TNHH Deloitte Việt Nam)
2005 - 2018	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM Thành viên hãng Moore Quốc tế
2018 - 2019	Tổng giám đốc Công ty CP Điện gió Hồng Phong 1
2018 - đến nay	Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH Kiểm toán Krolze
30/6/2020 - nay	Chủ tịch HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam



Ông NGUYỄN ANH TUẤN
Chủ tịch HĐQT

Ông Trần Quang Cần - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Tổng Giám đốc (xem mục Ban điều hành)



Ông Nguyễn Tịnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025) kiêm Phó Tổng Giám đốc
(xem mục Ban điều hành)

Ông Đào Ngọc Quỳnh - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)

Năm sinh: 01/9/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Điện tử
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 0 cổ phần - tỷ lệ
0% vốn điều lệ

1989 - 1994	Cán bộ kỹ thuật Công xây dựng số 25 - Tổng công ty xây dựng sông Hồng
1999 - 2009	Giám đốc công ty dịch vụ XNK BRNO - Cộng hòa Séc
2010 - 2015	TV HĐQT kiêm Phó giám đốc Công ty CP Giải pháp công nghệ Kiểm tra Không phá hủy Dầu khí Việt Nam
2016 - 2018	TV HĐQT Công ty CP dịch vụ - Vận tải Dầu khí Cửu Long
2017 - nay	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP Tập đoàn Trí Tuệ Việt
30/6/2020 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam



Ông ĐÀO NGỌC QUỲNH
Thành viên HĐQT

Ông Phạm Phú Mai - Thành viên HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025)



Ông PHẠM PHÚ MAI
Thành viên HĐQT

Năm sinh: 20/2/1976

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị Kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 0 cổ phần - tỷ lệ
0% vốn điều lệ

1999 - 2020	Giám đốc điều hành Công ty Thương mại Đầu tư và Phát triển (TID)
30/6/2020 - nay	Thành viên HĐQT Tổng CTCP Xây dựng Điện Việt Nam

**Tiểu ban HĐQT - HĐQT sẽ xem xét thành lập các tiểu ban khi cần thiết

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT

Năm 2021, Hội đồng quản trị (HĐQT) Tổng Công ty đã tổ chức 10 cuộc họp. Trong đó 09 lần tổ chức họp và 01 lần lấy ý kiến Thành viên HĐQT, với thành phần tham gia như sau:

TT	Thành viên HĐQT	Ngày bắt đầu	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
Danh sách Thành viên HĐQT, nhiệm kỳ 2020-2025					
1	Ông: Nguyễn Anh Tuấn	30/6/2020	10/10	100%	
2	Ông: Trần Quang Cán	30/6/2020	10/10	100%	
3	Ông: Phạm Phú Mai	30/6/2020	10/10	100%	
4	Ông: Đào Ngọc Quỳnh	30/6/2020	10/10	100%	
5	Ông: Nguyễn Tịnh	30/6/2020	10/10	100%	

CÁC NGHỊ QUYẾT TRONG NĂM 2020 CỦA HĐQT

TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01 QĐ/VNECO -HĐQT	28/01/2021	Về việc thành lập Công ty TNHH MTV Xây dựng năng lượng VNECO	100%
2	02 QĐ/VNECO -HĐQT	28/01/2021	V/v Bổ nhiệm và cử người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	100%
3	03 QĐ/VNECO -HĐQT	28/01/2021	V/v Bổ nhiệm và Ủy quyền người đại diện quản lý phần vốn của VNECO tại Công ty TNHH Xây dựng Năng lượng VNECO	100%
4	04 QĐ/VNECO -HĐQT	28/01/2021	V/v Bổ nhiệm Giám đốc Cty TNHH Xây dựng Năng lượng VNECO	100%
5	06 QĐ/VNECO -HĐQT	05/02/2021	V/v Vay vốn phát hành L/C tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	100%
6	08 QĐ/VNECO -HĐQT	17/02/2021	V/v Cử người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu và bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Đầu tư VNECO	100%
7	09 QĐ/VNECO -HĐQT	17/02/2021	V/v Thay đổi Người đại diện pháp luật Công ty TNHH Đầu tư VNECO	100%
8	10 QĐ/VNECO -HĐQT	27/02/2021	V/v Bổ nhiệm người đứng đầu chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	100%



TT	Số nghị quyết	Ngày phát hành	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
9	13 QĐ/VNECO -HĐQT	01/04/2021	V/v Cử cán bộ đại diện phần vốn của VNECO tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 10	100%
10	14 QĐ/VNECO -HĐQT	01/04/2021	V/v Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	100%
11	15 QĐ/VNECO -HĐQT	01/04/2021	V/v Cử cán bộ đại diện phần vốn của VNECO tại Công ty CP Xây dựng điện VNECO2	100%
12	16 QĐ/VNECO -HĐQT	06/05/2021	Về ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông tham dự họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
13	17 QĐ/VNECO -HĐQT	11/05/2021	V/v Bổ nhiệm người đứng đầu Chi nhánh miền Bắc	100%
14	18 QĐ/VNECO -HĐQT	08/06/2021	V/v Thời gian họp ĐHĐCĐ và phê duyệt tài liệu để trình ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên năm 2021	100%
15	19 QĐ/VNECO -HĐQT	27/06/2021	V/v Bổ sung chương trình họp và cập nhật bổ sung tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021	100%
16	22 QĐ/VNECO -HĐQT	27/07/2021	Về việc phân công nhiệm vụ các Thành viên HĐQT	100%
17	23 QĐ/VNECO -HĐQT	09/12/2021	Về việc ban hành quy chế tìm kiếm việc làm và công tác giao khoán khối lượng công trình xây dựng	100%



HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Trong năm 2021, Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia các cuộc họp HĐQT là Ông Nguyễn Anh Tuấn (tham gia 10/10 cuộc họp); Ông Phạm Phú Mai (tham gia 10/10 cuộc họp); Ông Đào Ngọc Quỳnh (tham gia 10/10 cuộc họp).

DANH SÁCH THÀNH VIÊN HĐQT CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký công ty đã tham gia các khóa đào tạo về quản trị công ty theo quy định và đã tham gia khóa đào tạo về Quản trị rủi ro và kiểm soát nội bộ. Chủ tịch HĐQT đã nhận Chứng chỉ Kiểm toán viên quốc gia; Trưởng Ban kiểm soát là Kiểm toán viên, Kế toán cao cấp...

Thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban điều hành Tổng Công ty thường xuyên cập nhật các văn bản, quy định của pháp luật về quản trị công ty; tham gia các khóa tập huấn/hội thảo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh tổ chức và sẽ tiếp tục tham gia các khóa đào tạo do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức vào thời điểm phù hợp.

BAN KIỂM SOÁT CƠ CẤU THÀNH VIÊN VÀ SƠ YẾU LÝ LỊCH

TT	Thành viên Ban Kiểm soát	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày Miễn nhiệm
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025				
1	Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban kiểm soát	30/6/2020	
2	Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên ban kiểm soát	30/6/2020	
3	Ông: Lê Chí Dũng	Thành viên ban kiểm soát	30/6/2020	

Bà Nguyễn Thị Thanh Hà - Trưởng Ban Ban Kiểm soát



Bà NGUYỄN THỊ THANH HÀ

Năm sinh: 18/02/1970

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Kiểm toán viên cấp Nhà nước, chứng chỉ Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 0 cổ phần - tỷ lệ 0% vốn điều lệ

3/1992 - 4/1995	Trợ lý Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Việt Nam
5/1996 - 2/2001	Kiểm toán viên - Công ty Kiểm toán Deloitte Việt Nam
3/2005 - 12/2008	Kế toán cao cấp - Công ty Comvik International Việt Nam AB
01/2009 - 12/2014	Chuyên viên dịch vụ chuyển Vùng Quốc tế - Trung tâm điện thoại di động
01/2015 - 6/2017	Trưởng Đại diện Phụ trách Khu vực phía Nam - Hội Kiểm toán viên hành nghề Việt Nam (VACPA)
7/2017 đến nay	Trưởng Đại diện Việt Nam - Hiệp hội kế toán Quản trị Công chứng Anh Quốc CIMA-CGMA
30/06/2020 đến nay	Giám đốc Tài chính - Công ty Di lịch Malblue
	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh - Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 25/11/1983

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 20 cổ phần

10/2005 - 6/2006	Chuyên viên phân tích tài chính Công ty CP chứng khoán TP HCM
7/2006 - 2/2007	Kế toán quản trị Công ty CP Sữa Việt Nam (Vinamilk)
3/2007 - 4/2008	Chuyên viên tư vấn khối Tài chính DN và Bảo lãnh phát hành tại Công ty CPK Việt Quốc
4/2008 - 5/2010	Chuyên viên tư vấn Tài chính DN Công ty CP chứng khoán Nhất Việt (VFS)
8/2010 - 2/2017	Phó Giám đốc tư vấn Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu Khí
5/2017 - 2/2018	Trưởng phòng tư vấn Công ty CP Chứng khoán Dầu khí
3/2018 đến nay	Giám đốc tư vấn Công ty TNHH Kiểm toán Kroze
30/6/2020 đến nay	Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.



Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng - Thành viên Ban Kiểm soát



Ông LÊ CHÍ DŨNG

Thành viên Ban kiểm soát

Ông Lê Chí Dũng

năm sinh: 04/08/1968

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài Chính - Kế Toán

Số cổ phần nắm giữ tại 31/12/2021: 21.450 cổ phần - tỷ lệ 0,02% vốn điều lệ

1992 - 1996	Cán bộ phòng Tài Chính Kế Toán - Công ty Xây lắp điện 3
1996 - 1999	Kế toán trưởng Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2000 - 2001	Phó giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2002 - 2004	Giám đốc Khách sạn Hoa Sứ - Công ty Xây lắp điện 3
2004 - 2007	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Xanh Đà Nẵng - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2007 - 2008	Phó Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO 11 - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2008 - 2009	Phó Giám đốc Khách sạn Green Plaza - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
2009 - 2015	Phó phòng Tài chính - Kế toán - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam
06/2015 đến 30/6/2020	Trưởng Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam.
30/6/2020 đến 12/2021	Miễn nhiệm Trưởng Ban Kiểm soát, bổ nhiệm Thành viên Ban Kiểm Soát - Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam;
31/12/2021 đến nay	Nghỉ việc tại Tổng Công ty Cổ phần xây dựng điện Việt Nam; Thành viên Ban kiểm soát - Tổng công ty CP xây dựng điện VN

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông:

- Hoạt động trên nguyên tắc tập thể, độc lập và khách quan. Các thành viên Ban Kiểm soát chịu trách nhiệm của mình trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các hoạt động và các kết luận của mình đối với sự phát triển của Tổng Công ty.

- Với mục tiêu hoạt động là bảo vệ lợi ích của Cổ đông, của Tổng Công ty, đảm bảo Tổng Công ty hướng tới cho sự phát triển bền vững, đảm bảo sự đoàn kết nội bộ giữa các Cổ đông, cân bằng lợi ích giữa các bộ phận trong Tổng Công ty.

- Ban Kiểm soát đã xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Ban Điều hành trong việc quản lý và điều hành hoạt động của Tổng Công ty chủ yếu tập trung vào các nội dung sau:

+ Nắm vững các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết Hội đồng quản trị, quy chế hoạt động của Hội đồng Quản trị để chủ động phối hợp với Hội đồng Quản trị trong việc đề xuất các chính sách tài chính, kiểm soát trước khi ký các hợp đồng kinh tế, dân sự thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

+ Kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ;

+ Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo, quy chế quản trị nội bộ khác của công ty;

+ Giám sát kiểm tra tính hợp pháp, tính trung thực trong công tác tài chính kế toán.

+ Giám sát thực hiện dự án đầu tư lớn; các hợp đồng, giao dịch mua, bán; các hợp đồng, giao dịch kinh doanh khác có quy mô lớn; hợp đồng, giao dịch kinh doanh bất thường của công ty;

+ Thẩm tra báo cáo tài chính năm 2020; các quý năm 2021; năm 2021 và các báo cáo hoạt động của cuộc họp thường niên năm 2021 của ĐHĐCĐ;

+ Đánh giá hiệu quả quản lý, hoạt động của HĐQT, Ban Điều hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty thông qua Báo cáo Tài chính và báo cáo định kỳ của HĐQT, Ban Điều hành.

+ Giám sát hoạt động công bố thông tin của Tổng Công ty;

Thông qua hoạt động giám sát, BKS nhận thấy trong công tác quản lý điều hành Tổng Công ty, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã chấp hành nghiêm túc các quy định của Pháp luật, bám sát Điều lệ của Tổng Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết HĐQT; Xây dựng và thực hiện chiến lược kinh doanh hướng tới sự phát triển lâu dài và bền vững, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp cao nhất của Tổng Công ty và cổ đông;



Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý khác:

- Ban kiểm soát phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý khác trong công tác kiểm tra giám sát; nhưng vẫn duy trì được sự độc lập của mình trong việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao.
- Tất cả các cuộc họp HĐQT Tổng Công ty, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia đầy đủ và tại cuộc họp, Ban Kiểm soát có điều kiện trao đổi, đóng góp ý kiến trong việc xây dựng các chiến lược kinh doanh, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong công tác quản lý, điều hành hoạt động.
- Ban Kiểm soát cũng đã tham gia một số buổi họp giao ban tuần và các cuộc họp điều độ hoạt động SXKD của Công ty mẹ và tổ hợp VNECO. Ban Kiểm soát đã có điều kiện để tham gia các ý kiến trên phương diện quản lý, với mục đích các hoạt động kinh doanh Tổng Công ty luôn phù hợp quy định của pháp luật và tôn trọng lợi ích cổ đông, thông qua việc điều hành từ Ban điều hành đến các phòng, ban nghiệp vụ Tổng Công ty.
- HĐQT, Ban Điều hành đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của Ban Kiểm soát và sẵn sàng cung cấp các thông tin theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đảm bảo quy trình quản trị Tổng Công ty và minh bạch trong hoạt động kinh doanh.

Hoạt động khác của Ban Kiểm soát.

Trong năm 2021, thành viên Ban Kiểm soát tham gia hoạt động kiểm toán nội bộ của Tổng Công ty, thông qua đó để giám sát hoạt động tại một số công trình và dự án trọng điểm nhằm xem xét, đánh giá hoạt động của các dự án dựa trên hồ sơ hoạt động kinh doanh dự án; Đánh giá tính hiệu quả của dự án; Đánh giá việc sử dụng nguồn vốn tự có hay nguồn vốn vay trong thời hạn ngắn, trung và dài hạn. Qua đó, tham gia đóng góp ý kiến cho việc triển khai các dự án hiện tại, cũng như xây dựng đóng góp ý kiến cho hoạt động tương lai của Tổng Công ty.

Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự
Danh sách Thành viên Ban kiểm soát, nhiệm kỳ 2020-2025				
1 Bà: Nguyễn Thị Thanh Hà	2/2	100%	100%	
2 Bà: Nguyễn Thị Hoàng Oanh	2/2	100%	100%	
3 Ông: Lê Chí Dũng	2/2	100%	100%	

GIAO DỊCH, THÙ LAO HĐQT, BĐH, BKS

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

TT	Bên liên quan	Mối quan hệ	Thù lao	Lương, thưởng	Tổng cộng
Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2020-2025					
1	Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Thành viên HĐQT độc lập không điều hành)	600.000.000	52.500.000	652.500.000
2	Ông Trần Quang Cấn	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Tổng Giám đốc điều hành	84.000.000		84.000.000
3	Ông Phạm Phú Mai	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	84.000.000	32.500.000	116.500.000
4	Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên HĐQT độc lập không điều hành	84.000.000	32.500.000	116.500.000
5	Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên HĐQT không độc lập, kiêm Phó Tổng Giám đốc	84.000.000		84.000.000
Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2020-2025)					
1	Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban Kiểm soát	-	336.000.000	336.000.000
2	Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	48.000.000	27.500.000	75.500.000
3	Ông Lê Chí Dũng	Thành viên BKS	48.000.000	5.500.000	53.500.000
Ban điều hành					
1	Ông Trần Quang Cấn	Tổng Giám đốc	-	712.459.944	712.459.944
2	Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc	-	547.454.949	547.454.949
3	Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	533.300.230	533.300.230
4	Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc	-	529.435.407	529.435.407
5	Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	-	538.692.021	538.692.021
6	Ông Phạm Đỗ Minh Triết	Kế toán trưởng	-	437.306.585	437.306.585
TỔNG CỘNG			1.032.000.000	3.785.149.136	4.817.149.136



GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ đối với cổ phiếu của Tổng Công ty trong năm 2021

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm	
			Số CP	Tỷ lệ (%)	Số CP	Tỷ lệ (%)		
1	Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc; Thành viên HĐQT	300.000	0,332	4.300.000	5,25		Mua CP VNE
2	Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc	188.670	0,209	198.670	0,22		Mua CP VNE
3	Công ty CP MALBLUE	Ông: Nguyễn Anh Tuấn- Chủ tịch HĐQT VNE là Chủ tịch HĐQT Công ty MALBLUE	0	0	4.073.400	4,50		Mua CP VNE
4	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên BKS	1.876.662	2,075	20			Bán CP VNE

Ngày 11/03/2022, Công ty Cổ phần MALBLUE đã có báo cáo kết quả giao dịch mua thêm 1.000.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu sở hữu lên 5.073.400 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 5,61% vốn điều lệ của Tổng Công ty;

Ngày 31/03/2022, Ông Trần Quang Cần (Tổng Giám đốc; thành viên HĐQT Tổng Công ty) đã có báo cáo kết quả giao dịch mua thêm 2.800.000 cổ phiếu, nâng số lượng cổ phiếu sở hữu lên 7.100.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 7,85% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

- Năm 2021, Tổng Công ty không có phát sinh giao dịch liên quan đến các thành viên chủ chốt (Chủ tịch HĐQT, TV HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kế toán trưởng) và người có liên quan. Tuy nhiên, phát sinh các giao dịch trong tổ chức thi công xây dựng các công trình điện với các công ty con, công ty liên kết, cụ thể:

Phụ lục 1;

- Đối với các giao dịch giữa Tổng Công ty với công ty con, công ty liên kết trong Tổ hợp VNECO chủ yếu về hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả Tổ hợp VNECO và đây là những phát sinh thường xuyên thực hiện theo Nghị quyết số 26/NQ-HĐQT-VNECO ngày 31/7/2017 của HĐQT về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty con, Công ty liên kết trong tổ hợp VNECO, tuân thủ quy định tại Điều lệ Tổng Công ty và Quy định của Luật doanh nghiệp.

- Giao dịch giữa người nội bộ công ty niêm yết, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty niêm yết nắm quyền kiểm soát: không có.

- Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác:

+ Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo): Phụ lục 2;

+ Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có;

+ Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành: không có.

Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Tổng Công ty cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam luôn tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật và Quy chế nội bộ công ty



Phụ lục 1: Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của ĐHĐCĐ, HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2021	Ghi chú
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	Công ty con	2703000200 NC: 20-11-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đố, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.643.784.667 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 6.764.352.228 đồng	Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong tổ hợp Vneco chủ yếu là các hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của Vneco. Số liệu được thể hiện rõ và chi tiết trên Báo cáo tài chính
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	Công ty con	2703000185 NC: 31-10-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	197, Nguyễn Trường Tộ, Tp Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.630.558.365 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 15.729.481.127 đồng	
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	Công ty con	4003000031 NC: 19-11-2003 Sở KH và ĐT Đắk Lắk	10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020	Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-HĐQT ngày 31-7-2017 về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với C.ty con, C.ty liên kết trong tổ hợp VNECO và quy định của Điều lệ Tổng Công ty		
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	Công ty con	2903000041 NC: 01-08-2005 Sở KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đồng Hới, QB	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 1.602.592.280 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 38.828.491.860 đồng	
5	Công ty TNHH MTV VNECO miền Trung	Công ty con	0401801575 NC: 24-11-2016 Sở Kế hoạch và Đầu tư TP ĐN	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hai Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 9.660.449.221 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 12.558.303.000 đồng	
6	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong1	Công ty con	3401132231 NC: 05-08-2016 Sở KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 839.027.394.265 đồng	
7	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO-Hòa Thắng	Công ty con	3401157324 NC: 01-11-2017 Sở K.hoạch & Đầu tư Bình Thuận	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 3.112.000 đồng	

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với Công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/QĐ của HĐQT, HĐQT thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch năm 2021	Ghi chú
8	Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con	0402056588 NC: 04-08-2020 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hai Châu, TP Đà Nẵng	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020			Các giao dịch giữa TCty với Cty con và Cty liên kết trong tổ hợp Vneco chủ yếu là các hoạt động xây dựng các công trình hệ thống lưới điện là ngành nghề chính của cả tổ hợp VNECO. Số liệu được thể hiện rõ và chi tiết trên Báo cáo tài chính
9	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con	0108780468 NC: 16-10-2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	132 Cao Đức Lâm, Phường An Phú, Quận 4, TP Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020	Nghị quyết số 26 NQ/VNECO-HĐQT ngày 31-7-2017 về việc thông qua chủ trương thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Tổng Công ty với C.ty con, C.ty liên kết trong tổ hợp VNECO và quy định của Điều lệ Tổng Công ty	- Các khoản phải thu trong kỳ: 82.200.000 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 108.966.714.204 đồng	
10	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con	0313288925 NC 30/3/2021 Sở Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021		- Các khoản phải thu trong kỳ: 471.678.916 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 73.050.855.742 đồng	
11	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con	0402082482 NC 04/02/2021 Sở K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hai Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021		- Các khoản phải thu trong kỳ: 475.352.500 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 19.537.634.189 đồng	
12	Công ty cổ phần XD điện VNECO 2	Công ty liên kết	2703000465 NC: 31-12-2004 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	Số 13, Đường Mai Hắc Đế, P Quán Bàu, Tp. Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020		- Các khoản phải thu trong kỳ: 2.020.958.904 đồng - Các khoản phải trả trong kỳ: 14.756.009.762 đồng	
13	Công ty cổ phần XD điện VNECO 10	Công ty liên kết	3503000050 NC: 16-01-2008 Sở KH&ĐT Bình Định	Phường Trần Quang Diệu, TP Quy Nhơn, Bình Định	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020			

Phụ lục 2: Giao dịch giữa công ty với đối tượng khác (Giao dịch giữa Tổng Công ty với Công ty mà thành viên HĐQT, Giám đốc điều hành đã và đang là thành viên HĐQT)

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với TCTy	Số giấy NSH	Địa chỉ	Giao dịch với công ty từ năm 2018 đến nay	Ghi chú
1	Công ty cổ phần XD điện VNECO 3	- Công ty con; - Ông: Phạm Hưu Minh Huy, Phó TGD Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty. (Đền ngày 01/4/2021) - Ông Võ Thành Lương, Trưởng phòng PTTT Tổng Cty (Từ ngày 01/4/2021)	2703000200 NC: 20-11-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	P. Trung Đô, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2019 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021	
2	Công ty cổ phần XD điện VNECO 4	- Công ty con; - Ông: Trần Văn Huy, Phó TGD Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	2703000185 NC: 31-10-2003 Sở Kế hoạch và Đầu tư Nghệ An	Số 197, Nguyễn Trường Tộ, TP Vinh, Nghệ An	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2019 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021	
3	Công ty cổ phần XD điện VNECO 8	- Công ty con; - Ông: Lê Văn Khôi, Phó TGD Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	4003000031 NC: 19-11-2003 Sở KH và ĐT Đắk Lắk	Số 10 Đào Duy Từ, TP Buôn Mê Thuột, Đắk Lắk	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2018 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021	
4	Công ty cổ phần XD điện VNECO 12	- Công ty con; - Ông: Nguyễn Tịnh, Phó TGD Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	2903000041 NC: 01-08-2005 Sở KH&ĐT Quảng Bình	Tiểu khu 7, Bắc Lý, Đông Hới, QB	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2018 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021	
5	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong	- Công ty con; - Ông: Trần Quang Cấn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQTV C.ty.	3401132231 NC: 05-08-2016 Sở KH&ĐT Bình Thuận	Thôn Hồng Chinh, xã Hòa Thắng, Bắc Bình, Bình Thuận	Giao dịch liên quan HĐ xây dựng các công trình điện, từ năm 2018 đến nay được phản ánh trong BCTC năm 2018, 2019, 2020 và năm 2021	
6	Công ty CP Năng lượng VNECO	- Công ty con; - Ông: Trần Quang Cấn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty là Chủ tịch HĐQT C.ty.	0402056588 NC: 04-08-2020 Sở K. hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hai Châu, TP ĐN		



Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ với TCty	Số giấy NSH	Địa chỉ	Giao dịch với công ty từ năm 2018 đến nay	Ghi chú
7	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	- Công ty con: - Ông: Đào Ngọc Quỳnh, Thành viên HĐQT Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên C.ty.	0108780468 NC: 16-10-2020 Số Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	132 Cao Đức Lâm, Phường An Phú, Quận 2, TP Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2020 và năm 2021	
8	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	- Công ty con: - Ông: Trần Quang Căn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty là Chủ tịch Hội đồng thành viên C.ty.	0402082482 NC 04/02/2021 Số K.hoạch & Đầu tư Đà Nẵng	344 Phan Châu Trinh, Bình Thuận, Hai Châu, TP ĐN	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021	
9	Công ty Cổ phần VNECO - RME	- Công ty con: - Ông: Trần Quang Căn, Tổng Giám đốc Tổng Công ty là Thành viên HĐQT	0313288925 NC 30/3/2021 Số Kế hoạch và Đầu tư Hồ Chí Minh	99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, Tp. Hồ Chí Minh	Giao dịch liên quan Hợp đồng xây dựng năm 2021	



Vấn đề khác

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phần và các bị cáo khác phạm tội “Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, “Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng”, do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện nay, Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.



PHẦN VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ
CÁC CÔNG TY CON**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 – 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 – 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	8
Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	9 – 57

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng Điện Việt Nam (dưới đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã được kiểm toán của Tổng Công ty và các công ty con (dưới đây cùng với Tổng Công ty gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch
Ông Trần Quang Cần	Thành viên
Ông Phạm Phú Mai	Thành viên
Ông Đào Ngọc Quỳnh	Thành viên
Ông Nguyễn Tịnh	Thành viên

Ban kiểm soát

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Thành viên
Ông Lê Chí Dũng	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Quang Cần	Tổng Giám đốc
Ông Trần Văn Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Hữu Minh Huy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Khôi	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Tổng Công ty là Ông Nguyễn Anh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ông Trần Quang Cần – Tổng Giám đốc.

TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM (Trụ sở chính: Số 142 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Điện thoại: (84) 0236.363.3333; Fax: (84) 0236.363.3338; Website: www.ecovis.com/vietnam/audit)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc



Trần Quang Cần
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Số: 244/2022/BCKTHN-E.AFA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các Công ty con (cùng với Tổng Công ty sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 03 năm 2022, từ trang 5 đến trang 57, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu đo gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh 10 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, trong đó mô tả vấn đề liên quan đến kết quả của bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh. Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm. Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty. Ý kiến của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi vấn đề này.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và các Công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất này tại Báo cáo kiểm toán số A0720060-HN/AISDN-DN ngày 30/03/2021.



Phạm Quang Trung
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1334-2021-240-1

Nguyễn Hà Định
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 2883-2021-240-1

Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA VIỆT NAM
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Như đã trình bày tại Mục 2.1 của Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.563.671.556.127	1.177.932.804.717
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	74.071.136.437	121.800.767.374
1. Tiền	111		71.743.252.492	115.229.156.512
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.327.883.945	6.571.610.862
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		51.530.162.090	11.692.884.339
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4.2	3.011.852	3.011.852
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	4.2	(633.952)	(2.530.252)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4.3	51.527.784.190	11.692.402.739
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.110.453.740.983	816.503.637.963
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.4	780.433.770.819	555.248.233.504
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	4.5	252.466.101.534	169.439.406.927
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	4.6	12.971.360.262	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	4.7	125.014.376.171	258.531.764.516
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.8	(60.431.867.803)	(166.715.766.984)
IV. Hàng tồn kho	140	4.9	164.073.182.231	170.790.506.450
1. Hàng tồn kho	141		164.147.618.133	170.866.029.455
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(74.435.902)	(75.523.005)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		163.543.334.386	57.145.008.591
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.10	632.574.374	497.374.636
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		162.910.620.288	52.727.346.217
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	4.19	139.724	3.920.287.738
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.919.645.448.156	915.041.068.536
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		92.017.616.995	6.997.500.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	4.4	-	372.167.609
2. Phải thu dài hạn khác	216	4.7	92.017.616.995	6.997.500.000
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	4.8	-	(372.167.609)
II. Tài sản cố định	220		321.812.141.788	100.261.370.257
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.11	289.160.745.997	67.198.316.510
Nguyên giá	222		431.086.676.327	179.403.139.614
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(141.925.930.330)	(112.204.823.104)
2. Tài sản cố định vô hình	227	4.12	32.651.395.791	33.063.053.747
Nguyên giá	228		36.524.143.848	36.524.143.848
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.872.748.057)	(3.461.090.101)
III. Bất động sản đầu tư	230	4.13	225.876.124.834	222.390.124.834
Nguyên giá	231		225.876.124.834	222.390.124.834
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.182.578.866.455	543.891.211.180
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	4.14	78.426.736.782	83.797.928.126
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	4.15	1.104.152.129.673	460.093.283.054
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		78.772.198.513	37.099.709.421
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	4.16	7.896.949.058	6.507.584.956
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	4.16	33.204.010.541	33.204.010.541
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	4.16	(3.284.761.086)	(6.341.886.076)
4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	4.3	40.956.000.000	3.730.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18.588.499.571	4.401.152.844
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	6.894.596.686	3.063.346.868
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	4.23	11.693.902.885	1.337.805.976
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		3.483.317.004.283	2.092.973.873.253

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số B 01 - DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		2.459.529.270.768	1.099.025.687.694
I. Nợ ngắn hạn	310		2.187.576.800.539	1.089.938.894.505
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	4.17	541.019.061.675	318.757.458.813
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	4.18	242.746.239.277	78.527.187.735
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.19	12.079.621.238	4.100.386.262
4. Phải trả người lao động	314		20.894.566.857	21.161.209.703
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	4.20	127.468.380.435	207.040.713.289
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	4.21	563.967.537.708	74.388.575.076
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	4.24	675.128.113.402	379.190.552.782
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	4.22	1.724.571.752	4.307.569.012
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.548.708.195	2.465.241.833
II. Nợ dài hạn	330		271.952.470.229	9.086.793.189
1. Phải trả người bán dài hạn	331	4.17	219.083.970.487	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	4.18	8.742.072.242	-
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	4.24	43.114.888.853	8.558.816.314
4. Dự phòng phải trả dài hạn	342	4.22	1.011.538.647	527.976.875
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.023.787.733.515	993.948.185.559
I. Vốn chủ sở hữu	410	4.25	1.023.787.733.515	993.948.185.559
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		904.329.530.000	904.329.530.000
Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.527.289.930	2.527.289.930
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		7.095.055.143	7.095.055.143
4. Cổ phiếu quỹ	415		(88.867.037.290)	(88.867.037.290)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		16.763.832.141	16.763.832.141
6. Quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu	420		158.221.575	150.879.078
7. Lợi nhuận chưa phân phối	421		130.710.198.885	123.623.132.791
LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		122.761.528.754	112.074.029.455
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7.948.670.130	11.549.103.336
8. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		51.070.643.132	28.325.503.766
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		3.483.317.004.283	2.092.973.873.253



Trần Quang Cần
 Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
 Kế toán trưởng

Võ Quang
 Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 02 – DN/HN(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.1	1.999.012.660.191	1.299.667.447.013
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.999.012.660.191	1.299.667.447.013
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	1.904.014.782.082	1.212.061.809.197
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		94.997.878.109	87.605.637.816
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	5.112.552.945	1.393.090.398
7. Chi phí tài chính	22	5.4	34.137.646.437	23.821.861.027
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>37.194.948.302</i>	<i>14.407.587.015</i>
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết	24	4.16	1.882.286.446	444.742.055
9. Chi phí bán hàng	25	5.5	639.405.095	1.492.184.164
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.6	54.639.367.120	52.442.899.814
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.576.298.848	11.686.525.264
12. Thu nhập khác	31	5.7	992.009.176	1.036.093.137
13. Chi phí khác	32	5.8	1.230.486.517	658.230.990
14. Lợi nhuận khác	40		(238.477.341)	377.862.147
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		12.337.821.507	12.064.387.411
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.10	13.215.028.013	1.759.779.399
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(10.356.096.909)	(4.142.234.463)
18. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.478.890.403	14.446.842.475
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		7.948.670.130	11.549.103.336
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.530.220.273	2.897.739.139
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	4.25.5	97	131
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	4.25.6	97	131



Trần Quang Cần
Tổng Giám đốc
 Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		12.337.821.507	12.064.387.411
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		30.132.765.182	11.583.699.138
Các khoản dự phòng	03		(111.815.610.671)	5.788.730.198
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	04		(1.465.673.962)	160.262
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.036.243.085)	5.789.480.124
Chi phí lãi vay	06		37.194.948.302	14.407.587.015
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(38.651.992.727)	49.634.044.148
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(368.220.826.863)	(295.095.766.872)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		12.089.602.666	(23.794.166.684)
Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		729.197.237.688	381.156.596.703
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(3.966.449.556)	509.376.145
Tiền lãi vay đã trả	14		(36.721.759.596)	(14.117.913.289)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(1.976.952.964)	(1.883.328.815)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(806.732.993)	(1.889.645.240)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		290.942.125.655	94.519.196.096
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(603.572.679.117)	(274.169.726.791)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(130.892.644.452)	(65.125.231.281)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		40.859.902.739	54.132.828.542
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		2.717.858.952	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.372.658.787	1.330.343.785
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(688.514.903.091)	(283.831.785.745)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ PH cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		19.350.000.000	-
2. Tiền thu từ đi vay	33	6.1	1.506.261.687.521	823.471.855.872
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	6.2	(1.175.768.054.362)	(556.498.747.960)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(186.159.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		349.843.633.159	266.786.948.712
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM (50 = 20+30+40)	50		(47.729.144.277)	77.474.359.063
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		121.800.767.374	44.326.568.573
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(486.660)	(160.262)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70		74.071.136.437	121.800.767.374



Trần Quang Cần
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập theo Quyết định số 3309/QĐ-BCN ngày 11/10/2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về việc phê duyệt phương án và chuyển đổi Công ty Xây lắp điện 3 thành Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam. Tổng Công ty được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101450 ngày 01 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp và các Giấy phép thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 02 tháng 07 năm 2020.

Tổng Công ty đã được chấp thuận giao dịch cổ phiếu niêm yết trên thị trường tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 86/QĐ-TTGDCK ngày 01 tháng 08 năm 2007 của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán VNE. Ngày giao dịch đầu tiên của mã chứng khoán VNE là ngày 09 tháng 08 năm 2007.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 904.329.530.000 VND.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty được đặt tại 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

Tổng Công ty có đầu tư vào 11 công ty con như được trình bày tại mục 1.5 dưới đây (cùng với Tổng Công ty dưới đây gọi chung là Tổng Công ty).

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2021 gồm:

STT	Tên	Địa chỉ
1.	Khách sạn Xanh Đà Nẵng	Số 64 Hoàng Văn Thái, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng
2.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN Thành phố Hồ Chí Minh	Số 337/30 Tân Kỳ Tân Quý, P. Tân Quý, Q. Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
3.	Tổng Công ty CP Xây dựng điện Việt Nam - CN miền Bắc	Số 10A15 Đàm Trầu, P. Bạch Đằng, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 149 (31 tháng 12 năm 2020 là: 168).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Xây lắp các công trình hệ thống lưới điện và trạm biến áp điện đến 500kV, các công trình nguồn điện, công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông thuỷ lợi, văn hoá, thể thao, sân bay, bến cảng;
- Thiết kế, chế tạo kết cấu thép, các sản phẩm cơ khí và mạ kẽm;
- Sản xuất các chủng loại vật tư, thiết bị, phụ kiện điện, cột điện bê tông ly tâm và các sản phẩm bê tông khác; sản xuất, kinh doanh các chủng loại vật liệu xây dựng; kinh doanh các mặt hàng trang trí nội ngoại thất, kinh doanh bất động sản, dịch vụ nhà đất; kinh doanh xăng dầu;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Thí nghiệm, hiệu chỉnh xác định chỉ tiêu kỹ thuật các thiết bị điện, các công trình điện;

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

- Tư vấn đầu tư, tư vấn xây dựng, bao gồm lập và thẩm định các dự án đầu tư; khảo sát đo đạc, thiết kế quy hoạch, thiết kế công trình; tư vấn quản lý dự án; tư vấn đấu thầu và hợp đồng kinh tế; tư vấn mua sắm vật tư, thiết bị, công nghệ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu: vật tư thiết bị điện, vật liệu xây dựng, thiết bị phương tiện vận tải, xe máy thi công; dây chuyền công nghệ và thiết bị công nghiệp khác;
- Đào tạo công nhân kỹ thuật, chuyên gia, cán bộ quản lý phục vụ cho nhu cầu phát triển của doanh nghiệp;
- Đầu tư nhà máy điện độc lập;
- Kinh doanh phát triển nhà và hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế mới, khu du lịch sinh thái;
- Đầu tư tài chính;
- Khai thác, chế biến, kinh doanh khoáng sản;
- Kinh doanh khách sạn, nhà hàng và các dịch vụ du lịch, thể thao, vui chơi giải trí; Kinh doanh lưu hành nội địa và quốc tế;
- Kinh doanh vận tải hàng hoá, kinh doanh vận tải khách (đường thủy, đường bộ) theo hợp đồng;
- Kinh doanh sửa chữa xe máy thi công và phương tiện vận tải;
- Kinh doanh lắp đặt thiết bị điện, điện tử, viễn thông, điện gia dụng;
- Kinh doanh thiết bị văn phòng, thiết bị vệ sinh;
- Kinh doanh bánh kẹo, rượu, bia, thuốc lá điều sản xuất trong nước; hóa mỹ phẩm; kinh doanh các mặt hàng nông, lâm sản, thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ, sản phẩm bằng gỗ; kinh doanh đồ dùng cá nhân, gia đình;
- Cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5. Các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con trực tiếp:

STT	Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích
Công ty con:					
1.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Khối 3, P. Trung Đô, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	52,93%	52,93%	52,93%
2.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Số 197 Nguyễn Trường Tộ, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	54,73%	54,73%	54,73%
3.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Số 10 Đào Duy Từ, TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk	55,93%	55,93%	55,93%
4.	Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Số 155 Lý Thường Kiệt, TP. Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	65,73%	65,73%	65,73%
5.	Công ty TNHH Điện gió Thuận Nhiên Phong 1	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
6.	Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	Thôn Hồng Chính, xã Hòa Thắng, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận	100,00%	100,00%	100,00%
7.	Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
8.	Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Số 132 Cao Đức Lân, P. An Phú, Quận 2, TP. Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	100,00%
9.	Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	100,00%	100,00%	100,00%
10.	Công ty Cổ phần VNECO - RME	Số 99 Lê Quốc Hưng, Phường 12, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh	51,00%	41,38%	51,00%
11.	Công ty Cổ phần năng lượng VNECO	Số 125 Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	51,00%	51,00%	51,00%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**1.6. Các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

STT Tên	Địa chỉ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ lợi ích
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Số 13 Mai Hắc Đế, TP. Vinh, tỉnh Nghệ An	32,37%	32,37%
2.. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Phường Trần Quang Diệu, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	30,05%	30,05%

1.7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**2.1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VND") theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Hình thức sổ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

2.3. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là VND.

2.5. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất là báo cáo tài chính của Tổng Công ty mà trong đó tài sản, nợ, nguồn vốn, doanh thu, chi phí và dòng tiền của công ty mẹ và các công ty con được trình bày như một doanh nghiệp độc lập không tính đến ranh giới pháp lý của các công ty riêng biệt. Các báo cáo tài chính của các công ty con đã được lập cho cùng năm tài chính với công ty mẹ theo các chính sách kế toán thống nhất với các chính sách kế toán của công ty mẹ. Các bút toán điều chỉnh đã được thực hiện đối với bất kỳ chính sách kế toán nào có điểm khác biệt nhằm đảm bảo tính thống nhất giữa các công ty con và công ty mẹ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua là ngày Tổng Công ty thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con, trừ trường hợp quyền kiểm soát của Tổng Công ty chỉ là tạm thời khi công ty con chỉ được mua và nắm giữ cho mục đích bán lại trong thời gian không quá 12 tháng.

Phương pháp ghi nhận lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong thu nhập thuần và tài sản thuần của công ty con được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và bảng cân đối kế toán hợp nhất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Phương pháp kế toán ghi nhận lãi, lỗ khi có sự thay đổi tỷ lệ sở hữu tại công ty con

Các thay đổi về tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty trong công ty con không đưa đến việc mất kiểm soát của Tổng Công ty được hạch toán là giao dịch về vốn. Giá trị ghi sổ của Tổng Công ty và lợi ích của cổ đông không kiểm soát được điều chỉnh để phản ánh sự thay đổi về tỷ lệ sở hữu tương ứng trong công ty con đó. Chênh lệch do điều chỉnh lợi ích của cổ đông không kiểm soát và giá trị hợp lý của khoản thanh toán được ghi nhận trực tiếp vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ngay khi mất quyền kiểm soát công ty con, lãi lỗ của Tổng Công ty được xác định là chênh lệch giữa số thu từ việc thoái vốn với giá trị tài sản thuần chuyển nhượng tại thời điểm mất quyền kiểm soát cộng với giá trị lợi thế thương mại chưa phân bổ hết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Phương pháp loại trừ giao dịch nội bộ

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ hoàn toàn khi hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ trên báo cáo tài chính hợp nhất, trừ trường hợp chi phí gây ra khoản lỗ đó không thể thu hồi.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU ĐƯỢC ÁP DỤNG

3.1. Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh hợp nhất trong năm.

3.2. Các ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3.4. Đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời) tại thời điểm báo cáo.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh bao gồm giá mua và các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

ngân hàng. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản như các khoản tiền gửi có kỳ hạn, trái phiếu, và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hay toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được thì số tổn thất đó được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng các khoản cho vay khó đòi. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào Công ty liên kết

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư vào công ty liên kết khi Tổng Công ty nắm giữ trực tiếp hoặc gián tiếp từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của bên nhận đầu tư mà không có thỏa thuận khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư vào công ty liên kết ban đầu được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh. Sau đó, giá trị của khoản đầu tư được điều chỉnh tăng giảm tương ứng với phần sở hữu của Tổng Công ty trong lãi lỗ của công ty liên kết sau ngày mua.

Các khoản phân phối từ công ty liên kết sau ngày mua được ghi giảm giá trị của khoản đầu tư.

Đầu tư khác

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư khác

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5. Nợ phải thu

Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn với mức trích lập phù hợp với các quy định hiện hành. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua đo hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

3.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Năm 2021</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 33 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 15 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 – 10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 15 năm

3.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Bảng sáng chế và thương hiệu

Bảng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.9. Thuê tài sản

Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản.

3.10. Cho thuê tài sản

Cho thuê hoạt động

Tài sản cho thuê hoạt động được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo cách phân loại tài sản của Tổng Công ty.

Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí trong kỳ khi phát sinh/phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê theo thời hạn của hợp đồng thuê. Doanh thu cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán.

Khấu hao tài sản cho thuê hoạt động được thực hiện trên cơ sở nhất quán với chính sách khấu hao của bên cho thuê áp dụng đối với những tài sản tương tự.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư

Nguyên giá bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hình thành bất động sản đầu tư đó. Nguyên giá của bất động sản đầu tư bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trực tiếp ban đầu.

Phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

3.12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan được hạch toán phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc trích khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

3.13. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ và chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất:

- Công cụ dụng cụ đã xuất dùng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 3 năm;
- Các chi phí sửa chữa, chi phí bảo hiểm,... được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra;

3.14. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tệ và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

3.15. Chi phí đi vay

Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

3.16. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo gồm: khoản trích bổ sung chi phí lãi vay phải trả Ngân hàng được xác định theo số nợ gốc còn lại cho số ngày chưa tính lãi căn cứ vào lãi suất được quy định trên Hợp đồng tín dụng; Chi phí công trình trích trước theo tỉ lệ chi phí của các hợp đồng đã nghiệm thu, bàn giao; các chi phí phải trả khác: được xác định dựa vào hóa đơn, chứng từ về sau.

3.17. Dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tổng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

3.18. Nguồn vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong kỳ vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo qui định trong Điều lệ Tổng Công ty.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.19. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất của kỳ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo chính sách kế toán về hợp đồng xây dựng như trình bày ở mục 3.19 dưới đây.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.20. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán theo tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn;
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

3.21. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.22. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, dự phóng đầu tư tài chính và lỗ chênh lệch tỷ giá.

3.23. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng, cung cấp dịch vụ bao gồm chi phí quảng cáo, hoa hồng môi giới.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, tiền thuê đất, thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

3.24. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoãn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (lỗ tính thuế) tại thời điểm giao dịch.
- Tài sản thuế hoãn lại cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoãn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí để tính lãi, lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)***Thuế giá trị gia tăng***

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp được tính theo mức thuế suất 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

3.25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.26. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Tổng Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Tổng Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.27. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác biệt với các bộ phận kinh doanh khác hoặc khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

3.28. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tổng Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Tổng Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Tổng Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tổng công ty dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể đối với Tổng Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ điều hành của Tổng Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**4.1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tiền mặt	2.628.077.583	2.282.628.110
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	69.115.174.909	112.946.528.402
Các khoản tương đương tiền	2.327.883.945	6.571.610.862
Cộng	74.071.136.437	121.800.767.374

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.2. Chứng khoán kinh doanh

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Chứng khoán kinh doanh: Công ty CP Xây dựng Điện VNECO 9	3.011.852	2.377.900	(633.952)	3.011.852	481.600	(2.530.252)
	3.011.852	2.377.900	(633.952)	3.011.852	481.600	(2.530.252)

4.3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn:				
Tiền gửi có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng	51.527.784.190	51.527.784.190	11.692.402.739	11.692.402.739
Cộng	51.527.784.190	51.527.784.190	11.692.402.739	11.692.402.739
Dài hạn:				
Trái phiếu (*)	23.730.000.000	23.730.000.000	3.730.000.000	3.730.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn (**)	17.226.000.000	17.226.000.000	-	-
Cộng	40.956.000.000	40.956.000.000	3.730.000.000	3.730.000.000

(*) Trái phiếu bao gồm:

- Mã trái phiếu BIDLH2128016 của Ngân hàng BIDV, có mệnh giá 1.000.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 20 trái phiếu, ngày phát hành: 16/07/2021, kỳ hạn 7 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 16/7/2021 đến 16/7/2022 là 6,18%/năm.

- Mã trái phiếu BID2_19.05 của Ngân hàng BIDV, có mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu, số lượng: 318 trái phiếu, ngày phát hành: 26/09/2019, kỳ hạn 10 năm, lãi suất áp dụng cho kỳ trả lãi từ 26/09/2020 đến 26/09/2021 là 7,3%/năm.

- Giấy chứng nhận số CTG1828T2/01-1837 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 29/06/2018, số lượng 5 trái phiếu, mệnh giá 10.000.000 VND/trái phiếu;

- Giấy chứng nhận số CTG2028T2/01-3575 của Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam phát hành ngày 30/07/2020, số lượng 5.000 trái phiếu, mệnh giá 100.000 VND/trái phiếu.

(**) Tiền gửi có kỳ hạn theo các hợp đồng:

- Hợp đồng số 199/2021/242753/HĐTĐ, kỳ hạn: 24 tháng, số tiền: 7.842.000.000 VND, lãi suất 4,9%/năm.

- Hợp đồng số 025/2021/242753/HĐTĐ, kỳ hạn: 23 tháng, số tiền: 9.384.000.000 VND, lãi suất: 2,9%/năm.

Trái phiếu Ngân hàng BIDV và các khoản tiền gửi có kỳ hạn hiện đang được thế chấp để đảm bảo thanh toán L/C trả chậm của dự án "Đầu tư hệ thống thiết bị phục vụ lắp dựng Turbine điện gió" của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.4. Phải thu của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công ty CP Đầu tư và XD điện Hội xuân VNECO	56.368.465.234	56.368.465.234
Công ty CP Đầu tư Phát triển Công nghiệp và Vận tải	2.106.329.616	46.565.548.549
Công ty Cổ phần giải pháp năng lượng Minh Thông	25.150.379.392	65.150.379.392
Công ty Cổ phần Malblue	15.142.797.534	119.269.397.327
Công ty CP Thương Mại REENIZE	235.119.229.087	-
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn - CN Sài Gòn	123.321.699.477	-
Các đối tượng khác	323.224.870.479	267.894.443.002
Cộng	780.433.770.819	555.248.233.504
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	16.268.483.912	119.419.350.795
Dài hạn:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 5	-	372.167.609
Cộng	-	372.167.609

4.5. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Bộ Chỉ huy Quân sự - TP. Đà Nẵng (*)	25.493.022.727	25.493.022.727
Công ty Cổ phần Cơ Khí Thương Mại Xây Lắp Điện 4	47.724.251.042	-
Công ty TNHH Thiết Bị và Công Nghệ TCA Việt Nam	77.577.060.000	-
Công ty TNHH Nhật Tâm Gia	5.020.009.607	3.086.542.856
General Electric International, Inc	-	106.762.256.000
Công ty CP Sao Thái Sơn	9.080.092.713	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Sao Việt Linh	12.596.676.965	-
Các đối tượng khác	74.974.988.480	34.097.585.344
Cộng	252.466.101.534	169.439.406.927

(*) Khoản trả trước liên quan đến hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại số 344 Phan Châu Trinh, P. Bình Thuận, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Công ty Cổ phần Malblue	1.460.732.740	-
Các đối tượng khác	11.510.627.522	-
Cộng	12.971.360.262	-
Trong đó: Phải thu về cho vay là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	1.460.732.740	-

4.7. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	-	-	66.520.858.333	66.520.858.333
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Phúc Vân Hà	11.490.000.000	11.490.000.000	43.517.715.546	43.517.715.546
Tạm ứng	98.139.720.420	-	71.340.638.696	-
Phải thu tiền đền bù chi hộ	-	-	653.281.200	-
Ký quỹ, ký cược	4.440.952.640	-	7.644.911	-
Phải thu hợp tác đầu tư	-	-	60.000.000.000	-
Lãi dự thu	1.429.322.856	-	155.102.660	-
Các khoản phải thu khác	9.514.380.255	9.073.828.572	16.336.523.170	8.789.973.395
Cộng	125.014.376.171	20.563.828.572	258.531.764.516	118.828.547.274
Trong đó, Phải thu khác là các bên liên quan - Xem thêm mục 8	4.520.548	-	-	-
	Tại ngày 31/12/2021 VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Dài hạn:				
Ký quỹ, ký cược dài hạn	91.497.500.000	-	6.997.500.000	-
Đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng	520.116.995	-	-	-
Cộng	92.017.616.995	-	6.997.500.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.8. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu	60.921.838.603	489.970.800	177.927.866.363	10.839.931.770
Cộng	60.921.838.603	489.970.800	177.927.866.363	10.839.931.770

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2021			Tại ngày 01/01/2021		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Ông Lâm Phúc Lâm và Bà Lê Thị Thùy Vân	-	-	Đã xử lý	66.520.858.333	-	Trên 3 năm
Công ty TNHH Thương mại XD Phúc Văn Hà	11.490.000.000	-	Trên 3 năm	43.517.715.546	-	Trên 3 năm
Các đối tượng khác	49.431.838.603	489.970.800		67.889.292.484	10.839.931.770	
Cộng	60.921.838.603	489.970.800		177.927.866.363	10.839.931.770	

4.9. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	12.749.707.105	33.242.483	9.638.649.983	33.762.087
Công cụ, dụng cụ	1.684.097.320	1.878.552	403.880.196	1.878.552
Chi phí SX, KD dở dang	139.469.810.709	5.724.243	138.513.746.163	-
Thành phẩm	10.233.298.930	33.590.624	12.232.068.009	39.882.366
Hàng hóa	10.704.069	-	10.077.685.104	-
Cộng	164.147.618.133	74.435.902	170.866.029.455	75.523.005

Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối năm là 86.799.538 VND.

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố bảo đảm các khoản phải trả tại thời điểm cuối năm là 54.169.605.989 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.10. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Công cụ dụng cụ	401.847.880	276.153.822
Thuê nhà kho, mặt hồ	17.000.000	78.369.722
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	213.726.494	142.851.092
Cộng	632.574.374	497.374.636
Dài hạn:		
Công cụ dụng cụ	6.408.348.602	1.733.188.467
Sửa chữa lớn TSCĐ	398.887.252	1.330.158.401
Chi phí trả trước dài hạn khác	87.360.832	-
Cộng	6.894.596.686	3.063.346.868

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.11. Táng, giám tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	P/hiện vận tài, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá:					
Tại ngày 01/01/2021	79.356.286.461	61.707.755.154	37.582.624.499	756.473.500	179.403.139.614
Mua trong năm	13.739.952.090	214.682.070.918	11.655.856.218	376.363.636	240.454.242.862
Đầu tư XDCB h/thành	6.485.006.771	3.283.428.171	1.460.858.910	-	11.229.293.852
Phân loại lại	-	(48.500.000)	48.500.000	-	-
Tại ngày 31/12/2021	99.581.245.322	279.624.754.243	50.747.839.627	1.132.837.136	431.086.676.327
Giá trị hao mòn lũy kế:					
Tại ngày 01/01/2021	48.562.139.368	41.478.975.527	21.481.776.061	681.932.148	112.204.823.104
Khấu hao trong năm	6.267.084.517	19.930.912.849	3.495.755.509	27.354.351	29.721.107.226
Tại ngày 31/12/2021	54.829.223.885	59.575.972.601	24.977.531.570	709.286.499	141.925.930.330
Giá trị còn lại:					
Tại ngày 01/01/2021	30.794.147.093	20.228.779.627	16.100.848.438	74.541.352	67.198.316.510
Tại ngày 31/12/2021	44.752.021.437	220.048.781.642	25.770.308.057	423.550.637	289.160.745.997

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 54.066.393.475 VND.

Giá trị còn lại tại ngày 31/12/2021 của TSCĐ hữu hình đang cho thuê hoạt động là 171.659.042.262 VND.

Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 26.974.692.423 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất VND	Bản quyền, bằng sáng chế VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2021	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Tại ngày 31/12/2021	35.894.857.528	50.086.320	579.200.000	36.524.143.848
Khấu hao:				
Tại ngày 01/01/2021	2.907.141.281	50.086.320	503.862.500	3.461.090.101
Khấu hao trong năm	385.313.456	-	26.344.500	411.657.956
Tại ngày 31/12/2021	3.292.454.737	50.086.320	530.207.000	3.872.748.057
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2021	32.987.716.247	-	75.337.500	33.063.053.747
Tại ngày 31/12/2021	32.602.402.791	-	48.993.000	32.651.395.791

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL185623 ngày 14/11/2012 thuộc thửa đất số 500, tờ bản đồ số 118 tại số 64, đường Hoàng Văn Thái, Phường Hòa Minh, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 6.568,6 m², nguyên giá 19.277.284.892 đồng, thời gian sử dụng đất đến 13/11/2062.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK 634777 ngày 14/12/2017 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 5-22 tại xã An Vĩnh Ngãi, Thành phố Tân An, Tỉnh Long An với diện tích 615 m², nguyên giá 1.335.095.636 đồng, thời gian sử dụng đất lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ161263 ngày 11/03/2011 thuộc thửa đất số 35, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 136 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B1074673 ngày 20/07/2011 thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 88 tại Khu đô thị sinh thái ven sông Hòa Xuân – giai đoạn 2, phường Hòa Xuân, Quận Cẩm Lệ, Thành phố Đà Nẵng với diện tích 179,1 m², nguyên giá 7.995.000.000, thời gian sử dụng lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T086817 ngày 18/06/2001 thuộc thửa đất số 38, tờ bản đồ số 09 tại Phường Đông Lương, Thành phố Đông Hà, Quảng Trị với diện tích 140 m², nguyên giá 3.015.000.000 đồng, thời gian sử dụng lâu dài.

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 276134 QSD/ATM ngày 15/12/2005 tại số 10 Đảo Duy Từ, phường Thống Nhất, thành phố Buôn Mê Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam, nguyên giá 1.257.477.000 đồng, thời gian sử dụng lâu dài.

Nguyên giá của TSCĐ vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 508.836.320 VND.

Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ vô hình để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 31.344.925.796 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.13. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tăng trong năm VND	Giảm trong năm VND	Tại ngày 31/12/2021 VND
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá				
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.390.124.834	3.486.000.000	-	225.876.124.834
Cộng	222.390.124.834	3.486.000.000	-	225.876.124.834
Tồn thất do suy giảm giá trị				
Nhà và quyền sử dụng đất	-	-	-	-
Cộng	-	-	-	-
Giá trị còn lại				
Nhà và quyền sử dụng đất	222.390.124.834			225.876.124.834
Cộng	222.390.124.834			225.876.124.834

Giá trị của bất động sản đầu tư cuối năm dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo nợ vay là 152.160.124.834 đồng.

Không có bất động sản đầu tư hết khấu hao nhưng vẫn nắm giữ chờ tăng giá.

Tại ngày báo cáo, Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư có thể khác với giá trị đang ghi sổ.

4.14. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Khu đô thị mới Mỹ Thượng (Tỉnh Thừa Thiên Huế)	78.426.736.782	83.797.928.126
Cộng	78.426.736.782	83.797.928.126

4.15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dự án siêu thị Green Mart - Đà Nẵng (*)	72.202.236.525	64.774.433.222
Dự án NM điện gió Thuận Nhiên Phong 1	1.027.621.039.946	383.852.385.705
Các dự án khác	4.328.853.202	11.466.464.127
Cộng	1.104.152.129.673	460.093.283.054

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(*) Dự án đang được thế chấp theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2019/242753/HĐBĐ ngày 24/01/2019 giữa Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.16. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu	Giá gốc	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết:				
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO2	5.854.100.000	6.515.469.431	5.854.100.000	6.507.584.956
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 10	3.000.000.000	1.381.479.627	3.000.000.000	-
Cộng	8.854.100.000	7.896.949.058	8.854.100.000	6.507.584.956

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:				
Công ty CP Chế Tạo Kết Cấu Thép VNECO.SSM (*)	1.913.808	-	1.913.808	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 1 (**)	179.472	-	179.472	-
Công ty CP Xây Dựng Điện VNECO 9 (**)	916.740	-	916.740	-
Công ty Cổ phần Sông Ba (**)	2.381.000.521	-	2.381.000.521	-
Công ty CP Đầu tư và Xây dựng điện Hải Xuân VNECO (**)	30.820.000.000	(3.284.761.086)	30.820.000.000	(6.341.886.076)
Cộng	33.204.010.541	(3.284.761.086)	33.204.010.541	(6.341.886.076)

(*) Tổng Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán và số lượng cổ phiếu mà Tổng công ty đang nắm giữ.

(**) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện chưa có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.17. Phải trả người bán**

	Tại ngày 31/12/2021		Tại ngày 01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH GE Việt Nam	33.176.000.000	33.176.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Sản xuất kinh doanh Thép Thăng Lợi	78.565.472.301	78.565.472.301	-	-
Công ty TNHH TM DV Cát Tâm	-	-	35.231.860.217	35.231.860.217
Công ty TNHH Thép Thiên Long	27.900.400.000	27.900.400.000	102.224.840.521	102.224.840.521
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Thái Sơn - CN Sài Gòn	42.827.974.524	42.827.974.524	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại REENIZE	74.182.477.600	74.182.477.600	-	-
Công ty TNHH Phát triển Thương hiệu và Dịch vụ Kết nối bán lẻ Châu Á	28.429.184.191	28.429.184.191	-	-
Các đối tượng khác	255.937.553.059	255.937.553.059	181.300.758.075	181.300.758.075
Cộng	541.019.061.675	541.019.061.675	318.757.458.813	318.757.458.813
Trong đó: Phải trả cho các bên liên quan - Xem thêm mục 8	17.903.138.847	17.903.138.847	24.565.709.745	24.565.709.745
Dài hạn:				
Công ty TNHH Lexim	162.891.543.020	162.891.543.020	-	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Đầu Tư Cát Tường	56.192.427.467	56.192.427.467	-	-
Cộng	219.083.970.487	219.083.970.487	-	-

4.18. Người mua trả tiền trước

	Tại ngày	Tại ngày
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Ngắn hạn:		
Công ty TNHH LEXIM	-	15.000.000.000
Ban QLDA các công trình Điện Miền Nam	8.364.059.206	8.340.362.444
Ban QLDA các công trình Điện Miền Trung	7.353.605.440	19.179.632.180
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung - TCTY Điện Lực Miền Trung	9.128.627.345	7.219.575.566
Công ty CP XD và PT Cơ sở Hạ tầng số 9 HN	137.709.352.054	-
Các đối tượng khác	80.190.595.232	28.787.617.545
Cộng	242.746.239.277	78.527.187.735

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Dài hạn:		
Công ty CP Malblue	8.742.072.242	-
Cộng	8.742.072.242	-
Trong đó: Người mua trả tiền trước là các bên liên quan – Xem thêm mục 8	8.742.072.242	-

4.19. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Tại ngày 31/12/2021 VND		Trong năm VND		Tại ngày 01/01/2021 VND	
	Phải thu	Phải nộp	Phải nộp	Đã nộp/Khấu trừ	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT	-	3.659.863.375	372.116.957.917	371.627.428.082	-	3.170.333.540
Thuế xuất nhập khẩu	-	2.496.510	-	-	-	2.496.510
Thuế TNDN	-	8.028.819.532	13.215.028.013	1.976.952.964	3.920.287.738	711.032.221
Thuế TNCN	-	239.517.279	1.198.144.129	1.131.974.599	-	173.347.749
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	73.692.184	347.710.530	274.018.346	-	-
Thuế môn bài	-	-	28.000.000	28.000.000	-	-
Thuế nhà thầu	139.724	-	-	24.494.348	-	24.354.624
Thuế khác	-	75.232.358	604.995.172	548.584.432	-	18.821.618
Cộng	139.724	12.079.621.238	387.510.835.761	375.611.452.771	3.920.287.738	4.100.386.262

4.20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Lãi vay phải trả	1.028.192.637	555.003.931
Trích trước chi phí công trình	121.618.841.746	200.078.412.386
Trích trước chi phí mua trụ sở làm việc	2.173.436.096	2.173.436.096
Chi phí phải trả khác	2.647.909.956	4.233.860.876
Cộng	127.468.380.435	207.040.713.289

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.21. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Kinh phí công đoàn	856.203.517	659.472.696
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, thất nghiệp	1.748.443.756	891.745.952
Cổ tức phải trả	1.000.034.275	1.000.034.275
Phải trả khoản hợp tác đầu tư	-	60.000.000.000
Phải trả khác - LC UPAS ngân hàng HD bank	550.000.000.000	-
Phải trả ngắn hạn khác	10.362.856.160	11.837.322.153
Cộng	563.967.537.708	74.388.575.076

4.22. Dự phòng phải trả

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Ngắn hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.724.571.752	4.307.569.012
Cộng	1.724.571.752	4.307.569.012
Dài hạn:		
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	1.011.538.647	527.976.875
Cộng	1.011.538.647	527.976.875

4.23. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	12.545.603.232	2.252.997.179
Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(851.700.347)	(915.191.203)
Cộng	11.693.902.885	1.337.805.976

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.24. Vay và nợ thuê tài chính

	Tại ngày 31/12/2021		Trong năm		Tại ngày 01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn:						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (1)	370.048.986.135	370.048.986.135	823.397.434.468	779.181.613.096	377.090.284.582	377.090.284.582
- Ngân hàng TMCP hàng Hải - Chi nhánh Sở Giao dịch (2)	2.547.193.063	2.547.193.063	39.414.793.063	36.867.600.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh Hà Nội (3)	14.152.383.085	14.152.383.085	37.699.505.729	23.547.122.644	-	-
- Ngân hàng HD Bank - CN TP. Hồ Chí Minh (4)	71.962.402.024	71.962.402.024	81.962.402.024	10.000.000.000	-	-
- Công ty Cổ phần MALBLUE (5)	9.700.000.000	9.700.000.000	42.658.000.000	32.958.000.000	-	-
- Công ty CP Chứng khoán VNDIRECT	-	-	412.795	412.795	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Vinh	-	-	7.449.809.271	18.109.956.488	10.660.147.217	10.660.147.217
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An (6)	2.992.000.723	2.992.000.723	3.892.000.723	900.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (7)	14.890.290.435	14.890.290.435	16.080.290.435	1.190.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nghệ An (8)	6.467.119.120	6.467.119.120	32.815.203.636	30.148.275.349	3.800.190.833	3.800.190.833
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (9)	27.400.000.000	27.400.000.000	47.700.000.000	40.150.000.000	19.850.000.000	19.850.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP HCM (10)	40.000.000.000	40.000.000.000	93.713.397.212	53.713.397.212	-	-
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình (11)	15.727.009.426	15.727.009.426	59.670.602.381	59.290.374.724	15.346.781.769	15.346.781.769
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Hà Nội (12)	39.401.450.000	39.401.450.000	39.401.450.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại FELIX	300.000.000	300.000.000	5.000.000.000	4.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP HCM (13)	39.955.952.417	39.955.952.417	47.655.952.417	7.700.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	12.800.000.000	12.800.000.000	-	-
- Vay các cá nhân	8.268.033.082	8.268.033.082	54.067.943.521	47.399.910.439	1.600.000.000	1.600.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.24. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Trong năm VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ dài hạn đến hạn trả:	11.315.293.892	18.876.263.161	9.661.237.469
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (14)	10.884.893.892	18.445.863.161	9.597.237.469
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (15)	142.400.000	142.400.000	-
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Nghệ An (16)	160.000.000	160.000.000	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (17)	128.000.000	128.000.000	64.000.000
Cộng	675.128.113.402	1.464.255.460.836	379.190.552.782

Trong đó: Vay ngắn hạn là các bên liên quan
- Xem thêm mục 8

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Chi tiết các hợp đồng vay ngắn hạn như sau:

(1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 02/2020/242753/HĐTĐ ngày 01/10/2020	810.300.000.000 VND	11 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	<ul style="list-style-type: none">• Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau:<ul style="list-style-type: none">+ HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐBĐ;+ HĐ cầm cố tài sản 05/2021/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai 03/2020/242753/HĐBĐ;+ HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐBĐ.

(2) Khoản vay Ngân hàng Hải Hải - Chi nhánh Sở Giao dịch

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 017/2021/HĐCV ngày 08/02/2021	375.728.400.000 VND	8 tháng	7,8%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản thế chấp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**(3) Khoản vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng – CN Hà Nội**

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 01/2021/HĐTD/VP B-VNECO ngày 05/05/2021	400.000.000.000 VND	12 tháng	7,7%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản thế chấp

(4) Khoản vay Ngân hàng HD Bank – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 25508/21MN/HĐTD /KUNN01 ngày 30/06/2021	450.000.000.000 VND	6 tháng	8,9%/năm	Bổ sung vốn lưu động	Không có tài sản thế chấp

(5) Khoản vay Công ty Cổ phần Malblue

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 30.08/2021/HĐTXV /MALBLUE-VNECO8 ngày 30/08/2021	11.000.000.000 VND	9 tháng	0%/năm	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Không có tài sản thế chấp
Hợp đồng thu xếp vốn số 01/2021/HĐTXVM ALBLUE-TNP ngày 20 tháng 07 năm 2021	4.000.000.000 VND	Không quá 12 tháng	0%/năm	Thực hiện dự án Nhà máy điện gió Thuận Nhiên Phong	Nguồn thu bán điện của Dự án điện gió Thuận Nhiên Phong và khoản vay ngân hàng để chi trả chi phí cho dự án.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(6) Khoản vay Ngân hàng TMCP TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Nghệ An

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 32/1/2020/HĐTD/VNH/02 ngày 11/12/2020	10.000.000.000 VND	12 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh thanh toán phục vụ hoạt động thi công công trình của khách hàng.	Toàn bộ quyền đòi số nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt, bồi thường thiệt hại, các quyền lợi khác (nếu có) phát sinh từ Hợp đồng thi công xây dựng số 28/2021/HĐXL-TĐBM-ĐZ 110KV giữa Ban quản lý dự án thủy điện Bản Mông - Chi nhánh Tổng công ty cơ điện xây dựng - CTCP tại Nghệ An và Liên danh: Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO3 - Công ty Cổ phần đầu tư và thương mại 481 về việc thi công gói thầu BM-XD04: "Cung cấp vật tư và thi công xây lắp tuyến đường dây 110KV đầu nối nhà máy thủy điện Bản Mông

(7) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh TP Vinh

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 20816.21.812.4530 380.TD ngày 26/05/2021	30.000.000.000 VND	9 tháng	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Phục vụ hoạt động thi công xây lắp điện và sản xuất kinh doanh cột điện ly tâm thường xuyên	Hợp đồng đảm bảo số 13822.21.812.4530380.BĐ ngày 19/03/2021

(8) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 641/TDDN-NAN.KHBL ngày 10/11/2021	1.510.071.895 VND	6 tháng	7%/năm	Sử dụng vốn vay để thanh toán tiền mua nguyên vật liệu phục vụ thi công công trình xây lắp điện	Tài sản gắn liền với đất của thừa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CT 077600 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Nghệ An cấp ngày 24/02/2021 theo hợp đồng thế chấp gắn liền với đất số 88/TC21-NAN.KHBL ngày 19/03/2021; Máy móc thiết

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 666/TDDN-NAN.KHBL ngày 23/11/2021	859.047.292 VND	6 tháng	6,7%/năm		bị và phương tiện vận tải theo hợp đồng thế chấp tài sản số 207TC14 ngày 02/07/2014; số 529/TC14 ngày 25/12/2014; Máy móc thiết bị theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay số 228TC15 ngày 24/06/2015.
Hợp đồng số 676/TDDN-NAN.KHBL ngày 25/11/2021	753.233.900 VND	6 tháng	6,7%/năm		
Hợp đồng số 678/TDDN-NAN.KHBL ngày 26/11/2021	473.792.400 VND	6 tháng	6,7%/năm		
Hợp đồng số 683/TDDN-NAN.KHBL ngày 01/12/2021	1.157.668.868 VND	6 tháng	6,7%/năm		
Hợp đồng số 688/TDDN-NAN.KHBL ngày 02/12/2021	968.021.951 VND	6 tháng	6,7%/năm		
Hợp đồng số 699/TDDN-NAN.KHBL ngày 09/12/2021	995.282.814 VND	6 tháng	6,7%/năm		

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**(9) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk**

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021/17952/H-DTD ngày 31/05/2021	30.000.000.000 VND	12 tháng		Bổ sung vốn lưu động và bảo lãnh, mở L/C	Hợp đồng thế chấp số 01/2018/17952/HDDDB ngày 05/06/2018 và Văn bản sửa đổi bổ sung ngày 02/06/2021

(10) Khoản vay với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 4 Thành phố Hồ Chí Minh

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2021-HDCVHM/NHCT90 8-VNECO8	40.000.000.000 VND	9 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	Tài trợ vốn lưu động và phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động kinh doanh thường xuyên của Công ty	Các khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty tại Ngân hàng

(11) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Bình

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 801004681834/2021-1-HDCVHM/NHCT47 0-VNECO12 ngày 31/08/2021	35.000.000.000 VND	Tối đa không quá 9 tháng đối với mảng thi công xây dựng và tối đa không quá 6 tháng đối với mảng kinh doanh khác	Theo giấy nhận nợ cụ thể	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.	Tài sản đảm bảo cho khoản vay gồm tài sản cố định và toàn bộ các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế, các vật tư, hàng hóa phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của bên Vay tại mọi thời điểm.

TÓNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(12) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Hà Nội

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 715-03/2021-HĐCVTL/NHCT131-RME ngày 16/07/2021	5.000.000.000 VND	6 tháng nhưng không vượt quá ngày 31/01/2022	Theo lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo quy định của từng thời kỳ	Thanh toán tiền thi công gói thầu "Xây lắp và cung cấp vật tư, thiết bị đường dây 220kV đấu nối và dịch vụ kỹ thuật kèm theo" thuộc dự án "Đường dây 220 KV đấu nối cụm các Nhà máy điện gió Cà Mau 1 vào Hệ thống điện Quốc Gia"	Hợp đồng thế chấp hợp đồng tiền gửi số 716-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-RME ngày 16/07/2021 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Hà Nội và Công ty Cổ phần VNECO-RME
Hợp đồng số 723-03/2021-HĐCVTL/NHCT131-RME ngày 26/07/2021	35.000.000.000 VND	168 ngày nhưng không quá ngày 10/01/2022	Theo lãi suất điều chỉnh, được xác định và điều chỉnh theo quy định của từng thời kỳ	Thanh toán tiền thi công gói thầu "Cung cấp cột điện, Bu lông neo, tiếp địa" thuộc dự án "Đường dây 220 KV đấu nối cụm các Nhà máy điện gió Cà Mau 1 vào Hệ thống điện Quốc Gia"	Hợp đồng thế chấp hợp đồng tiền gửi số 724-03/2021/HĐBĐ/NHCT131-RME ngày 23/07/2021 giữa Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam chi nhánh Đông Hà Nội và Công ty Cổ phần VNECO-RME

(13) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 4 TP HCM

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 01/2021/HĐCVHM/NHCT908-VNECO ngày 16/08/2021	40.000.000.000 VND	6 tháng	Lãi suất áp dụng năm 2021 là 7,5%/năm	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2021
VND

Tại ngày 01/01/2021
VND

	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn:						
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Vân (14)	41.368.388.841	41.368.388.841	59.212.489.846	25.410.117.315	7.566.016.310	7.566.016.310
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh TP Vinh (15)	356.000.012	356.000.012	-	284.799.992	640.800.004	640.800.004
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Nghệ An (16)	520.000.000	520.000.000	800.000.000	280.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk (17)	160.000.000	160.000.000	-	192.000.000	352.000.000,00	352.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Phú Nhuận	710.500.000	710.500.000	870.000.000	159.500.000	-	-
Cộng	43.114.888.853	43.114.888.853	60.882.489.846	26.326.417.307	8.558.816.314	8.558.816.314

Chi tiết các hợp đồng vay dài hạn như sau:

(14) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hải Vân

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 04/2020/242753/HĐTĐ ngày 07/12/2020	19.700.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư dự án "Mua sắm thiết bị thi công kéo dây không chạm đất"	<ul style="list-style-type: none"> Các tài sản đảm bảo theo các hợp đồng thế chấp sau: + HĐ thế chấp tài sản 01/2020/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp tài sản 07/2021/242753/HĐTĐ; + HĐ cầm cố tài sản 05/2021/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2019/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2019/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 01/2021/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 02/2021/242753/HĐTĐ; + HĐ thế chấp bất động sản 03/2021/242753/HĐTĐ;
Hợp đồng số 05/2020/242753/HĐTĐ ngày 19/10/2020	5.500.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư sở hữu phòng công ty VNECO Miền Trung	
Hợp đồng số 03/2020/242753/HĐTĐ ngày 16/10/2020	4.800.000.000 VND	60 tháng	8,5%/năm	Đầu tư mua xe ô tô BMW phục vụ điều hành	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 01/2021/242753/HĐTĐ ngày 23/03/2021	175.000.000.000 VND	48 tháng	8,5%/năm	Đầu tư hệ thống lắp đặt tubin điện gió	+ HĐ thế chấp bất động sản 01/2019/242753/HĐBĐ' + HĐ thế chấp tài sản hình thành trong tương lai 03/2020/242753/HĐBĐ + HĐ thế chấp bất động sản 04/2021/242753/HĐBĐ.

(15) Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh TP Vinh

Hợp đồng hạn mức	Số dư vay cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
-Hợp đồng tín dụng số 29452.20.812.453 0380.TD ngày 26/06/2020	498.400.012 VND	5 năm	Lãi suất thả nổi	Mua xe ô tô Nissan	Hợp đồng đảm bảo số 29452.20.812.4530380.BĐ ngày 26/06/2020 là Xe ô tô con nhãn hiệu NISSAN BKS: 37A-694.73

(16) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An

Hợp đồng hạn mức	Hạn mức cho vay	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 22/TDDN21-NAN.HKBL ngày 15/01/2021	800.000.000 VND	05 năm	8,4% trong 2 năm đầu, sau 2 năm áp dụng lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động VND 12 tháng trả lãi sau của VCB cộng 3,5%/năm nhưng không thấp hơn lãi sản cho vay cùng kỳ hạn của sản phẩm theo thông báo của VCB tại thời điểm đó	Mua ô tô con Mitsubishi Pajero	Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ xe ô tô con Mitsubishi số 21/TC21-KHBL.NAN ngày 14/01/2021.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

(17) Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đắk Lắk

Hợp đồng hạn mức	Số dư vay cuối kỳ	Thời hạn cho vay	Lãi suất vay	Mục đích sử dụng vốn vay	Tài sản đảm bảo
Hợp đồng số 01/2019/717952/HĐTD ngày 28/01/2019	945.000.000 VND	5 năm	10,50%	Mua xe ô tô tải có cần cầu Xe ô tô tải có cần cầu mới 100% nhãn hiệu MAZ	Theo hợp đồng đảm bảo số 01/2019/717952/HĐBD ngày 28/01/2019 là tài sản mua sắm từ khoản vay

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4.25. Vốn chủ sở hữu

4.25.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu									
	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	LNST chưa phân phối VND	Lợi ích có đóng không kiểm soát VND	Cộng VND	
Tại ngày 01/01/2020	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.755.213.872	142.260.808	112.648.845.193	25.669.050.820	980.300.208.476	
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	11.549.103.336	2.897.739.139	14.446.842.475	
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	8.618.269	-	(8.618.269)	-	-	
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(186.159.200)	(186.159.200)	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(558.012.834)	(55.126.993)	(613.139.827)	
Trích các quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	8.618.270	(8.618.270)	-	-	
Tặng khác	-	-	-	-	-	-	433.635	-	433.635	
Tại ngày 01/01/2021	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	150.879.078	123.623.132.791	28.325.503.766	993.948.185.559	
Ảnh hưởng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong năm	-	-	-	-	-	-	-	1.900.856.909	1.900.856.909	
Tặng vốn năm nay	-	-	-	-	-	-	-	19.350.000.000	19.350.000.000	
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	7.948.670.130	1.530.220.273	9.478.890.403	
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(854.261.539)	(35.937.816)	(890.199.356)	
Trích các quỹ khác thuộc NVCSH	-	-	-	-	-	7.342.497	(7.342.497)	-	-	
Cộng	904.329.530.000	2.527.289.930	7.095.055.143	(88.867.037.290)	16.763.832.141	158.221.575	130.710.198.885	51.070.643.132	1.023.787.753.515	

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.25.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Các cổ đông	819.340.330.000	819.340.330.000
Cổ phiếu quỹ	84.989.200.000	84.989.200.000
Cộng	904.329.530.000	904.329.530.000

4.25.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	Năm nay VND	Năm trước VND
Vốn góp tại ngày 01/01	904.329.530.000	904.329.530.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31/12	904.329.530.000	904.329.530.000

4.25.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2021	Tại ngày 01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	90.432.953	90.432.953
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu phổ thông	90.432.953	90.432.953
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu phổ thông	8.498.920	8.498.920
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu phổ thông	81.934.033	81.934.033
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu

4.25.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	7.948.670.130	11.549.103.336
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	854.261.539
Lãi sau thuế để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	7.948.670.130	10.694.841.797
Số cổ phần lưu hành bình quân trong năm	81.934.033	81.934.033
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	97	131

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**4.25.6. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi sau thuế của cổ đông của Tổng công ty	7.948.670.130	11.549.103.336
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	854.261.539
Lãi để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	7.948.670.130	10.694.841.797
Số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	81.934.033	81.934.033
Số lượng cổ phiếu để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	81.934.033	81.934.033
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	97	131

Lợi nhuận để tính lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu năm 2021 là toàn bộ Lợi nhuận sau thuế do Tổng Công ty chưa có kế hoạch trích các quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay.

Tổng Công ty dự kiến phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 90.432.953 cổ phiếu lên 150.432.953 cổ phiếu như được trình bày tại Thuyết minh 12.

4.25.7. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Nợ khó đòi đã xử lý:		
Ông Lâm Phúc Lâm và bà Lê Thị Thùy Vân	66.520.858.333	-
Công ty TNHH Xây dựng Phúc Vân Hà	32.027.715.546	-
Các đối tượng khác	8.890.162.851	-
Cộng	107.438.736.730	-

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.227.219.582.977	490.237.978.359
Doanh thu kinh doanh bất động sản	7.641.764.549	46.469.204.078
Doanh thu hợp đồng xây dựng	763.210.419.705	761.809.938.428
Doanh thu khác	940.892.960	1.150.326.148
Cộng	1.999.012.660.191	1.299.667.447.013
Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan - Xem thêm mục 8	24.526.077.031	1.134.512.107

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.2 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.220.082.522.007	484.943.056.413
Giá vốn kinh doanh bất động sản	6.500.684.723	40.313.133.824
Giá vốn hoạt động xây dựng	676.932.795.517	686.071.961.823
Giá vốn khác	498.779.835	733.657.137
	-	-
Cộng	1.904.014.782.082	1.212.061.809.197

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.396.871.983	1.062.729.963
Cổ tức, lợi nhuận được chia	250.007.000	-
Lãi từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	300.008.400
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	1.465.673.962	30.352.035
	-	-
Cộng	5.112.552.945	1.393.090.398

5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí lãi vay, mua hàng trả chậm	37.194.948.302	14.376.618.247
Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng vốn	-	3.244.850.219
Trích lập dự phòng đầu tư tài chính	347.533.518	5.229.031.693
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	(3.406.554.808)	(3.575.550.809)
Chi phí tài chính khác	1.232.765	1.277.087
Chi phí môi giới chuyển nhượng vốn	-	4.545.454.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	19.783
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	486.660	160.262
	-	-
Cộng	34.137.646.437	23.821.861.027

5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí vật liệu, bao bì	-	1.492.184.164
Chi phí mua ngoài	613.913.531	-
Chi phí khác bằng tiền	25.491.564	-
	-	-
Cộng	639.405.095	1.492.184.164

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nhân viên quản lý	33.123.397.332	28.999.370.700
Chi phí vật liệu quản lý	205.001.762	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.300.643.518	945.668.955
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.583.724.288	3.990.263.586
Thuế, phí và lệ phí	2.636.679.801	982.235.357
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	602.209.620	302.770.780
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu	(15.528.000)	(52.230.100)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.211.119.422	3.318.698.441
Chi phí bằng tiền khác	7.796.131.057	13.956.122.095
Trích lập dự phòng nợ khó đòi	195.988.320	-
Cộng	54.639.367.120	52.442.899.814

5.7 Thu nhập khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập thanh lý tài sản cố định	-	97.913.786
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	420.599.930	224.847.278
Thu từ phạt vi phạm hợp đồng	-	173.742.400
Thu nhập từ cho thuê	236.300.000	-
Các khoản khác	335.109.246	539.589.673
Cộng	992.009.176	1.036.093.137

5.8 Chi phí khác

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản chậm nộp thuế và bảo hiểm	7.466.499	5.842.881
Các khoản thuế bị truy thu, phạt chậm nộp (tại các công ty con)	613.519.472	108.109.051
Phạt vi phạm hợp đồng	370.191.781	-
Các khoản khác	239.308.765	544.279.058
Cộng	1.230.486.517	658.230.990

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

5.9 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	395.575.926.770	604.488.433.668
Chi phí nhân công	106.454.962.234	86.828.348.001
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.199.449.433	11.583.699.138
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.025.295.931.229	625.994.454.432
Chi phí khác bằng tiền	140.841.019.631	82.622.437.132
Cộng	1.698.367.289.297	1.411.517.372.371

5.10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	13.215.028.013	1.759.779.399
Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	13.215.028.013	1.759.779.399

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

6.1 Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	1.506.261.687.521	823.471.855.872
Cộng	1.506.261.687.521	823.471.855.872

6.2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	1.175.768.054.362	556.498.747.960
Cộng	1.175.768.054.362	556.498.747.960

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuần, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Tổng công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính yếu theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh như sau: Hoạt động xây lắp, hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ, hoạt động bất động sản, hoạt động xây dựng, hoạt động khác.

	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		Hoạt động bất động sản		Hoạt động xây dựng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Doanh thu										
Từ khách hàng bên ngoài	1.227.219.582.977	490.237.978.359	7.641.764.549	46.469.204.078	763.210.419.705	761.809.938.428	940.892.960	1.150.326.148	1.989.012.660.191	1.299.667.447.013
Cộng	1.227.219.582.977	490.237.978.359	7.641.764.549	46.469.204.078	763.210.419.705	761.809.938.428	940.892.960	1.150.326.148	1.989.012.660.191	1.299.667.447.013
Kết quả hoạt động kinh doanh										
Chi phí bộ phận										
+ Giá vốn	1.220.082.522.007	484.943.056.413	6.500.684.723	40.313.133.824	676.932.795.517	686.071.961.823	498.779.835	733.657.137	1.904.014.782.082	1.212.061.809.197
+ Chi phí khác	33.938.349.247	20.344.455.493	211.318.002	1.928.432.100	21.105.086.417	31.614.458.836	26.018.548	47.737.548	55.278.772.215	53.935.083.978
phần bỏ	(26.799.288.277)	(15.049.533.547)	929.761.824	4.227.638.154	65.172.537.770	44.123.517.769	416.094.577	368.931.463	39.719.105.894	33.670.553.838
LN từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	5.112.562.945	1.393.090.398
Doanh thu, Chi phí không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	34.137.646.437	23.821.861.027
+ Doanh thu lãi chính	-	-	-	-	-	-	-	-	992.009.176	1.036.093.137
+ Chi phí tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	1.230.466.517	658.230.990
+ Thu nhập khác	-	-	-	-	-	-	-	-	12.337.821.507	12.064.387.411
+ Chi phí khác	-	-	-	-	-	-	-	-	13.215.028.013	1.759.779.399
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	(10.356.096.909)	(4.142.234.463)
Thuế TNDN hiện hành	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Thuế TNDN hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận sau thuế									9.478.890.403	14.446.842.475

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thông tin khác	Hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		Hoạt động bất động sản		Hoạt động xây dựng		Hoạt động khác		Tổng cộng	
	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	2.138.453.110.630	789.475.248.257	13.315.917.866	74.833.627.840	1.329.908.452.180	1.226.812.521.294	1.639.523.607	1.852.475.861	3.483.317.004.283	2.092.973.873.253
Tổng tài sản	2.138.453.110.630	789.475.248.257	13.315.917.866	74.833.627.840	1.329.908.452.180	1.226.812.521.294	1.639.523.607	1.852.475.861	3.483.317.004.283	2.092.973.873.253
Nợ phải trả của bộ phận Nợ phải trả không phân bổ	1.509.936.653.279	414.555.379.176	9.402.213.384	39.295.320.573	939.032.755.720	644.202.248.350	1.157.648.384	972.739.595	2.459.529.270.768	1.099.025.687.694
Tổng Nợ phải trả	1.509.936.653.279	414.555.379.176	9.402.213.384	39.295.320.573	939.032.755.720	644.202.248.350	1.157.648.384	972.739.595	2.459.529.270.768	1.099.025.687.694

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

8. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

<u>Danh sách các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
1. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 3	Công ty con
2. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 4	Công ty con
3. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 8	Công ty con
4. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 12	Công ty con
5. Công ty TNHH Điện Gió Thuận Nhiên Phong 1	Công ty con
6. Công ty TNHH Điện Mặt Trời VNECO - Hòa Thắng	Công ty con
7. Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	Công ty con
8. Công ty TNHH Đầu tư VNECO	Công ty con
9. Công ty Cổ phần VNECO - RME	Công ty con
10. Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	Công ty con
11. Công ty CP Năng lượng VNECO	Công ty con
12. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	Công ty liên kết
13. Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	Công ty liên kết
14. Công ty CP Malblue	Công ty có chung nhân sự quản lý chủ chốt
15. HĐQT và Ban Tổng Giám đốc	Nhân sự quản lý chủ chốt

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán hợp nhất, số dư phải thu, phải trả, vay với các bên liên quan như sau:

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khách hàng:		
Công ty CP Malblue	15.142.797.534	119.269.397.327
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	1.125.686.378	149.953.468
Cộng - Xem thêm mục 4.4	16.268.483.912	119.419.350.795

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải thu khác:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	4.520.548	-
Cộng - Xem thêm mục 4.7	4.520.548	-

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Người mua trả tiền trước:		
Công ty CP Malblue	8.742.072.242	-
Cộng - Xem thêm mục 4.18	8.742.072.242	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM VÀ CÁC CÔNG TY CON

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Phải trả người bán:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	17.751.842.785	20.506.797.374
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	151.296.062	4.058.912.371
Cộng - Xem thêm mục 4.17	17.903.138.847	24.565.709.745

	Tại ngày 31/12/2021 VND	Tại ngày 01/01/2021 VND
Vay ngắn hạn		
Công ty CP Malblue	9.700.000.000	-
Cộng - Xem thêm mục 4.24	9.700.000.000	-

Trong năm, Tổng công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Mua khối lượng xây lắp, vật tư:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	17.761.485.624	40.135.585.613
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	13.414.554.329	46.201.104.342
Cộng	31.176.039.953	86.336.689.955

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Bán hàng:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 2	3.523.533.818	1.134.512.107
Công ty CP Malblue	21.002.543.213	-
Cộng - Xem thêm mục 5.1	24.526.077.031	1.134.512.107

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	2.016.438.356	3.029.166.667
Cộng	2.016.438.356	3.029.166.667

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu hồi thu xếp vốn có tính lãi:		
Công ty CP Xây dựng điện VNECO 10	2.016.438.356	3.029.166.667
Cộng	2.016.438.356	3.029.166.667

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Đi vay:		
Công ty CP Malblue	42.658.000.000	-
Cộng	42.658.000.000	-

Thù lao của Hội đồng quản trị, thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và các nhân viên quản lý chủ chốt khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thù lao HĐQT (nhiệm kỳ 2020-2025), bắt đầu từ ngày 30/06/2020:		
Ông Nguyễn Anh Tuấn	652.500.000	355.000.000
Ông Trần Quang Cần	84.000.000	42.000.000
Ông Phạm Phú Mai	116.500.000	62.000.000
Ông Đào Ngọc Quỳnh	116.500.000	62.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	84.000.000	42.000.000
Thù lao HĐQT (nhiệm kỳ 2015-2020), đến ngày 30/06/2020:		
Ông Đoàn Đức Hồng	-	48.000.000
Ông Phan Anh Quang	-	30.000.000
Ông Ngô Văn Cường	-	30.000.000
Ông Nguyễn Tịnh	-	30.000.000
Ông Trần Quang Cần	-	30.000.000
Ông Lê Mạnh Hùng	-	30.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc:		
Ông Trần Quang Cần	712.459.944	639.082.233
Ông Nguyễn Tịnh	547.454.949	581.633.022
Ông Trần Văn Huy	529.435.407	576.720.325
Ông Lê Văn Khôi	533.300.230	581.783.885
Ông Phạm Hữu Minh Huy	538.692.021	549.758.443
Ông Phan Anh Quang	-	328.865.648
Ông Ngô Văn Cường	-	324.472.245
Ông Đoàn Đức Hồng	-	458.492.386

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2020-2025), kể từ ngày 30/6/2020:		
Bà Nguyễn Thị Thanh Hà	336.000.000	106.980.000
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	75.500.000	34.000.000
Ông Lê Chí Dũng	53.500.000	146.731.255
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Ban Kiểm soát (nhiệm kỳ 2015-2020), đến ngày 30/6/2020		
Ông Lê Chí Dũng	-	136.491.000
Ông Lê Minh Tuấn	-	18.000.000
Ông Bửu Nguyễn Vinh Nguyễn	-	18.000.000

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC

Ngày 12/10/2007, Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam và bà Ngô Kim Huệ ký kết hợp đồng hợp tác đầu tư về xây dựng công trình phức hợp cao tầng tại thị trấn Tân Túc, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh. Tổng Công ty đã chuyển cho bà Ngô Kim Huệ 310.000.000.000 đồng bằng nguồn vốn phát hành trái phiếu và vay ngân hàng. Tuy nhiên việc sang tên để Tổng Công ty đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không hoàn thành đúng tiến độ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Ngày 25/06/2010, hai bên đã lập biên bản làm việc thống nhất chấm dứt hợp đồng hợp tác. Trên cơ sở đó, ngày 30/06/2010, hai bên thống nhất ký thanh lý hợp đồng hợp tác đầu tư. Theo đó, bà Ngô Kim Huệ phải trả lại cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng (Gồm 310.000.000.000 đồng tiền gốc và 90.000.000.000 đồng tiền lãi). Bà Ngô Kim Huệ sau đó đã chuyển trả cho Tổng Công ty 400.000.000.000 đồng nói trên.

Theo bản án 618/2018/HS-PT ngày 02/11/2018, TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh xác định Tổng Công ty có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Bà Hứa Thị Phấn và các bị cáo khác phạm tội "Lợi dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản", "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", do liên quan đến số tiền 200.000.000.000 đồng trong 400.000.000.000 đồng mà bà Ngô Kim Huệ chuyển cho Tổng Công ty. Theo đó, bản án yêu cầu Tổng Công ty hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng cho Ngân hàng Xây dựng Việt Nam. Về quan hệ giữa các bị cáo và Tổng Công ty sẽ được giải quyết trong một vụ án khác khi các bên có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

Hiện tại Tổng Công ty đang làm các thủ tục đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục Giám đốc thẩm.

Ngày 08/02/2022, Cục thi hành án dân sự Thành phố Đà Nẵng ban hành quyết định về việc hoãn thi hành án đối với Tổng Công ty về việc buộc Tổng Công ty phải hoàn trả lại số tiền 200.000.000.000 đồng được xác định là vật chứng vụ án cho Ngân hàng TNHH MTV Xây dựng Việt Nam.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**11. CAM KẾT GÓP VỐN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tình hình cam kết góp vốn điều lệ vào công ty con như sau:

	Cam kết góp vốn trên giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp	Tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty	Số vốn của Tổng Công ty đã góp đến ngày 31/12/2021	Số vốn Tổng Công ty còn phải góp tại ngày 31/12/2021
	VND	%	VND	VND
Công ty TNHH MTV VNECO Miền Trung	12.000.000.000	100%	1.631.184.792	10.368.815.208
Công ty TNHH Điện mặt trời VNECO - Hòa Thắng	200.000.000.000	100%	20.000.000.000	180.000.000.000
Công ty CP Năng lượng VNECO	51.000.000.000	51%	-	51.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư VNECO	50.000.000.000	100%	20.000.000.000	30.000.000.000
Công ty TNHH MTV Xây dựng Năng lượng VNECO	100.000.000.000	100%	1.000.000.000	99.000.000.000
Công ty Cổ phần VNECO - RME	25.500.000.000	51%	15.000.000.000	10.500.000.000

12. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021 NQ/VNECO - ĐHĐCĐ ngày 30/06/2021 đã thông qua chủ trương tăng vốn điều lệ của Tổng Công ty từ 904.329.530.000 đồng lên 1.504.329.530.000 đồng. Hình thức phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ: phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu hoặc phát hành cổ phiếu riêng lẻ.

Do các lý do khách quan và tình hình diễn biến phức tạp của đại dịch COVID-19, Tổng Công ty chưa thực hiện triển khai tăng vốn điều lệ từ 904.329.530.000 đồng lên 1.504.329.530.000 đồng. HĐQT dự kiến trình ĐHĐCĐ họp thường niên năm 2022 thông qua việc tiếp tục phát hành tăng vốn trong năm 2022.

2. Theo Nghị quyết số 08 NQ/VNECO-HĐQT ngày 22/03/2022, HĐQT Tổng Công ty đã thống nhất thoái toàn bộ vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xây dựng điện VNECO2. Phương thức bán: Thỏa thuận và khớp lệnh trên sàn HNX. Lý do thoái vốn: Tổng Công ty thực hiện tái cơ cấu danh mục đầu tư tài chính. Thời gian thực hiện từ tháng 3 đến tháng 4/2022.

Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất.



Trần Quang Cần
Tổng Giám đốc
Đà Nẵng, ngày 31 tháng 03 năm 2022

Phạm Đỗ Minh Triết
Kế toán trưởng

Võ Quang
Người lập



Tổng Công ty Cổ phần Xây dựng điện Việt Nam ban hành 02 Báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính Hợp nhất và Báo cáo tài chính Tổng hợp.

Báo cáo tài chính Tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Thẩm định giá và Tư vấn ECOVIS AFA Việt Nam, đã được công bố trên thị trường chứng khoán và đăng tải trên website của Tổng Công ty theo địa chỉ:

vneco.com.vn/Investors/AnnualReport/2021/Kiemtoan/VP/VNE_BCTC_TONGHOP_2021%21BH.pdf



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM



VNECO

Đà Nẵng, ngày ... tháng 4 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN QUANG CẢN



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG ĐIỆN VIỆT NAM - VNECO

Địa chỉ: 344 Phan Châu Trinh, Phường Bình Thuận, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

Số điện thoại: (+84) 236 356 2361

Fax: (+84) 2361 356 2367

Website: www.vneco.com.vn

VIETNAM ELECTRICITY CONSTRUCTION JOINT STOCK CORPORATION

Address: No. 344, Phan Chau Trinh Street, Binh Thuan Ward, Hai Chau District, Da Nang City

Telephone: (+84) 236 356 2361 Fax: (+84) 236 356 2367 Website: www.vneco.com.vn